

LỊCH SỬ 12

Học sinh ôn tập lại nội dung đã học và làm bài tập trắc nghiệm theo chủ đề và một số đề thi THPT QG tham khảo

PHẦN LỊCH SỬ THẾ GIỚI 1945-2000

CHỦ ĐỀ 1: SỰ HÌNH THÀNH TRẬT TỰ THẾ GIỚI MỚI SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI

Câu 1. Một trong những cơ quan chính của Liên Hợp Quốc được quy định trong Hiến chương (năm 1945) là

- A. Tổ chức Y tế Thế giới.
- B. Tòa án Quốc tế.
- C. Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa.
- D. Quỹ Tiền tệ Quốc tế.

Câu 2. Hội nghị Ianta (2/1945) không quyết định

- A. thành lập tổ chức Liên Hợp Quốc nhằm duy trì hòa bình, an ninh thế giới.
- B. tiêu diệt tận gốc chủ nghĩa phát xít Đức, chủ nghĩa quân phiệt Nhật Bản.
- C. thỏa thuận việc phân chia phạm vi ảnh hưởng ở Châu Âu và Châu Á.
- D. đưa quân đồng minh vào Đông Dương giải giáp quân đội Nhật Bản.

Câu 3. Nội dung nào dưới đây không phải là vấn đề cấp bách đặt ra đối với các cường quốc Liên Xô, Mĩ, Anh vào đầu năm 1945?

- A. Nhanh chóng đánh bại chủ nghĩa phát xít.
- B. Tổ chức lại thế giới sau chiến tranh.
- C. Phân chia thành quả chiến thắng.
- D. Kí hòa ước với các nước bại trận.

Câu 4. Quyết định của Hội nghị Ianta (2/1945) và những thỏa thuận sau đó giữa ba cường quốc Liên Xô, Mĩ, Anh đã trở thành khuôn khổ của một trật tự thế giới mới vì

- A. các nước tham chiến được hưởng nhiều quyền lợi sau chiến tranh.
- B. đã dẫn tới sự giải thể của chủ nghĩa thực dân ở các thuộc địa.

C. làm cho cục diện hai cực, hai phe được xác lập trên toàn thế giới.

D. đã phân chia xong phạm vi ảnh hưởng giữa các nước thắng trận.

Câu 5. Việt Nam là thành viên thứ mấy của Liên hợp quốc ?

A. 1947

B. 1948

C. 1949

D. 1950

Câu 6. Việt Nam là thành viên không thường trực của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc nhiệm kì

A. 2007-2008

B. 2008 – 2009

C. 2009-2010

D. 2010-2012.

Câu 7. Theo quyết định của Hội nghị Ianta, quân đội nước nào sẽ chiếm đóng các vùng lãnh thổ: Đông Đức, Đông Âu, Bắc Triều Tiên ?

A. Liên Xô

B. Mỹ

C. Anh

D. Pháp

Câu 8. Hội nghị Ianta diễn ra trong khoảng thời gian nào sau đây?

A. Từ ngày 4 đến ngày 11 /2/1945.

B. Từ ngày 4 đến ngày 14 /2/1945.

C. Từ ngày 2 đến ngày 14 /2/1945

D. Từ ngày 2 đến ngày 11 /2/1945.

Câu 9. Nguyên thủ của ba cường quốc tham gia Hội nghị Ianta gồm

A. Rudoven - Sốcsin - Kennodi.

B. Rudoven - Sốcsin - Xtalin.

C. Sốcsin - Kennodi - Níchxon.

D. Rudoven - Sốcsin - Aixenhao.

Câu 10. Nội dung nào không phải là quyết định quan trọng của Hội nghị Ianta?

A. Thành lập tổ chức Liên hợp quốc.

B. Thành lập khối đồng minh chống phát xít.

C. Tiêu diệt tận gốc chủ nghĩa phát xít Đức và chủ nghĩa quân phiệt Nhật Bản.

D. Thỏa thuận việc đóng quân và phân chia phạm vi ảnh hưởng ở châu Âu và châu Á.

Câu 11. Hội nghị Ianta có ảnh hưởng như thế nào đến tình hình quan hệ quốc tế sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

A. Làm nảy sinh những mâu thuẫn mới giữa các nước đế quốc với nhau.

B. Đánh dấu sự hình thành một trật tự thế giới mới sau chiến tranh.

C. Đánh dấu sự xác lập vai trò duy nhất thống trị toàn cầu của Mỹ.

D. Trở thành khuôn khổ một trật tự thế giới mới, từng bước được thiết lập trong những năm 1945 - 1949.

Câu 12. Trụ sở của LHQ được đặt tại đâu?

A. Pari (Pháp). B. Niu óoc (Mỹ). C. Giơnevơ (Thụy Sĩ). D. Luân Đôn (Anh).

Câu 13. Mọi quyết định của Hội đồng Bảo an phải được sự nhất trí của năm nước Ủy viên thường trực. Đó là những nước nào?

A. Liên Xô (Nga) - Nhật Bản - Trung Quốc - Mỹ - Anh.

B. Đức - Nhật Bản - Mỹ - Anh - Pháp.

C. Liên Xô (Nga) - Mỹ - Anh - Pháp - Trung Quốc.

D. Liên Xô (Nga) - Mỹ - Anh - Đức - Trung Quốc.

Câu 14. Duy trì hòa bình và an ninh thế giới, phát triển mối quan hệ giữa các dân tộc trên cơ sở tôn trọng độc lập chủ quyền của các dân tộc và thực hiện hợp tác quốc tế về kinh tế, văn hóa, xã hội và nhân đạo là nhiệm vụ chính của

A. Liên hợp quốc.

B. Liên minh châu Âu (EU).

C. Hội nghị Ianta.

D. Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN).

Câu 15. Việc Liên Xô là một trong năm nước ủy viên thường trực của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc có ý nghĩa như thế nào trong quan hệ quốc tế?

A. Khẳng định vị thế của Liên Xô trong tổ chức Liên hợp quốc.

B. Góp phần làm hạn chế sự thao túng của CNTB đối với tổ chức Liên hợp quốc.

C. Khẳng định đây là một tổ chức quốc tế quan trọng nhất trong "đời sống chính trị" quốc tế sau Chiến tranh thế giới thứ hai.

D. Thể hiện đây là một tổ chức quốc tế có vai trò quan trọng trong việc duy trì hòa bình, an ninh thế giới sau Chiến tranh thế giới thứ hai.

Câu 16. Hội nghị Ianta diễn ra căng thẳng, quyết liệt chủ yếu do

- A. các nước tham dự đều muốn giành quyền lợi tương xứng với vai trò, địa vị của mình.
- B. Liên Xô muốn duy trì, củng cố hòa bình, còn Mĩ muốn phân chia thế giới thành các hệ thống xã hội đối lập.
- C. mâu thuẫn trong quan điểm của các cường quốc về vấn đề thuộc địa sau chiến tranh.
- D. quan điểm khác nhau về việc có hay không tiêu diệt tận gốc chủ nghĩa phát xít.

Câu 17. Hội nghị Ianta diễn ra trong bối cảnh

- A. chiến tranh thế giới thứ hai bắt đầu bùng nổ.
- B. chiến tranh thế giới thứ hai đang diễn ra quyết liệt.
- C. chiến tranh thế giới thứ hai đã kết thúc.
- D. chiến tranh thế giới thứ hai đang bước vào giai đoạn kết thúc.

Câu 18. Tham dự Hội nghị Ianta gồm các nguyên thủ, đại diện cho các quốc gia

- A. Anh, Pháp, Liên Xô.
- B. Liên Xô, Anh, Mĩ.
- C. Anh, Pháp, Mĩ.
- D. Liên Xô, Mĩ, Pháp.

Câu 19. Theo thỏa thuận của các cường quốc Đồng minh tại Hội nghị Ianta, khu vực Đông Nam Á thuộc phạm vi ảnh hưởng của

- A. Liên Xô.
- B. Mĩ.
- C. Anh.
- D. các nước phương Tây.

Câu 20. Nhiều vấn đề được đặt ra trước các nước Đồng minh tại Hội nghị Ianta, ngoại trừ việc

- A. hợp tác để phát triển kinh tế.
- B. tổ chức lại thế giới sau chiến tranh.
- C. nhanh chóng đánh bại hoàn toàn các nước phát xít.
- D. phân chia thành quả thắng lợi giữa các nước thắng trận

Câu 21. Hiến chương Liên hợp quốc và quyết định chính thức thành lập LHQ được thông qua tại hội nghị nào ?

- A. Hội nghị Ianta (Liên Xô)
- B. Hội nghị Xan Phranxixco (Mỹ, từ tháng 4 đến tháng 6/1945).
- C. Hội nghị Pôt-đam (Đức, từ tháng 7 đến tháng 8/1945).
- D. Hòa hội Pari (Pháp, tháng 2/1947).

Câu 22. Cơ quan giữ vai trò trọng yếu trong việc duy trì hòa bình và an ninh thế giới của Liên hợp quốc là

- A. Đại hội đồng LHQ.
- B. Hội đồng bảo an.
- C. Hội đồng kinh tế và xã hội.
- D. Ban thư kí LHQ.

Câu 23. Nội dung nào sau đây *không phải* là nguyên tắc hoạt động của Liên hợp quốc ?

- A. Duy trì hòa bình và an ninh thế giới.
- B. Giải quyết các tranh chấp bằng biện pháp hòa bình.
- C. Tôn trọng toàn vẹn lãnh thổ và độc lập chính trị của các nước.
- D. Bình đẳng chủ quyền của các quốc gia và quyền tự quyết của các dân tộc.

Câu 24. Những quyết định của Hội nghị Ianta cùng những thỏa thuận sau đó của ba cường quốc đưa đến hệ quả là

- A. hình thành hai hệ thống xã hội đối lập.
- B. thành lập tổ chức Liên Hợp quốc nhằm duy trì hòa bình và an ninh thế giới.
- C. tiêu diệt hoàn toàn chủ nghĩa phát xít Đức và chủ nghĩa quân phiệt Nhật Bản.
- D. một trật tự thế giới mới được hình thành, thường được gọi là “Trật tự hai cực Ianta”.

Câu 25. Mục đích quan trọng của tổ chức Liên hợp quốc là

- A. duy trì hòa bình và an ninh thế giới.
- B. phát triển mối quan hệ hữu nghị giữa các dân tộc.
- C. thực hiện quyền bình đẳng và quyền tự quyết các dân tộc.

D. tiến hành hợp tác quốc tế giữa các nước thành viên.

Câu 26. Trật tự thế giới hai cực Ianta được hình thành trên cơ sở nào ?

A. Những quyết định của Hội nghị Ianta.

B. Những thỏa thuận sau Hội nghị Ianta của ba cường quốc.

C. Những quyết định của các nước thường trực Hội đồng bảo an Liên hợp quốc.

D. Những quyết định của Hội nghị Ianta cùng với những thỏa thuận sau Hội nghị Ianta của ba cường quốc.

Câu 27. Đặc điểm nổi bật của trật tự thế giới mới được hình thành trong những năm sau chiến tranh thế giới thứ hai là

A. một trật tự thế giới được thiết lập trên cơ sở các nước tư bản thắng trận áp đặt quyền thống trị đối với các nước bại trận.

B. một trật tự thế giới hoàn toàn do CNTB thao túng.

C. một trật tự thế giới có sự phân tuyến triệt để giữa hai phe xã hội chủ nghĩa và TBCN.

D. một trật tự thế giới được thiết lập trên cơ sở các nước thắng trận áp đặt quyền thống trị đối với các nước bại trận và các dân tộc thuộc địa.

Câu 28. Nhận xét nào dưới đây là đúng về vai trò của Liên hợp quốc trước những biến động của tình hình thế giới hiện nay?

A. Bảo vệ các di sản trên thế giới, cứu trợ nhân đạo.

B. Ngăn chặn các đại dịch đe dọa sức khỏe loài người.

C. Thúc đẩy các mối quan hệ giao lưu, hợp tác giữa các nước thành viên.

D. Trở thành diễn đàn hợp tác, đấu tranh duy trì hoà bình và an ninh thế giới.

Câu 29. Vấn đề nước Đức được thỏa thuận tại Hội nghị Ianta như thế nào?

A. Nước Đức sẽ trở thành một quốc gia độc lập, thống nhất, dân chủ và hòa bình.

B. Nước Đức phải chấp nhận sự chiếm đóng lâu dài của quân đội Đồng minh.

C. Nước Đức phải chấp nhận tồn tại hai nhà nước với hai chế độ chính trị và con đường phát triển khác nhau.

D. Nước Đức phải trở thành một quốc gia thống nhất, hòa bình, dân chủ, và tiêu diệt tận gốc chủ nghĩa phát xít.

Câu 30. Theo thỏa thuận của Hội nghị Pốttxdam, nước Đức tạm thời chia thành mấy khu vực quân quản?

A. 2 khu vực. B. 3 khu vực. C. 4 khu vực. D. 5 khu vực.

Câu 31. Theo thỏa thuận của Hội nghị Pốttxdam, việc giải giáp quân đội Nhật Bản ở Đông Dương được giao cho quân đội nước nào?

A. Anh - Pháp. B. Anh - Mỹ. C. Anh - Trung Quốc. D. Pháp - Trung Quốc.

Câu 32. Ngày 31/10/1947, Đại hội đồng Liên Hiệp Quốc quyết định lấy ngày nào hàng năm làm "Ngày Liên hợp quốc"?

A. 24/10. B. 31/10. C. 26/10. D. 27/10.

Câu 33. Cơ quan nào của Liên hợp quốc có sự tham gia đầy đủ đại diện các nước thành viên và mỗi năm họp một kì?

A. Ban thư kí. B. Hội đồng Bảo an.

C. Hội đồng quản thác. D. Đại hội đồng.

Câu 34. Việt Nam đã và đang vận dụng nguyên tắc cơ bản nào của Liên hợp quốc để đối phó với vấn đề phức tạp ở Biển Đông hiện nay?

A. Bình đẳng chủ quyền giữa các quốc gia và quyền tự quyết của các dân tộc.

B. Không can thiệp vào công việc nội bộ của bất kì nước nào.

C. Giai quyết các tranh chấp quốc tế bằng biện pháp hòa bình.

D. Chung sống hòa bình và đảm bảo sự nhất trí giữa các nước lớn.

Câu 35. Mối quan hệ giữa Liên hợp quốc với Việt Nam hiện nay là

A. theo hướng ngày càng sâu rộng và hiệu quả.

B. giúp đỡ giải quyết những hậu quả của chiến tranh.

C. viện trợ không hoàn lại, hỗ trợ phát triển kinh tế, văn hóa.

D. thúc đẩy cải cách, xóa đói, giảm nghèo và phát triển bền vững.

Câu 6. Một trong những biểu hiện Liên Xô là thành trì của cách mạng thế giới từ năm 1950 đến nửa đầu những năm 70 của thế kỉ XX là

- A. tích cực giúp đỡ các nước xã hội chủ nghĩa.
- B. trực tiếp đối đầu với các cường quốc phương Tây.
- C. làm phá sản hoàn toàn chiến lược toàn cầu của Mỹ.
- D. thúc đẩy sự hình thành xu thế hợp tác toàn cầu.

Câu 7. Sự kiện Liên Xô chế tạo thành công bom nguyên tử năm 1949 đã

- A. buộc các nước phương Tây phải đặt quan hệ ngoại giao với Liên Xô.
- B. chứng tỏ Liên Xô là nước đầu tiên chế tạo thành công bom nguyên tử.
- C. phá vỡ thế độc quyền về vũ khí nguyên tử của Mỹ.
- D. làm đảo lộn hoàn toàn chiến lược toàn cầu của Mỹ.

Câu 8. Từ năm 1950 đến nửa đầu những năm 70 của thế kỉ XX, Liên Xô thực hiện nhiệm vụ trọng tâm là

- A. khôi phục kinh tế và hàn gắn vết thương chiến tranh.
- B. tiếp tục xây dựng cơ sở vật chất-kỹ thuật của chủ xã hội.
- C. củng cố, hoàn thiện hệ thống chính trị của chủ nghĩa xã hội.
- D. thành lập và phát triển Hội đồng tương trợ kinh tế.

Câu 9. Yếu tố nào dưới đây quyết định sự thành công của Liên Xô trong việc thực hiện kế hoạch 5 năm (1946-1950)?

- A. Liên Xô là nước thắng trận trong Chiến tranh thế giới thứ hai.
- B. Nhân dân Liên Xô có tinh thần tự lực, tự cường.
- C. Liên Xô có lãnh thổ rộng lớn, tài nguyên phong phú.
- D. Liên Xô có sự hợp tác hiệu quả với các nước Đông Âu.

Câu 10. Nội dung nào dưới đây là sự khái quát về chính sách đối ngoại của Liên Xô sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến giữa những năm 70 của thế kỉ XX?

- A. Giúp đỡ các nước trong hệ thống xã hội chủ nghĩa.

B. Chống lại âm mưu gây chiến của các thế lực thù địch.

C. Bảo vệ hòa bình, ủng hộ phong trào cách mạng thế giới.

D. Ủng hộ phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.

Câu 11. Nhận định nào dưới đây là chính sách đối ngoại của Liên Xô từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến nửa đầu những năm 70 của thế kỉ XX là đúng?

A. Trung lập, tích cực.

B. Hòa hoãn, tích cực.

C. Hòa bình, trung lập.

D. Tích cực, tiến bộ.

Câu 12. Những năm đầu sau khi Liên Xô tan rã, Liên bang Nga thực hiện chính sách đối ngoại ngả về phương Tây với hy vọng

A. thành lập một liên minh chính trị ở Châu Âu.

B. xây dựng một liên minh kinh tế lớn ở Châu Âu.

C. nhận được sự ủng hộ về chính trị và sự viện trợ về kinh tế.

D. tăng cường hợp tác khoa học-kỹ thuật với các nước châu Âu.

Câu 13. Thuận lợi nào là chủ yếu để Liên Xô xây dựng đất nước sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

A. Tính ưu việt của CNXH.

B. Tinh thần tự lực, tự cường của nhân dân Liên Xô.

C. Sự ủng hộ của phong trào cách mạng thế giới.

D. Những thành tựu từ công cuộc xây dựng CNXH trước Chiến tranh thế giới thứ hai.

Câu 14. Lĩnh vực Liên Xô đã đi đầu trong công cuộc xây dựng cơ sở vật chất kĩ thuật của CNXH (từ năm 1950 đến nửa đầu những năm 70 của thế kỉ XX) là

A. công nghiệp quốc phòng. B. công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng.

C. công nghiệp nặng (chế tạo máy móc).

D. công nghiệp vũ trụ, công nghiệp điện hạt nhân.

Câu 15. Liên xô chế tạo thành công bom nguyên tử có ý nghĩa như thế nào?

- A. Đánh dấu bước phát triển về khoa học - kĩ thuật của LX.
- B. Cân bằng sức mạnh quân sự giữa LX và Mĩ, phá vỡ thế độc quyền vũ khí hạt nhân của Mĩ.
- C. Mĩ không còn đe dọa nhân dân thế giới bằng vũ khí nguyên tử được nữa.
- D. Lực lượng quân sự của Liên Xô và Mĩ cân bằng, Mĩ không thể đe dọa thế giới bằng vũ khí hạt nhân.

Câu 16. Sự kiện nào mở đầu kỉ nguyên chinh phục vũ trụ của loài người?

- A. Phóng thành công vệ tinh nhân tạo.
- B. Vệ tinh Sputnik thoát khỏi sức hút của trái đất.
- C. Nhà du hành vũ trụ Amstrong đi bộ trên mặt trăng.
- D. Phóng tàu vũ trụ đưa nhà du hành vũ trụ Gagarin bay vòng quanh trái đất.

Câu 17. Thành tựu quan trọng nhất của LX trong công cuộc xây dựng CNXH là

- A. chế tạo thành công bom nguyên tử.
- B. phóng thành công vệ tinh nhân tạo.
- C. phóng thành công tàu vũ trụ có người lái đầu tiên.
- D. trở thành cường quốc công nghiệp lớn thứ hai trên thế giới.

Câu 18. Đến những năm 70 của thế kỉ XX, Liên Xô đã đạt được thành tựu cơ bản gì thể hiện sự cạnh tranh với Mĩ và Tây Âu?

- A. Thế cân bằng về chinh phục vũ trụ.
- B. Thế cân bằng về sức mạnh kinh tế.
- C. Thế cân bằng về sức mạnh hạt nhân.
- D. Thế cân bằng chiến lược về sức mạnh quân sự, kinh tế.

Câu 19. Ý nghĩa lớn nhất của những thành tựu mà Liên Xô đạt được trong công cuộc xây dựng CNXH (từ năm 1950 - nửa đầu những năm 70 của thế kỉ XX) là

- A. thể hiện tính ưu việt của CNXH.
- B. nâng cao vị thế của Liên Xô trên trường quốc tế.
- C. đạt thế cân bằng về sức mạnh quân sự với Mĩ.
- D. ủng hộ phong trào giải phóng dân tộc.

Câu 20. Vai trò của Liên Bang Nga từ khi Liên Xô tan rã là gì?

- A. Quốc gia kế tục địa vị pháp lý của Liên Xô trên trường quốc tế.
- B. Quyết định trong việc giải quyết các tranh chấp quốc tế.
- C. Trụ cột của phong trào cách mạng thế giới.
- D. Trung gian hòa giải các tranh chấp giữa các quốc gia.

Câu 21. Điểm khác nhau về mục đích trong việc sử dụng năng lượng nguyên tử của Liên Xô với Mĩ là gì?

- A. Mở rộng lãnh thổ.
- B. Khống chế các nước khác.
- C. Duy trì hòa bình an ninh thế giới.
- D. Ủng hộ phong trào cách mạng thế giới.

Câu 22. Sự sụp đổ của chế độ XHCN ở Liên Xô và Đông Âu đã tác động như thế nào đến tình hình thế giới?

- A. Mĩ vươn lên xác lập trật tự thế giới “một cực”.
- B. Chấm dứt cuộc chạy đua vũ trang trên quy mô toàn cầu.
- C. Dẫn đến sự sụp đổ hoàn toàn của hệ thống XHCN trên thế giới.
- D. Chủ nghĩa xã hội lâm vào thời kì thoái trào, trật tự hai cực lảng tan rã.

Câu 23. Tổ chức liên kết kinh tế của Liên Xô và các nước XHCN là

- A. kế hoạch Mác-san.
- B. Liên minh châu Âu (EU).
- C. Hội đồng tương trợ kinh tế (SEV).
- D. Hiệp hội các nước Đông Nam Á (ASEAN).

Câu 24. Tổ chức liên minh về chính trị và quân sự giữa Liên Xô và các nước XHCN được thành lập năm 1955 là

- A. Tổ chức NATO.
- B. Tổ chức Hiệp ước Vacsava.
- C. Cộng đồng các quốc gia độc lập.
- D. Khối quân sự SEATO.

Câu 25. Việt Nam nhận được sự giúp đỡ và viện trợ chủ yếu từ quốc gia nào trong quá trình đấu tranh giải phóng dân tộc và xây dựng CNXH?

- A. Trung Quốc.
- B. Liên Xô.
- C. Ấn Độ.
- D. Cuba.

CHỦ ĐỀ 3: CÁC NƯỚC Á, PHI, MĨ LA-TINH (1945-2000)

Câu 1. Một trong những ý nghĩa quốc tế của sự thành lập nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa (1/10/1949) là

- A. cổ vũ mạnh mẽ phong trào giải phóng dân tộc ở Đông Bắc Á.
- B. làm cho chủ nghĩa xã hội trở thành một hệ thống trên thế giới.
- C. tạo điều kiện nối liền chủ nghĩa xã hội từ Châu Âu sang Châu Á.
- D. làm giảm tình trạng căng thẳng của cục diện Chiến tranh lạnh.

Câu 2. Những quốc gia Đông Nam Á tuyên bố độc lập trong năm 1945 là

- A. Ấn Độ, Việt Nam, Lào.
- B. Campuchia, Malaixia, Bru-nây.
- C. Ấn Độ, Malaixia, Xingapo.
- D. Miến Điện, Việt Nam, Philipin.

Câu 3. Yếu tố nào sau đây quyết định sự phát triển của phong trào giải phóng dân tộc ở các nước châu Á sau chiến tranh thế giới thứ hai?

- A. Sự suy yếu của các nước đế quốc chủ nghĩa phương Tây.
- B. Ý thức độc lập và sự lớn mạnh của các lực lượng dân tộc.
- C. Thắng lợi của phe đồng minh trong chiến tranh chống phát xít.
- D. Hệ thống xã hội chủ nghĩa hình thành và ngày càng phát triển.

Câu 4. Mục tiêu cơ bản của chiến lược phát triển kinh tế hướng nội của nhóm 5 nước sáng lập ASEAN là

- A. mở cửa nền kinh tế.
- B. phát triển ngoại thương.
- C. xây dựng nền văn hóa tự chủ.
- D. xây dựng nền kinh tế tự chủ, lấy thị trường trong nước làm chỗ dựa.

Câu 5. Lịch sử ghi nhận năm 1960 là năm của châu Phi. Vì sao?

- A. Chủ nghĩa thực dân sụp đổ ở châu Phi.
- B. Có 17 nước ở châu Phi giành được độc lập.
- C. Hệ thống thuộc địa của đế quốc lần lượt tan rã.
- D. Tất cả các nước châu Phi đều giành được độc lập.

Câu 6. Đây là đặc điểm chung nhất của khu vực Đông Bắc Á?

A. Là khu vực rộng lớn, đông dân nhất thế giới và có nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú.

B. Là khu vực rộng lớn nhất thế giới, dân số đông nhưng không giàu tài nguyên thiên nhiên.

C. Là khu vực rộng lớn, giàu có về tài nguyên thiên nhiên.

D. Là khu vực rộng lớn, dân số đông, thị trường tiêu thụ rộng lớn.

Câu 7. Những quốc gia và vùng lãnh thổ nào ở khu vực Đông Bắc Á được mệnh danh là "con rồng" kinh tế châu Á"?

A. Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan. B. Triều Tiên, Hàn Quốc, Đài Loan.

C. Nhật Bản, Ma Cao, Đài Loan. D. Hàn Quốc, Hồng Kông, Đài Loan.

Câu 8. Trong bối cảnh cuộc chiến tranh lạnh, bán đảo Triều Tiên đã có sự biến đổi chính trị gì?

A. Hình thành hai nhà nước Đại Hàn dân quốc (Hàn Quốc, 8/1948) và CHDCND Triều Tiên(9/1948).

B. Tiến hành cuộc Tổng tuyển cử thống nhất đất nước.

C. Chính trị tương đối ổn định.

D. Diễn ra cuộc chiến tranh giữa hai miền từ năm 1950 - 1953.

Câu 9. Người đề xướng và lãnh đạo đường lối cải cách – mở cửa của Trung Quốc?

A. Hoa Quốc Phong. B. Diệp Kiếm Hoa.

C. Đặng Tiểu Bình. D. Giang Trạch Dân

Câu 10. Mục tiêu của công cuộc cải cách, mở cửa mà Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc đề ra từ tháng 12/1978 là

A. phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

B. nâng cao vị thế Trung Quốc trên trường quốc tế.

C. đưa Trung Quốc thành cường quốc về kinh tế.

D. biến Trung Quốc thành quốc gia giàu mạnh, dân chủ, văn minh.

Câu 11. Chính sách đối ngoại của Trung Quốc từ những năm 80 của thế kỉ XX là

- A. thực hiện đường lối đối ngoại bất lợi cho cách mạng Trung Quốc.
- B. gây chiến tranh xâm lược biên giới phía bắc Việt Nam.
- C. mở rộng quan hệ hữu nghị, hợp tác với nhiều nước trên thế giới.
- D. bắt tay với Mỹ chống lại Liên Xô.

Câu 12. Cuộc nội chiến giữa Quốc dân Đảng và Đảng Cộng sản ở Trung Quốc diễn ra trong khoảng thời gian nào?

- A. Từ năm 1945 đến năm 1946.
- B. Từ năm 1946 đến năm 1947.
- C. Từ năm 1946 đến năm 1949.
- D. Từ năm 1947 đến năm 1949.

Câu 13. Đảng và nhà nước Trung Quốc xác định trọng tâm của "Đường lối chung" là

- A. lấy đổi mới chính trị là trung tâm.
- B. lấy đổi mới kinh tế làm trọng tâm.
- C. đổi mới chính trị là nền tảng để đổi mới kinh tế.
- D. tiến hành đồng thời đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị.

Câu 14. Thành công của cách mạng Trung Quốc đã ảnh hưởng như thế nào đến cách mạng Việt Nam?

- A. Giúp Việt Nam tập trung phát triển kinh tế.
- B. Giúp đỡ Việt Nam trong việc giao lưu, phát triển văn hóa dân tộc.
- C. Tạo điều kiện cho sinh viên Việt Nam sang du học ở Trung Quốc, học hỏi kinh nghiệm lãnh đạo cách mạng Việt Nam.
- D. Tăng cường lực lượng XHCN và động viên, giúp đỡ, để lại nhiều bài học quý báu cho phong trào cách mạng Việt Nam.

Câu 15. Ý nghĩa quan trọng nhất trong sự ra đời nước CHND Trung Hoa là

- A. tăng cường hệ thống XHCN trên thế giới.
- B. ảnh hưởng sâu sắc đến phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.
- C. đưa nước Trung Hoa bước vào kỉ nguyên độc lập, tự do và tiến lên CNXH.

D. chấm dứt hơn 100 năm nô dịch và thống trị của đế quốc, xóa bỏ tàn dư phong kiến.

Câu 16. Sau chiến tranh thế giới thứ hai, các nước Đông Nam Á có biến đổi gì quan trọng nhất?

- A. Kinh tế các nước Đông Nam Á đều phát triển.
- B. Các nước Đông Nam Á đều tham gia ASEAN.
- C. Hầu hết các nước Đông Nam Á đều giành được độc lập.
- D. Các nước Đông Nam Á đều tham gia tổ chức Liên hợp quốc.

Câu 17. Nhóm 5 nước tham gia sáng lập tổ chức ASEAN là những nước nào?

- A. Malaixia, Philippin, Miến Điện, Thái Lan và Singapo.
- B. Malaixia, Inđônêxia, Miến Điện, Thái Lan và Singapo.
- C. Malaixia, Brunây, Inđônêxia, Thái Lan và Singapo.
- D. Malaixia, Philippin, Inđônêxia, Thái Lan và Singapo.

Câu 18. ASEAN thành lập nhằm mục đích gì?

- A. Chống lại sự xâm lược của Mĩ.
- B. Chống lại sự thao túng của Mĩ về kinh tế.
- C. Hình thành liên minh quân sự để bành trướng thế lực ra bên ngoài.
- D. Phát triển kinh tế, văn hóa thông qua sự hợp tác giữa các thành viên vì hòa bình, ổn định và phát triển khu vực.

Câu 19. Sau chiến tranh thế giới thứ hai, nhân dân các nước Đông Nam Á có cơ hội thuận lợi nào trong cuộc đấu tranh giành độc lập?

- A. Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc.
- B. Quân đồng minh chiếm đóng Nhật Bản.
- C. Quân phiệt Nhật Bản đầu hàng đồng minh không điều kiện.
- D. Liên xô giúp đỡ phong trào đấu tranh giành độc lập đối với nhân dân các nước Đông Nam Á.

Câu 20. Trước chiến tranh thế giới thứ hai, hầu hết các quốc gia Đông Nam Á (trừ Thái Lan) là thuộc địa của

- A. Mĩ, Nhật Bản. B. Pháp, Nhật Bản.
C. Anh, Pháp, Mĩ. D. các nước đế quốc Âu Mĩ.

Câu 21. Quốc gia nào của Đông Nam Á trở thành một trong bốn "con rồng" kinh tế của châu Á?

- A. Thái Lan. B. Brunây. C. Xingapo. D. Indônêxia.

Câu 22. Cơ hội của Việt Nam khi gia nhập tổ chức ASEAN là

A. có điều kiện tiếp thu, học hỏi trình độ quản lí kinh tế của các nước trong khu vực.

B. tạo điều kiện để nền kinh tế nước ta thu hẹp khoảng cách phát triển với các nước trong khu vực.

C. có điều kiện tiếp thu những tiến bộ khoa học - kĩ thuật tiên tiến nhất của thế giới để phát triển kinh tế.

D. hội nhập, giao lưu và hợp tác với thế giới, khu vực về mọi mặt: kinh tế, giáo dục, văn hóa, khoa học - kĩ thuật, y tế, thể thao,...

Câu 23. Điểm khác về thành tựu của chiến lược kinh tế hướng ngoại so với chiến lược kinh tế hướng nội của các nước sáng lập ASEAN là gì?

A. Đã xây dựng được một nền kinh tế tự chủ, đáp ứng được yêu cầu của nhân dân trong nước.

B. Phát triển mạnh một số ngành công nghiệp chế tạo, chế biến.

C. Thu hút được nguồn vốn lớn và kĩ thuật của nước ngoài, tỉ trọng công nghiệp cao hơn nông nghiệp, kinh tế đối ngoại tăng trưởng.

D. Tạo nền tảng kinh tế cho sự thành lập Cộng đồng ASEAN.

Câu 24. Tháng 8/1945, khi phát xít Nhật đầu hàng Đồng minh, những nước nào sau đây đã giành được chính quyền?

- A. Indônêxia, Philippin, Lào. B. Việt Nam, Lào, Campuchia.
C. Indônêxia, Việt Nam, Lào. D. Việt Nam, Campuchia, Miến Điện.

Câu 25. Sự kiện nào đánh dấu mốc sụp đổ về căn bản chủ nghĩa thực dân cũ cùng hệ thống thuộc địa của nó ở châu Phi?

A. Năm 1960 được gọi là “Năm Châu Phi”.

B. Năm 1962, Algieri được công nhận độc lập.

C. Năm 1974 thắng lợi của cách mạng Êtiopia.

D. Nhân dân Angola và Mozambic đấu tranh chống thực dân Tây Ban Nha thắng lợi (1975).

Câu 26. Từ nào được dùng để chỉ phong trào đấu tranh cách mạng ở các nước Mỹ Latinh sau chiến tranh thế giới thứ hai?

A. “Sân sau của Mỹ”.

B. “Lục địa bùng cháy”.

C. “Lục địa mới trời dậy”.

D. “Chàng khổng lồ thức dậy sau một giấc ngủ dài”.

Câu 27. Cho dữ liệu sau: 1- Chế độ phân biệt chủng tộc ở Nam Phi chính thức bị xóa bỏ; 2- Ai cập và Libi giành được độc lập; 3- Chủ nghĩa thực dân kiểu cũ cùng hệ thống thuộc địa ở châu Phi sụp đổ; 4- 17 nước châu Phi được trao trả độc lập.

Thứ tự đúng theo thời gian về thắng lợi cuộc đấu tranh giành độc lập ở châu Phi sau năm 1945 là

A. 2-4-3-1.

B. 1-3-4-2.

C. 1-4-2-3.

D. 4-1-3-2.

Câu 28. Vì sao vào thập niên 60, 70 của thế kỉ XX, Mỹ Latinh được gọi là “Lục địa bùng cháy”.

A. ở đây thường xuyên xảy ra cháy rừng. B. phong trào công nhân diễn ra sôi nổi.

C. cuộc nội chiến giữa các đảng phái đối lập.

D. phong trào chống chế độ độc tài thân Mỹ diễn ra sôi nổi.

Câu 29. Châu Phi được ví là “Lục địa mới trời dậy” vì

A. lá cờ đầu trong cuộc đấu tranh chống đế quốc Pháp và Mỹ.

B. sau Chiến tranh thế giới thứ hai, phong trào giải phóng dân tộc phát triển mạnh và hầu hết ở các nước châu Phi đã giành được độc lập.

C. sau Chiến tranh thế giới thứ hai, cơn bão táp cách mạng giải phóng dân tộc bùng nổ ở châu Phi trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân, chủ nghĩa đế quốc.

D. phong trào giải phóng dân tộc ở châu Phi đã làm rung chuyển hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa thực dân ở châu lục này.

Câu 30. Chiến thắng Điện Biên Phủ ở Việt Nam ảnh hưởng mạnh mẽ nhất đến phong trào giải phóng dân tộc ở nước nào của châu Phi?

- A. Ai Cập. B. Tuynidi. C. Ănggôla. D. Angiêri.

CHỦ ĐỀ 4: BA TRUNG TÂM KINH TẾ-TÀI CHÍNH MỸ-TÂY ÂU-NHẬT BẢN (1945-2000)

Câu 1. Tại Quốc hội Mỹ (12/3/1947), Tổng thống Truman đề nghị

- A. thành lập Tổ chức Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương (NATO).
B. giúp đỡ nước Pháp kéo dài cuộc chiến tranh Đông Dương.
C. thực hiện Kế hoạch Mác-san, giúp Tây Âu phục hồi kinh tế.
D. viện trợ khẩn cấp 400 triệu USD cho Hi Lạp và Thổ Nhĩ Kỳ.

Câu 2. Một trong những mục tiêu chủ yếu của Mỹ trong quá trình thực hiện chiến lược toàn cầu là gì?

- A. Làm sụp đổ hoàn toàn chủ nghĩa xã hội trên thế giới.
B. Phát động cuộc Chiến tranh lạnh trên toàn thế giới.
C. Can thiệp trực tiếp vào các cuộc chiến tranh xâm lược trên thế giới.
D. Cản trở Tây Âu, Nhật Bản trở thành các trung tâm kinh tế thế giới.

Câu 3. Trong chiến lược “Cam kết và mở rộng” (thập niên 90 của thế kỉ XX), để can thiệp vào công việc nội bộ của nước khác, Mỹ

- A. tăng cường tính năng động của nền kinh tế.
B. sử dụng lực lượng quân đội mạnh.
C. sử dụng khẩu hiệu chống chủ nghĩa khủng bố.

D.sử dụng khẩu hiệu “ thúc đẩy dân chủ”.

Câu 4. Trong những năm 1973-1982, nền kinh tế Mĩ lâm vào tình trạng khủng hoảng, suy thoái chủ yếu là do

A.tác động cuộc khủng hoảng năng lượng thế giới.

B.tác động của phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.

C.sự cạnh tranh của Nhật Bản và các nước Tây Âu.

D.việc Mĩ kí Hiệp định Pari năm 1973 về Việt Nam.

Câu 5. Khi thực hiện “Kế hoạch Mácsan” để giúp các nước Tây Âu phục hồi nền kinh tế sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Mĩ còn có mục đích

A.từng bước chiếm lĩnh thị trường các nước Tây Âu.

B.tập hợp các nước Tây Âu vào liên minh quân sự chống Liên Xô, Đông Âu.

C.thúc đẩy quá trình liên kết kinh tế ở khu vực Tây Âu.

D.xoa dịu mâu thuẫn giữa các nước thuộc địa với các nước tư bản Tây Âu.

Câu 6.Sự kiện ngày 11/9/2001 ở Mĩ cho thấy

A.nhân loại đang phải đối mặt với nguy cơ và thách thức lớn.

B.hòa bình, hợp tác không phải là xu thế chủ đạo của quan hệ quốc tế.

C.cục diện hai cực trong quan hệ quốc tế chưa hoàn toàn chấm dứt.

D.tình trạng Chiến tranh lạnh vẫn còn tiếp diễn ở nhiều nơi.

Câu 7. Yếu tố bên ngoài nào giúp cho nền kinh tế Tây Âu phục hồi và phát triển?

A. Giá nguyên liệu rẻ.

B. Nguồn viện trợ của Mĩ.

C. Hợp tác có hiệu quả với các quốc gia trong khu vực.

D. Giá nguyên liệu rẻ và nguồn viện trợ của Mĩ.

Câu 8. Chính sách đối ngoại của các nước Tây Âu trong giai đoạn 1950 – 1973?

A. Muốn phá vỡ trật tự hai cực Ianta

B. Muốn chấm dứt chiến tranh lạnh để phát triển kinh tế

- C. Ủng hộ cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc của các nước thuộc địa
- D. Liên minh chặt chẽ với Mĩ đồng thời nỗ lực mở rộng quan hệ đối ngoại.

Câu 9. Các nước Tây Âu liên minh chặt chẽ với Mĩ trong cuộc “chiến tranh lạnh”, đối đầu với Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa vì?

- A. Tây Âu có cùng chế độ chính trị với Mĩ.
- B. Tây Âu không muốn trở thành kẻ thù của Mĩ.
- C. Mĩ cho Tây Âu vay tiền để khôi phục kinh tế sau chiến tranh.
- D. Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa là chỗ dựa cho phong trào giải phóng dân tộc và phong trào công nhân quốc tế.

Câu 10. Với sự ra đời của khối quân sự Bắc Đại Tây Dương (NATO) 4/1949, tình hình Châu Âu như thế nào?

- A. Dễ xảy ra một cuộc chiến tranh mới.
- B. Ổn định và tạo điều kiện để phát triển.
- C. Có sự đối đầu gay gắt giữa các nước với nhau.
- D. Căng thẳng dẫn đến sự chạy đua vũ trang và thiết lập nhiều căn cứ quân sự.

Câu 11. Nhật Bản lợi dụng yếu tố bên ngoài nào để phát triển kinh tế trong giai đoạn 1952 - 1973?

- A. Chiến tranh Triều Tiên và Việt Nam.
- B. Nguồn viện trợ của Mĩ.
- C. Nguồn viện trợ của Mĩ, các cuộc chiến tranh ở Triều Tiên và Việt Nam.
- D. Phát minh sáng chế mua từ các quốc gia tư bản đồng minh

Câu 12. Nguyên nhân nào sau đây không tạo điều kiện cho nền kinh tế Mĩ phát triển trong và sau chiến tranh thế giới thứ hai?

- A. Tiến hành chiến tranh xâm lược và nô dịch các nước khác.
- B. Không bị chiến tranh tàn phá.
- C. Bán vũ khí cho các nước tham chiến.
- D. Trình độ tập trung tư bản và sản xuất cao.

Câu 13. Đặc điểm nổi bật nhất của nền kinh tế Mĩ sau chiến tranh thế giới thứ hai là gì?

A. Kinh tế phát triển nhanh chóng. B. Sự chênh lệch giàu nghèo ngày càng lớn.

C. Mĩ bị các nước tư bản Tây Âu và Nhật Bản cạnh tranh quyết liệt.

D. Vị trí kinh tế của Mĩ ngày càng giảm sút trên toàn thế giới.

Câu 14. "Kế hoạch Mácsan" (1948) còn được gọi là kế hoạch

A. phục hưng châu Âu.

B. cạnh tranh châu Âu.

C. phục hưng kinh tế Tây Âu.

D. phục hưng kinh tế châu Âu.

Câu 15. Nguyên nhân cơ bản nhất thúc đẩy nền kinh tế Mĩ phát triển nhanh chóng sau Chiến tranh thế giới thứ hai là

A. tài nguyên thiên nhiên phong phú. B. trình độ tập trung tư bản và sản xuất cao.

C. áp dụng các thành tựu của cách mạng khoa học - kĩ thuật.

D. Mĩ giàu lên nhờ nguồn buôn bán vũ khí cho các nước tham chiến.

Câu 16. Nguyên nhân nào sau đây dẫn đến sự suy giảm tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế Mĩ?

A. Tham vọng bá chủ thế giới.

B. Viện trợ cho các nước Tây Âu.

C. Sự vươn lên cạnh tranh của Tây Âu và Nhật Bản.

D. Sự chênh lệch giàu nghèo quá lớn trong các tầng lớp xã hội.

Câu 17. Những thành tựu chủ yếu về khoa học - kĩ thuật hiện đại của Mĩ sau Chiến tranh thế giới thứ hai là

A. sản xuất được những vũ khí hiện đại. B. chinh phục vũ trụ, đưa người lên mặt trăng.

C. thực hiện cuộc "Cách mạng xanh" trong nông nghiệp.

D. chế tạo ra công cụ sản xuất mới, các nguồn năng lượng mới, tìm ra những vật liệu mới.

Câu 18. Ý nào sau đây không phải là mục tiêu cơ bản trong "Chiến lược toàn cầu" của Mĩ?

A. Thiết lập sự thống trị trên toàn thế giới.

B. Ngăn chặn, đẩy lùi và tiến tới xóa bỏ CNXH trên thế giới.

C. Đàn áp phong trào giải phóng dân tộc, khống chế các nước đồng minh.

D. Sử dụng khẩu hiệu "Thúc đẩy dân chủ" để can thiệp vào công việc nội bộ của nước khác.

Câu 19. Điểm giống nhau trong chính sách đối ngoại của các đời Tổng thống Mĩ (từ H.Truman đến R. Níchxơn) là

A. chuẩn bị tiến hành chiến tranh tổng lực. B. ủng hộ "Chiến lược toàn cầu hóa".

C. xác lập một trật tự thế giới có lợi cho Mĩ. D. theo đuổi chủ nghĩa "lấp chỗ trống".

Câu 20. Sau thất bại ở Việt Nam năm 1975, các chính quyền Mĩ

A. từ bỏ "Chiến lược toàn cầu".

B. vẫn tiếp tục "Chiến lược toàn cầu" và theo đuổi Chiến tranh lạnh.

C. chỉ theo đuổi Chiến tranh lạnh chống Liên Xô và các nước XHCN.

D. tiếp tục "Chiến lược toàn cầu" nhưng thu hẹp ở châu Á do thất bại ở Đông Dương.

Câu 21. Sau Chiến tranh lạnh Mĩ có "âm mưu"

A. thực hiện chính sách đối ngoại hòa bình. B. vươn lên chi phối, lãnh đạo toàn thế giới.

C. dùng sức mạnh kinh tế thao túng mọi hoạt động. D. chuẩn bị đề ra chiến lược mới.

Câu 22. Tính đến năm 2007, Liên minh châu Âu (EU) gồm bao nhiêu nước thành viên?

A. 25.

B. 26.

C. 27.

D. 28.

Câu 23. Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến sự liên kết kinh tế giữa các nước Tây Âu là

A. thoát dần khỏi sự lệ thuộc vào Mĩ.

B. muốn liên kết để cạnh tranh với các nước ngoài khu vực.

C. muốn khẳng định sức mạnh và tiềm lực kinh tế của mình.

D. muốn liên kết kinh tế, thành lập nhà nước chung châu Âu.

Câu 24. Định ước Henxinki được kí kết giữa các nước châu Âu với những nước nào

A. Mĩ - Ôtxtrâyliia.

B. Canada - Hà Lan.

C. Mĩ - Pháp.

D. Mĩ - Canada.

Câu 25. Tổ chức kinh tế, chính trị khu vực lớn nhất hành tinh được thành lập từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến nay là?

A. ASEAN.

B. APEC.

C. EU.

D. NATO.

Câu 26. Các nước Tây Âu liên kết lại với nhau dựa trên những điểm tương đồng nào?

A. Chung ngôn ngữ, đều nằm ở phía Tây châu Âu, cùng thể chế chính trị.

B. Tương đồng nền văn hóa, trình độ phát triển, khoa học - kĩ thuật.

C. Chung nền văn hóa, trình độ phát triển, khoa học - kĩ thuật.

D. Tương đồng ngôn ngữ, đều nằm ở phía Tây châu Âu, cùng thể chế chính trị.

Câu 27. Sau chiến tranh lạnh, Liên minh châu Âu (EU) đã điều chỉnh chính sách đối ngoại như thế nào?

A. Liên minh chặt chẽ với Mĩ.

B. Trở thành đối trọng với Mĩ.

C. Mở rộng hợp tác với các nước trên thế giới.

D. Liên minh chặt chẽ với Nga.

Câu 28. Tháng 6/1979, sự kiện nổi bật nào của Liên minh châu Âu (EU) đã diễn ra?

A. Cuộc bầu cử Nghị viện châu Âu đầu tiên.

B. Đồng tiền chung châu Âu (EURO) được phát hành.

C. Liên minh châu Âu ra đời.

D. Quan hệ đối tác chiến lược giữa Việt Nam và EU được hình thành.

Câu 29. Hành động nào của Tây Âu thể hiện rõ nét sự ủng hộ cuộc “chiến tranh lạnh” của Mĩ ?

A. Tham gia khôi quân sự NATO B. Đàn áp phong trào công nhân trong nước

C. Cho Mĩ đóng quân trên lãnh thổ của mình

D. Tiến hành xâm lược thuộc địa ở châu Phi và châu Á.

Câu 30. Khối quân sự Bắc Đại Tây Dương (NATO) do Mỹ lập ra 4/1949 nhằm

A. chống lại phong trào giải phóng dân tộc.

B. chống lại Liên Xô, Trung Quốc và Việt Nam.

C. chống lại Liên Xô và các nước XHCN Đông Âu.

D. chống lại các nước XHCN và phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.

Câu 31. Quá trình liên kết khu vực ở Tây Âu diễn ra mạnh mẽ vì?

A. Tây Âu muốn thoát ra khỏi sự khống chế của Mĩ.

B. Tây Âu bị cạnh tranh quyết liệt bởi Mĩ và Nhật Bản.

C. Các nước Tây Âu đều đi theo con đường tư bản chủ nghĩa

D. Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa liên kết chặt chẽ cạnh tranh với Tây Âu

Câu 32. Chính sách đối ngoại của các nước Tây Âu trong giai đoạn 1950 – 1973?

A. Muốn phá vỡ trật tự hai cực Ianta

B. Muốn chấm dứt chiến tranh lạnh để phát triển kinh tế

C. Ủng hộ cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc của các nước thuộc địa

D. Liên minh chặt chẽ với Mĩ đồng thời nỗ lực mở rộng quan hệ đối ngoại.

Câu 33. Một trong những nhân tố thúc đẩy sự phát triển mạnh của kinh tế Mỹ, Tây Âu và Nhật Bản từ 1950 – 1973 là?

A. Tài nguyên phong phú, nhân lực dồi dào.

B. Sự hợp tác có hiệu quả giữa các quốc gia với các tổ chức kinh tế thế giới và khu vực.

C. Tranh thủ được nguồn tài nguyên của các thuộc địa.

D. Vai trò quan trọng của nhà nước trong việc quản lí, điều tiết, thúc đẩy nền kinh tế.

Câu 34. Nhật Bản trở thành 1 trong 3 trung tâm KT - TC lớn nhất thế giới vào thời điểm nào?

A. Vào những năm 60 của thế kỉ XX.
thế kỉ XX.

B. Vào những năm 70 của

C. Vào những năm 80 của thế kỉ XX.
thế kỉ XX.

D. Vào những năm 90 của

Câu 35. Để đẩy nhanh sự phát triển, Nhật Bản rất coi trọng yếu tố nào?

A. Giáo dục và KH-KT.

B. Đầu tư ra nước ngoài.

C. Thu hút vốn đầu tư nước ngoài.
sáng chế.

D. Bán các bằng phát minh,

Câu 36. Nhân tố quyết định đưa NB vươn lên thành siêu cường kinh tế là?

A. Vai trò lãnh đạo, quản lí có hiệu quả của nhà nước. B. Chi phí cho quốc phòng thấp.

C. Con người (nguồn nhân lực có chất lượng, đạo đức lao động tốt, tiết kiệm, kỉ luật).

D. Áp dụng thành tựu KH-KT .

Câu 37. Nguyên nhân khác nhau giữa Nhật Bản và các nước Tây Âu trong giai đoạn phục hồi và phát triển kinh tế sau Chiến tranh thế giới thứ hai là?

A. Chi phí cho quốc phòng thấp.

B. Áp dụng thành tựu khoa học - kĩ thuật hiện đại.

C. Tận dụng tốt các yếu tố bên ngoài để phát triển.

D. Sự lãnh đạo, quản lí có hiệu quả của nhà nước.

Câu 38. Để phát triển khoa học - kĩ thuật, ở Nhật Bản có hiện tượng gì ít thấy ở các nước khác?

A. Đi sâu vào các ngành công nghiệp dân dụng. B. Áp dụng thành tựu khoa học - kĩ thuật hiện đại.

C. Coi trọng và phát triển nền giáo dục quốc dân, khoa học - kĩ thuật.

D. Coi trọng việc nhập kĩ thuật hiện đại, mua bằng phát minh sáng chế nước ngoài.

Câu 39. Ngày 8/9/1951 Nhật Bản kí với Mỹ Hiệp ước gì.

- A. Hiệp ước phòng thủ chung ĐNA. B. hiệp ước an ninh Mỹ - Nhật.
C. hiệp ước liên minh Mỹ Nhật. D. Hiệp ước chạy đua vũ trang.

Câu 40. Khó khăn nào lớn nhất của Nhật Bản sau chiến tranh thế giới thứ hai là

- A. bị quân đội Mỹ chiếm đóng theo chế độ quân quản. B. bị các nước đế quốc bao vây kinh tế.
C. nạn thất nghiệp, thiếu lương thực, thực phẩm. D. bị mất hết thuộc địa, kinh tế tàn phá nặng nề.

Câu 41. Chế độ chính trị ở Nhật là

- A. quân chủ lập hiến. B. cộng hòa quý tộc.
C. dân chủ đại nghị. D. cộng hòa liên bang

Câu 42. Từ năm 1950 – 1951 Nhật khôi phục được nền kinh tế là dựa vào

- A. sự giúp đỡ của quân Đồng minh B. sự chi viện của Liên Hợp quốc.
C. nguồn viện trợ của Mỹ D. sự ủng hộ của chương trình nhân đạo thế giới.

Câu 43. Nhật đồng ý cho Mỹ đóng quân và xây dựng căn cứ quân sự trên lãnh thổ Nhật vì

- A. Nhật là con nợ rất lớn của Mỹ
B. Nhật muốn lợi dụng Mỹ để không phải tốn kinh phí quốc phòng, tập trung phát triển kinh tế.
C. quân đội và ngành công nghiệp quân sự bị giải thể, Mỹ sẽ là lực lượng bảo đảm an ninh cho Nhật.
D. Nhật muốn liên minh với Mỹ để tấn công các nước trong khu vực Châu Á Thái Bình Dương.

Câu 44. Bộ chỉ huy tối cao lực lượng Đồng minh đã thi hành chính sách tiến bộ nào ở Nhật Bản?

A. Thủ tiêu chế độ tập trung kinh tế và giải tán các công ty Daibatxu. B. Tiến hành cải cách ruộng đất.

C. Thông qua và thực hiện các đạo luật lao động. D. Ban hành Hiến pháp mới 1947.

Câu 45. Nhật Bản đã tiến hành cải cách như thế nào?

A. Tịch thu ruộng đất của địa chủ bán cho nông dân với giá rẻ.

B. Địa chủ được giữ lại 3 hecta, số còn lại đem bán cho nông dân.

C. Tịch thu toàn bộ ruộng đất của địa chủ, ruộng đất bị bỏ hoang chia cho nông dân.

D. Địa chủ được giữ lại 3 hecta, số còn lại đem chia cho nông dân.

Câu 46. Yếu tố nào sau đây góp phần đưa kinh tế Nhật Bản phát triển mạnh trong những năm 1950 – 1973?

A. Ô bảo trợ hạt nhân của Mỹ. B. Thị trường rộng lớn, nhân công rẻ ở khu vực ĐNA.

C. Nguồn viện trợ của quỹ ODA. D. Cuộc chiến tranh của Mỹ ở Việt Nam

Câu 47. Từ nửa sau những năm 70 của thế kỉ XX, chính sách đối ngoại của Nhật Bản có điểm gì mới?

A. Tăng cường mối quan hệ hợp tác Mỹ - Nhật

B. Tăng cường mối quan hệ hợp tác Liên Xô - Nhật

C. Tăng cường mối quan hệ hợp tác với các nước Châu á

D. Tăng cường mối quan hệ hợp tác Nhật – Tây âu

Câu 48. Chính sách đối ngoại của Nhật Bản từ 1945 đến 1952 là

A. Hòa bình trung lập tích cực.

B. Liên minh chặt chẽ và phụ thuộc vào Mỹ.

C. Quan hệ với tất cả các nước.

D. Vừa liên minh với Mỹ, vừa mở rộng quan hệ với các nước Tây Âu và Trung quốc.

Câu 49. Trong khoảng hai thập niên đầu sau chiến tranh thế giới thứ hai đã xuất hiện trung tâm kinh tế tài chính nào?

A. Mỹ - Tây Âu. B. Mỹ - Nhật.

C. Mỹ - Tây Âu – Nhật Bản. D. Mỹ là trung tâm kinh tế tài chính duy nhất thế giới.

Câu 50. Nguyên nhân cơ bản nhất đưa nền kinh tế Nhật Bản phát triển “thần kì” trong những năm 60 – 70 của thế kỉ XX là gì?

A. Biết lợi dụng vốn của nước ngoài để đầu tư vào những ngành công nghiệp then chốt.

B. Biết lợi dụng thành tựu khoa học kĩ thuật để tăng năng suất, hạ giá thành sản phẩm.

C. Biết len lách xâm nhập vào thị trường các nước.

D. Nhờ những cải cách dân chủ.

CHỦ ĐỀ 5: QUAN HỆ QUỐC TẾ (1945-2000)

Câu 1. Mĩ phát động Chiến tranh lạnh chống Liên Xô và các nước XHCN vào thời gian nào?

A. Tháng 02/1945. B. Tháng 3/1947.

C. Tháng 6/1947. D. Tháng 4/1949.

Câu 2. Sự kiện nào đánh dấu mối quan hệ đồng minh chống phát xít giữa Mĩ và Liên Xô tan vỡ?

A. Sự phân chia đóng quân giữa Mĩ và Liên Xô tại Hội nghị Ianta (02/1945).

B. Sự ra đời của học thuyết Truman và Chiến tranh lạnh (3/1947).

C. Việc Liên Xô và các nước Đông Âu thành lập Tổ chức Hiệp ước Vácava (5/1955).

D. Sự ra đời của khối quân sự NATO (4/1949).

Câu 3. Mĩ và Liên Xô chính thức tuyên bố chấm dứt Chiến tranh lạnh vào thời gian nào?

A. 1989. B. 1988. C. 1990. D. 1991.

Câu 4. Trật tự thế giới được thiết lập sau Chiến tranh lạnh là

- A. trật tự thế giới "đơn cực". B. trật tự thế giới "hai cực".
C. trật tự thế giới "ba cực". D. trật tự thế giới "đa cực".

Câu 5. Nguyên nhân chủ yếu nhất buộc Mĩ và Liên Xô chấm dứt chiến tranh lạnh là

- A. sự phát triển của khoa học - kĩ thuật và xu thế toàn cầu hóa.
B. cuộc chạy đua vũ trang đã làm cho hai nước tốn kém, suy giảm nhiều mặt.
C. Sự lớn mạnh của Trung Quốc, Ấn Độ và phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.
D. Tây Âu và Nhật Bản vươn lên mạnh mẽ trở thành đối thủ của Mĩ.

Câu 6. Nhân tố chi phối các quan hệ quốc tế trong hơn bốn thập kỉ sau chiến tranh thế giới thứ hai/nửa sau thế kỉ XX là

- A. xu thế toàn cầu hóa. B. cuộc Chiến tranh lạnh.
C. chủ nghĩa xã hội trở thành hệ thống thế giới. D. thành tựu của khoa học – công nghệ hiện đại.

Câu 7. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, mối quan hệ giữa Mĩ và Liên Xô là

- A. những người bạn đồng minh trong việc phân chia thế giới.
B. hai thế lực đối đầu và đi tới tình trạng chiến tranh lạnh.
C. hợp tác với nhau để hai bên cùng có lợi.
D. hai lực lượng giữ gìn an ninh, hòa bình thế giới.

Câu 8. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai mưu đồ lớn nhất của Mĩ là

- A. tiêu diệt Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa.
B. đàn áp phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc trên thế giới.
C. Làm bá chủ thế giới.
D. Khống chế và nô dịch các nước đồng minh.

Câu 9. Sự kiện nào được xem là khởi đầu cho chính sách chống Liên Xô và gây nên cuộc Chiến tranh lạnh của Mĩ?

- A. Mĩ thực hiện kế hoạch Mácsan (6/1947).

B. Mĩ đứng đầu khối NATO (4/1949).

C. Thông điệp của Tổng thống Truman (12/3/1947).

D. Sự ra đời của tổ chức liên minh quân sự VACSAVA (1955).

Câu 10. Sau chiến tranh thế giới thứ hai, Mĩ dựa vào đâu cho mình có quyền lãnh đạo thế giới?

A. Là nước tư bản giàu mạnh. B. Nắm độc quyền bom nguyên tử.

C. Khởi đầu cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật hiện đại.

D. Là nước tư bản giàu mạnh nhất và nắm độc quyền bom nguyên tử.

Câu 11. Tháng 4 năm 1949, tại Oasinhton, Mĩ và 11 nước phương Tây đã tuyên bố thành lập tổ chức

A. NATO.

B. VACSAVA

C. SEV

D. EEC

Câu 12. Tháng 12/1989, đại diện Liên xô và Mĩ có cuộc gặp không chính thức ở đâu để kết thúc chiến tranh lạnh?

A. Ianta (Liên Xô).

B. Oasinhton (Mĩ).

C. Manta (Địa Trung Hải).

D. Xan Phranxixcô (Mĩ).

Câu 13. Một trong những nguyên nhân (chủ yếu nhất) khiến Mĩ và Liên Xô tuyên bố chấm dứt tình trạng Chiến tranh lạnh là

A. do (cuộc chạy đua vũ trang làm cho) cả hai quá tốn kém và suy giảm thế mạnh trên nhiều mặt.

B. Liên Xô đang ra sức giúp đỡ các nước xã hội chủ nghĩa.

C. kinh tế Mĩ đang lâm vào khủng hoảng.

D. Liên Xô và Mĩ muốn hòa hoãn tạm thời.

Câu 14. Chiến tranh lạnh kết thúc, trật tự thế giới mới được hình thành theo xu hướng

A. đơn cực.

B. đa cực.

C. một cực nhiều trung tâm.

D. hai cực nhiều trung tâm.

Câu 15. Theo Hiệp định về những cơ sở quan hệ giữa Đông Đức và Tây Đức (11/1972) và Định ước Hennxinki (8/1975) đã nhất trí giải quyết các tranh chấp bằng biện pháp gì?

- A. Vũ Trang. B. Hòa bình.
C. Do Mĩ quyết định. D. Do Liên Xô quyết định.

Câu 16. Chiến tranh lạnh chấm dứt các quốc gia điều chỉnh chiến lược tập trung vào phát triển

- A. chính trị. B. kinh tế. C. văn hóa. D. khoa học.

Câu 17. Ngày 11/9/2001, cả thế giới phải kinh hoàng với sự kiện gì?

- A. Mĩ lâm vào khủng hoảng năng lượng.
B. Xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô sụp đổ.
C. Mĩ bị chủ nghĩa khủng bố tấn công.
D. Nhật Bản trở thành siêu cường kinh tế.

Câu 18. Sự xác lập cục diện hai cực, hai phe sau chiến tranh thế giới thứ hai được đánh dấu bằng sự kiện gì?

- A. Tổ chức NATO ra đời.
B. Tổ chức NATO và Tổ chức Hiệp ước VACSAVA ra đời.
C. Thông điệp của Tổng thống Mĩ Truman.
D. Tổ chức Hội đồng tương trợ kinh tế SEV ra đời.

Câu 19. Mĩ thực hiện kế hoạch Mácsan, ngoài giúp các nước Tây Âu phục hồi nền kinh tế còn nhằm mục đích gì?

- A. Tập hợp các nước Tây Âu vào liên minh quân sự chống Liên Xô và các nước Đông Âu.
B. Thực hiện cam kết của Mĩ đối với đồng minh trong Chiến tranh thế giới thứ hai.
C. Tập hợp các nước Tây Âu vào liên minh kinh tế với Mĩ.
D. Tạo điều kiện để phục hưng châu Âu sau chiến tranh.

Câu 20. Tháng 6 năm 1947, Mĩ thực hiện kế hoạch Mácsan hay còn gọi là kế hoạch

- A. phục hưng Châu Âu. B. viện trợ Châu Âu.
C. can thiệp quân sự Châu Âu. D. phát triển kinh tế Châu Âu.

Câu 21. Tại sao 2 cường quốc Xô – Mĩ đều cần thoát khỏi thế “đôi đầu” trong chiến tranh lạnh?

A. Muốn ổn định và củng cố vị thế của mình. B. Muốn trở thành siêu cường kinh tế.

C. Muốn trở thành cường quốc chính trị. D. Muốn làm bá chủ thế giới.

Câu 22. Nội dung nào *không phải* là nguyên nhân khiến Xô – Mĩ tuyên bố chấm dứt Chiến tranh lạnh?

A. Cả 2 quá tốn kém về nhiều mặt. B. Cả 2 đều suy giảm thế mạnh.

C. Sự vươn lên của Nhật Bản và Tây Âu.

D. Mĩ bị chủ nghĩa khủng bố tấn công.

Câu 23. Sự kiện nào đánh dấu sự tan vỡ mối quan hệ đồng minh chống phát xít giữa Mĩ và Liên xô?

A. Sự phân chia khu vực đóng quân giữa Mĩ Và Liên Xô tại Hội nghị Ianta (2/1945).

B. Việc Liên Xô chế tạo thành công bom nguyên tử (1949).

C. Sự ra đời của học thuyết Truman (3/1947). D. Sự ra đời của khối NaTo (9/1949).

Câu 24. Năm 1991, trên thế giới diễn ra sự kiện gì có liên quan đến quan hệ quốc tế?

A. Mĩ và Liên Xô chấm dứt chiến tranh lạnh.

B. Xô – Mĩ tuyên bố hợp tác trên các lĩnh vực.

C. Trật tự hai cực Ianta bị xói mòn. D. Trật tự hai cực Ianta bị sụp đổ.

Câu 25. Chủ nghĩa xã hội ở Liên xô và các nước Đông Âu sụp đổ đã kéo theo sự giải thể của những tổ chức nào?

A. SEV và VACSAVA. B. SEV và NATO.

C. NATO và VACSAVA. D. NATO và EEC.

Câu 26. Sự phân chia đôi lập về kinh tế, chính trị giữa các nước Tây Âu TBCN và các nước Đông Âu XHCN là do

- A. Liên Xô và các nước Đông Âu thành lập SEV.
- B. Mĩ và các nước Tây Âu thành lập NATO.
- C. Liên Xô thành lập tổ chức VACSAVA.
- D. Mĩ thực hiện kế hoạch Mác-San.

Câu 27. Nhân tố chủ yếu chi phối quan hệ quốc tế sau Chiến tranh thế giới thứ hai là

- A. sự liên minh kinh tế khu vực và quốc tế.
- B. sự đối đầu giữa Mĩ và Liên Xô.
- C. sự phân chia giàu nghèo giữa các quốc gia.
- D. sự cạnh tranh khốc liệt về thị trường và thuộc địa của các nước tư bản.

Câu 28: Chiến tranh lạnh chấm dứt đã tạo điều kiện để giải quyết những vấn đề gì trên thế giới?

- A. Tình trạng đối đầu và căng thẳng giữa Mĩ với Liên Xô.
- B. Duy trì hòa bình và an ninh ở Châu Âu và thế giới.
- C. Tạo điều kiện để giải quyết các vấn đề mang tính toàn cầu.
- D. Giải quyết hòa bình các vụ tranh chấp, xung đột đang diễn ra ở nhiều khu vực trên thế giới.

Câu 29. Cuộc chiến tranh lạnh do Mĩ phát động hiểu theo nghĩa đầy đủ nhất là gì?

- A. Chuẩn bị gây chiến tranh thế giới.
- B. Dùng sức mạnh quân sự để đe dọa đối phương.
- C. Xây dựng nhiều căn cứ quân sự bao vây Liên Xô và các nước XHCN
- D. Là cuộc chạy đua vũ trang, chuẩn bị chiến tranh, làm cho nhân loại thấy “luôn luôn ở trong tình trạng căng thẳng”.

Câu 30. Sự khác biệt cơ bản giữa chiến tranh lạnh và những cuộc chiến tranh thế giới đã trải qua là

- A. Chiến tranh lạnh diễn ra day đặng, giằng co và không phân thắng bại.
- B. Chiến tranh lạnh làm cho tình hình thế giới luôn căng thẳng.

C. Chiến tranh lạnh chỉ diễn ra chủ yếu giữa hai nước Liên Xô và Mỹ.

D. Chiến tranh lạnh diễn ra trên mọi lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, quân sự nhưng không xung đột trực tiếp bằng quân sự.

Câu 31. Tại sao sau chiến tranh lạnh, các quốc gia đều điều chỉnh chiến lược phát triển mà chủ yếu là tập trung vào phát triển kinh tế?

A. Nhằm góp phần khôi phục nền kinh tế sau chiến tranh lạnh.

B. Nhằm xây dựng sức mạnh thực sự của mỗi quốc gia.

C. Tăng cường khả năng cạnh tranh với các quốc gia trên thế giới.

D. củng cố và tăng cường vị thế kinh tế - chính trị của mỗi quốc gia trên thế giới.

Câu 32. Thế nào là chiến tranh lạnh?

A. Là dùng sức mạnh kinh tế để đe dọa đối phương.

B. Là dùng chính sách viện trợ để khống chế các nước.

C. Là cuộc chạy đua quân sự giữa hai siêu cường Liên Xô và Mỹ sau Chiến tranh thế giới thứ hai, chuẩn bị gây ra một cuộc chiến tranh thế giới mới.

D. Là cuộc chiến không có tiếng súng nhưng ráo riết chạy đua vũ trang làm cho quan hệ quốc tế luôn trong tình trạng căng thẳng, chiến tranh cục bộ ở nhiều nơi.

Câu 33. Mục tiêu của Mỹ trong cuộc chiến tranh lạnh là gì?

A. Mỹ lôi kéo các nước đồng minh của Mỹ chống Liên Xô.

B. Chống lại ảnh hưởng của Liên Xô với các nước Á, Phi và Mỹ Latinh.

C. Phá hoại phong trào cách mạng thế giới.

D. Mỹ và các nước đồng minh thực hiện chính sách thù địch, chống Liên Xô và các nước XHCN.

Câu 34. "Trật tự hai cực Ianta" bị sụp đổ vì

A. Liên Xô và Mỹ chuyển từ đối đầu sang đối thoại.

B. Liên Xô và Mỹ "chán ngán" việc chạy đua vũ trang.

C. ảnh hưởng của Liên Xô và Mỹ bị thu hẹp.

D. mô hình XHCN tan rã ở Liên Xô.

Câu 35. Xu thế chung của quan hệ quốc tế sau Chiến tranh lạnh là

A. hòa bình, hợp tác, phát triển.

B. tăng cường liên kết khu vực để tăng sức mạnh kinh tế, quân sự.

C. cạnh tranh khốc liệt để tồn tại.

D. tiến hành khủng bố để đối đầu với chiến lược bá chủ của các nước lớn.

Câu 36. Chiến tranh lạnh diễn ra trong khoảng thời gian nào?

A. 1947 - 1989. B. 1945 - 1989. C. 1945 - 1991. D. 1947 - 1973.

Câu 37. Xu thế hòa hoãn Đông - Tây xuất hiện vào thời gian nào?

A. Đầu những năm 70 của thế kỉ XX. B. Giữa những năm 70 của thế kỉ XX.

C. Đầu những năm 80 của thế kỉ XX. D. Giữa những năm 80 của thế kỉ XX.

Câu 38. Mối quan hệ giữa CHLB Đức và CHDC Đức được cải thiện thông qua sự kiện nào?

A. Hiệp định hạn chế vũ khí tiên công chiến lược (SLAT - 1) năm 1972.

B. Định ước Henxinki năm 1975.

C. Hiệp định về những cơ sở của quan hệ giữa Đông Đức và Tây Đức năm 1972.

D. Hiệp ước về hạn chế hệ thống phòng chống tên lửa (ABM) năm 1972.

Câu 39. Biểu hiện đầu tiên cho xu thế hòa hoãn Đông - Tây là

A. CHDC Đức và CHLB Đức kí Hiệp định về những cơ sở của quan hệ giữa Đông Đức và Tây Đức.

B. hiệp định đình chiến giữa hai nước trên bán đảo Triều Tiên được kí kết.

C. Việt Nam bị chia cắt làm hai miền với hai chế độ chính trị khác nhau.

D. Liên Xô và Mỹ thỏa thuận về việc hạn chế vũ khí chiến lược.

Câu 40. Để thoát khỏi tình trạng đối đầu căng thẳng giữa hai phe TBCN và XHCN, châu Âu cùng với Mỹ và Canada đã

A. thành lập Cộng đồng châu Âu (EC). B. kí Định ước Henxinki.

C. thành lập tổ chức Liên hợp quốc. D. thỏa thuận về việc hạn chế vũ khí tiến công chiến lược.

Câu 41. Hiệp ước về hạn chế hệ thống phòng chống tên lửa (ABM) và Hiệp định hạn chế vũ khí tiến công chiến lược (SLAT - 1) được kí kết giữa Mĩ và Liên Xô vào năm

A. 1971. B. 1972. C. 1973. D. 1974.

Câu 42. Hiệp định về những cơ sở của quan hệ giữa Đông Đức và Tây Đức được kí kết tại đâu?

A. Béclin. B. Oasinhton. C. Bon. D. Ianta.

Câu 43. Sự kiện đánh dấu chấm dứt tình trạng đối đầu giữa hai khối nước TBCN và XHCN ở châu Âu là

A. Hiệp ước về cơ sở quan hệ giữa Đông Đức và Tây Đức (1972).

B. Mĩ, Canada và 33 nước châu Âu kí định ước Henxinki (1975).

C. Cuộc gặp gỡ giữa M.Goócbachốp và G.Busơ trên đảo Manta (1989).

D. Hiệp ước về hạn chế hệ thống phòng chống tên lửa giữa Mĩ và Liên Xô (1972).

Câu 44. Định ước Henxinki năm 1975 được kí giữa Mĩ, Canada và 33 nước châu Âu nhằm mục đích gì?

A. Tăng cường hợp tác giữa các nước về giáo dục và y tế.

B. Trao đổi thành tựu khoa học - kĩ thuật.

C. Tạo ra cơ chế giải quyết các vấn đề an ninh, hòa bình ở châu Âu.

D. Giải quyết vấn đề Campuchia.

Câu 45. Mĩ và Liên Xô kí Hiệp ước về hạn chế hệ thống phòng chống tên lửa (ABM) và Hiệp định hạn chế vũ khí tiến công chiến lược (SLAT - 1) nhằm

A. giảm chi phí quân sự. B. chuyển từ thế đối đầu sang thế đối thoại.

C. hình thành thế cân bằng về lực lượng quân sự và vũ khí chiến lược.

D. khoanh vùng phạm vi ảnh hưởng của mỗi bên.

Câu 46. Nguyên nhân nào dẫn đến sự xuất hiện xu thế hòa hoãn Đông - Tây?

A. Mĩ và Liên Xô bị thế giới lên án.

B. Mĩ và Liên Xô bị suy giảm thế và lực trước sự vươn lên của Tây Âu và Nhật Bản.

C. Liên Xô và Mĩ muốn có thời gian hòa hoãn để củng cố lực lượng.

D. Liên Xô không còn đủ sức viện trợ quân sự cho các nước XHCN.

Câu 47. Thỏa thuận Đông - Tây trong giai đoạn Góocbachốp nắm quyền ở Liên Xô xoay quanh những vấn đề cơ bản nào?

A. Thủ tiêu tên lửa tầm trung ở châu Âu và cắt giảm vũ khí chiến lược.

B. Thủ tiêu tên lửa tầm trung ở châu Âu, cắt giảm vũ khí chiến lược và hạn chế chạy đua vũ trang.

C. Thủ tiêu tên lửa tầm trung ở châu Âu, ngăn chặn sự đe dọa về kinh tế của Nhật Bản và Tây Âu.

D. Cắt giảm vũ khí chiến lược và hạn chế cuộc chạy đua vũ trang giữa Mĩ và Liên Xô.

Câu 48. Hoạt động của chủ nghĩa khủng bố có ảnh hưởng như thế nào đến quan hệ quốc tế trong thập kỉ đầu tiên của thế kỉ XXI?

A. Làm cho tình hình an ninh thế giới bất ổn.

B. Tạo ra sự đối đầu giữa chủ nghĩa khủng bố và lực lượng chống khủng bố.

C. Làm cho quan hệ giữa các nước ngày càng căng thẳng.

D. Tạo ra cuộc chạy đua vũ trang mới trên thế giới.

Câu 49. Thách thức lớn nhất của thế giới trong thập kỉ đầu tiên của thế kỉ XXI là

A. tình trạng ô nhiễm môi trường ngày càng trầm trọng.

B. nguy cơ cạn kiệt nguồn tài nguyên thiên nhiên.

C. chiến tranh, xung đột ở nhiều khu vực trên thế giới.

D. "chủ nghĩa khủng bố" hoành hành.

Câu 50. Nhận định nào sau đây phản ánh đầy đủ mối quan hệ quốc tế trong nửa sau thế kỉ XX?

A. Các quan hệ quốc tế được mở rộng và đa dạng hóa, các quốc gia tồn tại hòa bình, vừa đấu tranh vừa hợp tác.

B. Sự tham gia của các nước Á, Phi, Mĩ Latinh mới giành được độc lập vào các hoạt động chính trị quốc tế.

C. Quy mô toàn cầu của các hoạt động kinh tế, tài chính và chính trị của các quốc gia và các tổ chức quốc tế.

D. Sự phát triển như vũ bão của cách mạng khoa học - kĩ thuật hiện đại đã tác động mạnh đến quan hệ giữa các nước.

Câu 51. Sự phát triển của xu thế hòa bình, ổn định, hợp tác, cùng phát triển trong quan hệ quốc tế được xem là

A. nhiệm vụ chung của toàn nhân loại khi bước vào thế kỉ XXI.

B. trách nhiệm của các nước đang phát triển.

C. trách nhiệm của các nước phát triển.

D. thời cơ và thách thức đối với các quốc gia - dân tộc khi bước vào thế kỉ XXI.

Câu 52. Trước xu thế mới trong quan hệ quốc tế của thế kỉ XXI, Việt Nam có thuận lợi gì?

A. Ứng dụng các thành tựu khoa học - kĩ thuật vào sản xuất.

B. Nâng cao trình độ tập trung vốn và lao động.

C. Có được thị trường lớn để tăng cường xuất khẩu hàng hóa.

D. Hợp tác kinh tế, thu hút vốn đầu tư và ứng dụng khoa học - kĩ thuật.

Câu 53. Nguyên nhân dẫn đến sự sụp đổ của trật tự thế giới "hai cực" và có ảnh hưởng trực tiếp đến tình hình Việt Nam là

A. Liên Xô và Mĩ chuyển từ đối đầu sang đối thoại.

B. Liên Xô và Mĩ qua tón kém trong việc chạy đua vũ trang.

C. "cực" Liên Xô đã tan rã, hệ thống XHCN thế giới không còn tồn tại.

D. ảnh hưởng của Liên Xô và Mĩ bị thu hẹp ở nhiều nơi trên thế giới.

CHỦ ĐỀ 6: CÁCH MẠNG KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ VÀ XU THẾ TOÀN CẦU HÓA NỬA SAU THẾ KỈ XX

Câu 1. Nhân tố chủ yếu chi phối quan hệ quốc tế trong phần lớn nửa sau thế kỷ XX là

- A. xu thế toàn cầu hóa.
- B. cục diện “Chiến tranh lạnh”.
- C. sự ra đời các khối quân sự đối lập.
- D. sự hình thành các liên minh kinh tế.

Câu 2. Xét về bản chất, toàn cầu hóa là

- A. xu thế khách quan, là một thực tế không thể đảo ngược được, làm cho mọi mặt đời sống của con người kém an toàn hơn.
- B. kết quả của quá trình tăng lên mạnh mẽ của lực lượng sản xuất, nhằm tăng cường khả năng cạnh tranh trên thị trường trong và ngoài nước.
- C. quá trình tăng lên mạnh mẽ những mối liên hệ, những ảnh hưởng tác động lẫn nhau, phụ thuộc lẫn nhau của tất cả các khu vực, các quốc gia, dân tộc trên thế giới.
- D. sự phát triển nhanh chóng các mối quan hệ thương mại, là sự phụ thuộc lẫn nhau trên phạm vi toàn cầu.

Câu 3. Mục tiêu của các cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật trong lịch sử nhằm

- A. giải quyết vấn đề bùng nổ dân số.
- B. giải quyết những đòi hỏi của cuộc sống, của sản xuất.
- C. đáp ứng nhu cầu vật chất và tinh thần ngày càng cao của con người.
- D. giải quyết những đòi hỏi của cuộc sống, của sản xuất nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của con người.

Câu 4. Điểm khác nhau căn bản giữa cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật ngày nay so với cuộc cách mạng công nghiệp ở thế kỉ XVIII - XIX là

- A. mọi phát minh kĩ thuật dựa trên các ngành khoa học cơ bản.
- B. mọi phát minh về kĩ thuật dựa trên các nghiên cứu khoa học.
- C. mọi phát minh về kĩ thuật bắt nguồn từ thực tiễn kinh nghiệm.
- D. mọi phát minh về kĩ thuật xuất phát từ đòi hỏi của cuộc sống.

Câu 5. Đặc điểm lớn nhất của cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật ngày nay là

- A. diễn ra trên một số lĩnh vực quan trọng.
- B. diễn ra trên tất cả các lĩnh vực.
- C. diễn ra với qui mô và tốc độ chưa từng thấy.
- D. khoa học trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp.

Câu 6. Chọn những cụm từ cho sẵn dưới đây điền vào khoảng trống trong đoạn văn sau:

Trong giai đoạn từ cuộc khủng hoảng năng lượng năm 1973 cho đến nay, cuộc cách mạng chủ yếu diễn ra về (1).....với sự ra đời của (2)....., về vật liệu mới, về những dạng năng lượng mới và (3)....., phát triển tin học.

- A. (1) công nghệ, (2) thế hệ máy tính điện tử mới, (3) công nghệ sinh học.
- B. (1) thế hệ máy tính điện tử mới, (2) công nghệ sinh học, (3) công nghệ.
- C. (1) công nghệ sinh học, (2) công nghệ, (3) thế hệ máy tính điện tử mới.
- D. (1) thế hệ máy tính điện tử mới, (2) công nghệ, (2) công nghệ sinh học.

Câu 7. Khởi đầu cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật lần thứ hai là nước

- A. Anh.
- B. Pháp.
- C. Mỹ.
- D. Nhật.

Câu 8. Yếu tố nào không phải là nguyên nhân chính đưa đến sự bùng nổ của cuộc cách mạng khoa học kĩ thuật lần hai ?

- A. Những đòi hỏi của cuộc sống, của sản xuất nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của con người.
- B. Sự bùng nổ dân số thế giới.
- C. Sự cạn kiệt nghiêm trọng các nguồn tài nguyên thiên nhiên.
- D. Sự xuất hiện các dịch bệnh mới.

Câu 9. Xu thế toàn cầu hóa trên thế giới là hệ quả của

- A. sự phát triển của quan hệ thương mại quốc tế.
- B. cuộc cách mạng khoa học- công nghệ.
- C. Sự ra đời của các công ty xuyên quốc gia.
- D. quá trình thống nhất thị trường thế giới.

Câu 10. Hạn chế cơ bản (lớn) nhất của cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật lần thứ hai là

- A. đã chế tạo nhiều vũ khí hiện đại, đẩy nhân loại đứng trước nguy cơ chiến tranh thế giới mới.
- B. nạn khủng bố phổ biến, tình hình thế giới căng thẳng.
- C. nguy cơ bùng nổ chiến tranh hạt nhân hủy diệt loài người.
- D. chế tạo các loại vũ khí, phương tiện chiến tranh hiện đại có tính hủy diệt lớn, gây ra nạn ô nhiễm môi trường, tai nạn, bệnh tật mới.

Câu 11. Một hệ quả quan trọng của cuộc cách mạng khoa học - công nghệ là

- A. nhu cầu, đòi hỏi của con người ngày càng cao.
- B. xuất hiện xu thế toàn cầu hóa.
- C. sự bùng nổ dân số thế giới.
- D. xuất hiện các dịch bệnh mới.

Câu 12. Nhận định nào sai về tác động của toàn cầu hóa?

- A. Thúc đẩy sự phát triển của lực lượng sản xuất.
- B. Tạo ra thách thức đối với các nước đang phát triển.
- C. Đòi hỏi con người trở nên bấp bênh.
- D. Đào sâu khoảng cách giàu nghèo.

Câu 13. Tổ chức nào sau đây không phải là biểu hiện của xu thế toàn cầu hóa?

- A. Khu vực thương mại tự do ASEAN(AFTA).
- B. Diễn đàn hợp tác Á- Âu(ASEM).
- C. Tổ chức Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương(NATO).
- D. Hiệp định Thương mại tự do Bắc Mỹ(NAFTA).

Câu 14. Tại sao gọi là cuộc cách mạng khoa học- công nghệ?

- A. Do công nghệ được đầu tư phát minh.
- B. Công nghệ được áp dụng vào tất cả các ngành sản xuất và đời sống xã hội.
- C. Cuộc cách mạng công nghệ trở thành cốt lõi của cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật.
- D. Có nhiều phát minh, sang chế trong lĩnh vực công nghệ nhất.

Câu 15. Đâu là sự biểu hiện không phải của xu thế toàn cầu hóa?

- A. Sự phát triển nhanh chóng của quan hệ thương mại quốc tế.
- B. Sự ra đời của các tổ chức liên kết quốc tế và khu vực.
- C. Sự ra đời của Liên minh châu Âu (EU)
- D. Việc duy trì sự Liên minh Mỹ – Nhật

Câu 16. Tác động tiêu cực về mặt xã hội của xu thế toàn cầu hóa là

A. gia tăng mâu thuẫn giữa các giai cấp về tư tưởng. B. gia tăng khoảng cách giàu nghèo.

C. gia tăng tình trạng thất nghiệp.

D. gia tăng dân số.

Câu 17. Đâu là hạn chế về mặt văn hóa của xu thế toàn cầu hóa ?

A. Cơ cấu kinh tế các nước có sự chuyển biến.

B. Đặt ra yêu cầu phải tiến hành cải cách để nâng cao sức cạnh tranh.

C. Thúc đẩy sự phát triển xã hội và xã hội hóa các lực lượng sản xuất.

D. Nguy cơ đánh mất bản sắc văn hóa dân tộc.

Câu 18. Ý nghĩa then chốt, quan trọng của cách mạng khoa học – kĩ thuật hiện đại là

A. tạo ra khối lượng hàng hóa đồ sộ.
văn minh trí tuệ.

B. đưa con người sang nền

C. thay đổi một cách cơ bản các nhân tố sản xuất.
quốc tế ngày càng được mở rộng.

D. sự giao lưu

Câu 19. Bản đồ gen người được giải mã hoàn chỉnh vào năm

A. 1947.

B. 2000.

C. 2003.

D. 2006.

Câu 20. Nguồn năng lượng mới nào được tìm ra trong các nguồn năng lượng

A. Mặt trời.

B. Điện.

C. Than đá.

D. Dầu mỏ.

Câu 21. Điểm nào dưới đây không có trong cuộc cách mạng kĩ thuật lần thứ nhất và là đặc trưng cơ bản của cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật lần hai ?

A. mọi phát minh kĩ thuật đều bắt nguồn từ thực tiễn.

B. mọi phát minh kĩ thuật đều bắt nguồn từ nghiên cứu khoa học.

C. mọi phát minh kĩ thuật đều dựa vào các ngành khoa học cơ bản.

D. Khoa học trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp.

Câu 22. Trong xu thế hòa bình ổn định, hợp tác và phát triển, Việt Nam có được những thời cơ và thuận lợi gì ?

- A. Ứng dụng các thành tựu khoa học – kĩ thuật vào sản xuất.
- B. Nâng cao trình độ tập trung vốn và lao động.
- C. Có được thị trường lớn để tăng cường xuất khẩu hàng hóa.
- D. Hợp tác kinh tế, thu hút vốn đầu tư và ứng dụng khoa học kĩ thuật.

Câu 23. Vật liệu mới nào được tìm ra trong các dạng vật liệu dưới đây?

- A. Bê tông.
- B. Sắt, thép.
- C. Pôlime.
- D. Hợp kim.

Câu 24. Thành tựu quan trọng của cách mạng khoa học - công nghệ đã tham gia tích cực vào việc giải quyết lương thực cho loài người là

- A. tạo ra những vật liệu mới.
- B. tạo ra những công cụ sản xuất mới.
- C. tạo ra những nguồn năng lượng mới.
- D. công nghệ sinh học.

Câu 25. Một thực tế không thể đảo ngược của xu thế toàn cầu hóa là

- A. xu thế chủ quan.
- B. xu thế khách quan.
- C. xu thế đối thoại và hợp tác.
- D. những mối liên hệ phụ thuộc lẫn nhau.

Câu 26. Cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật hiện đại đã phát triển qua mấy giai đoạn?

- A. 2 giai đoạn.
- B. 3 giai đoạn.
- C. 4 giai đoạn.
- D. 5 giai đoạn.

Câu 27. Sự phát triển nhanh chóng của cách mạng khoa học - kĩ thuật hiện đại trong nông nghiệp đã dẫn đến hiện tượng gì?

- A. Bùng nổ thông tin.
- B. Cuộc "Cách mạng xanh" trong nông nghiệp.
- C. Đầu tư cho khoa học - kĩ thuật có lãi cao hơn so với các lĩnh vực khác.
- D. Mỗi phát minh về khoa học - kĩ thuật đều bắt nguồn từ nghiên cứu khoa học.

Câu 28. Bước vào thế kỉ XXI, xu thế chung của thế giới hiện nay là

- A. hòa bình, ổn định, hợp tác cùng phát triển.
- B. cùng tồn tại, phát triển hòa bình.
- C. xu thế hòa hoãn, hòa dịu trong quan hệ quốc tế.

D. hòa nhập nhưng không hòa tan.

Câu 29. Xu thế toàn cầu hóa đã thúc đẩy nhanh sự phát triển và tốc độ xã hội hóa của lực lượng sản xuất, đưa lại sự tăng trưởng cao, góp phần chuyển biến cơ cấu kinh tế, đòi hỏi phải tiến hành cải cách sâu rộng để nâng cao sức cạnh tranh và hiệu quả của nền kinh tế. Đó là

- A. Bản chất của toàn cầu hóa.
- B. biểu hiện của toàn cầu hóa.
- C. tác động tích cực của toàn cầu hóa.
- D. tác động tiêu cực của toàn cầu hóa.

Câu 30. Đặc trưng cơ bản của cách mạng khoa học - kĩ thuật hiện đại là

- A. cải tiến, hoàn thiện phương tiện sản xuất.
- B. cải tiến việc tổ chức sản xuất.
- C. cải tiến quản lí sản xuất.
- D. cải tiến việc phân công lao động.

Câu 31. Sự kiện nào được xem là thời cơ lịch sử đến từ xu thế toàn cầu hóa?

- A. Sự phát triển nhanh chóng của quan hệ thương mại quốc tế.
- B. Sự ra đời của các tổ chức liên kết kinh tế, thương mại, tài chính quốc tế và khu vực.
- C. Khai thác vốn đầu tư, kĩ thuật công nghệ và kinh nghiệm quản lí từ bên ngoài để phát triển kinh tế.
- D. Tạo ra nguy cơ đánh mất bản sắc dân tộc và độc lập tự chủ của các quốc gia.

Câu 32. Những tiến bộ của cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật đã đưa đến hệ quả gì?

- A. Tăng cường khả năng giao lưu trao đổi và hợp tác quốc tế.
- B. Tạo ra cuộc cạnh tranh quyết liệt về công nghệ giữa các nước.
- C. Tạo ra xu thế toàn cầu hóa.
- D. Giúp các quốc gia xích lại gần nhau nhờ các phương tiện giao thông và thông tin liên lạc hiện đại.

Câu 33. Dưới tác động của cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật, xu hướng phát triển chung của các nước tư bản hiện nay là

- A. tập trung nghiên cứu và phát minh, bán bản quyền phát minh thu lợi nhuận.
- B. liên kết khu vực để tăng sức cạnh tranh.
- C. đầu tư nhiều cho giáo dục để đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao.
- D. mở rộng quan hệ hợp tác với tất cả các nước trên thế giới.

Câu 34. Sự kiện nào dưới đây là tác động tiêu cực của xu thế toàn cầu hóa?

- A. Sự phát triển và tác động to lớn của các công ty xuyên quốc gia.
- B. Sự sáp nhập và hợp nhất các công ty thành những tập đoàn lớn.
- C. Góp phần làm chuyển biến cơ cấu kinh tế.
- D. Làm trầm trọng thêm sự bất công xã hội, phân hóa giàu nghèo trong từng nước và giữa các nước.

Câu 35. Thách thức lớn nhất Việt Nam phải đối mặt trong xu thế toàn cầu hóa là gì?

- A. Sự chênh lệch về trình độ khi tham gia hội nhập.
- B. Sự cạnh tranh quyết liệt từ thị trường thế giới.
- C. Sự bất bình đẳng trong quan hệ quốc tế.
- D. Sử dụng chưa có hiệu quả những nguồn vốn vay nợ.

Câu 36. Để thích nghi với xu thế toàn cầu hóa, Việt Nam cần phải

- A. đẩy mạnh công nghiệp hóa và hiện đại hóa.
- B. tận dụng nguồn vốn và kĩ thuật bên ngoài.
- C. ứng dụng các thành tựu khoa học - kĩ thuật.
- D. nắm bắt thời cơ vượt qua thách thức.

PHẦN LỊCH SỬ VIỆT NAM LỚP 12

(1919-1954)

Chủ đề 1. PHONG TRÀO DÂN TỘC DÂN CHỦ Ở VIỆT NAM

TỪ NĂM 1919 ĐẾN NĂM 1930

Câu 1. Vì sao (mục đích chủ yếu) thực dân Pháp tiến hành khai thác thuộc địa lần thứ hai ở Việt Nam?

- A. Củng cố vị thế của nước Pháp.
- B. Để thúc đẩy sự phát triển kinh tế, xã hội Việt Nam.
- C. Bù đắp những thiệt hại trong cuộc khai thác lần thứ nhất.
- D. Bù đắp thiệt hại do chiến tranh thế giới thứ nhất gây ra.

Câu 2. Trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai, thực dân Pháp đầu tư vốn nhiều nhất vào các ngành nào (lĩnh vực kinh tế nào)?

- A. Giao thông vận tải.
- B. Công nghiệp chế biến.
- C. Nông nghiệp và khai mỏ.
- D. Nông nghiệp và thương nghiệp.

Câu 3. Vì sao tư bản Pháp chú trọng khai thác mỏ than ở Việt Nam?

- A. Việt Nam có trữ lượng than lớn.
- B. Để phục vụ cho nhu cầu công nghiệp chính quốc.
- C. Để phục vụ cho nhu cầu phát triển kinh tế Pháp.
- D. Vì than là nguyên liệu chủ yếu của thế giới bấy giờ.

Câu 4. Giai cấp nào mới ra đời do hậu quả của việc khai thác thuộc địa lần hai của Pháp?

- A. Công nhân, nông dân, tư sản dân tộc.
- B. Công nhân, tiểu tư sản, tư sản dân tộc.
- C. Công nhân, tư sản dân tộc, địa chủ phong kiến.
- D. Công nhân, nông dân, tư sản dân tộc, tiểu tư sản, địa chủ phong kiến.

Câu 5. Chương trình khai thác thuộc địa lần thứ hai của thực dân Pháp đã tác động như thế nào đến nền kinh tế Việt Nam?

- A. Nền kinh tế mở cửa.
- B. Kinh tế phát triển theo hướng tư bản chủ nghĩa.

- C. Chỉ có kinh tế nông nghiệp phát triển mạnh.
- D. Nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu, lệ thuộc Pháp.

Câu 6. Mâu thuẫn chủ yếu của xã hội Việt Nam sau chiến tranh thế giới thứ nhất là

- A. giữa giai cấp vô sản với giai cấp tư sản.
- B. giữa giai cấp nông dân với địa chủ phong kiến.
- C. giữa toàn thể nhân dân Việt Nam với thực dân Pháp.
- D. giữa toàn thể nhân dân Việt Nam với thực dân Pháp và bọn phản động tay sai.

Câu 7. Sự phân hóa giai cấp tư sản Việt Nam dưới tác động của chính sách khai thác thuộc lần hai của thực dân Pháp là

- A. tư sản dân tộc và tư sản mại bản.
- B. tư sản dân tộc và tư sản thương nghiệp.
- C. tư sản dân tộc và tư sản công nghiệp.
- D. tư sản dân tộc và tư sản công thương.

Câu 8. Dưới tác động cuộc khai thác thuộc địa lần hai của thực dân Pháp, giai cấp nào *không* bị ảnh hưởng bởi chính sách bóc lột của thực dân Pháp?

- A. Tư sản dân tộc.
- B. Tư sản mại bản.
- C. Địa chủ phong kiến.
- D. Công nhân, nông dân.

Câu 9. Phong trào đấu tranh đầu tiên do giai cấp tư sản dân tộc khởi xướng là

- A. tẩy chay hàng hóa nước ngoài.
- B. chống độc quyền thương cảng Sài Gòn.
- C. chống độc quyền xuất khẩu lúa gạo ở Nam Kỳ.
- D. phong trào “Chấn hưng nội hóa, bài trừ ngoại hóa”.

Câu 10. Tờ báo nào sau đây *không* phải của tầng lớp tiểu tư sản xuất bản trong phong trào dân tộc dân chủ ở Việt Nam 1919 – 1925?

- A. Chuông rè.
- B. An Nam trẻ.

C. Người nhà quê.

D. Người cùng khổ.

Câu 11. Từ 1919 – 1925 hoạt động nào của Nguyễn Ái Quốc được coi là quan trọng nhất?

A. Gia nhập Đảng xã hội Pháp.

B. Gia nhập Quốc tế cộng sản.

C. Đọc sơ thảo luận cương Lê nin.

D. Gửi bản yêu sách đến hội nghị Véc xai.

Câu 12. Vì sao trong cuộc khai thác thuộc địa lần hai tư bản Pháp hạn chế phát triển công nghiệp nặng ở Việt Nam?

A. Vì đầu tư cho công nghiệp nặng tốn kém, mất thời gian.

B. Biến Việt Nam thành căn cứ quân sự và chính trị của Pháp.

C. Biến Việt Nam thành thị trường tiêu thụ hàng hóa của Pháp.

D. Vì kinh tế Việt Nam lệ thuộc và là thị trường tiêu thụ hàng hóa của Pháp (để cột chặt nền kinh tế Việt Nam vào kinh tế Pháp).

Câu 13. Sau chiến tranh thế giới thứ nhất, giai cấp công nhân Việt Nam có đủ khả năng nắm lấy ngọn cờ cách mạng vì

A. có điều kiện sống tập trung.

B. tăng nhanh về số lượng, gắn bó mật thiết với nông dân.

C. bị áp bức bóc lột nặng nề, nhiều cuộc đấu tranh đã nổ ra.

D. sớm chịu ảnh hưởng của phong trào cách mạng vô sản thế giới.

Câu 14. Quá trình hoạt động của Nguyễn Ái Quốc từ 1919 – 1925 có tác dụng như thế nào trong tiến trình phát triển của cách mạng Việt Nam?

A. Quá trình thành lập ba tổ chức cộng sản ở Việt Nam.

B. Quá trình truyền bá chủ nghĩa Mác – Lênin vào Việt Nam.

C. Quá trình chuẩn bị thực hiện chủ trương “vô sản hóa” để truyền bá chủ nghĩa Mác – Lênin vào Việt Nam.

D. Quá trình chuẩn bị về tư tưởng chính trị và tổ chức cho sự thành lập Đảng Cộng Sản Việt Nam (3/2/1930).

Câu 15. Con đường đi tìm chân lí cứu nước của Nguyễn Ái Quốc khác với con đường của những người đi trước là

- A. đi sang phương Tây tìm đường cứu nước.
- B. đi từ chủ nghĩa yêu nước đến với chủ nghĩa vô sản.
- C. đi từ chủ nghĩa yêu nước đến với đến với chủ nghĩa cộng sản.
- D. đi từ chủ nghĩa yêu nước đến với chủ nghĩa Mác – Lênin, kết hợp đường lối dân tộc với chủ nghĩa xã hội (cách mạng vô sản).

Câu 16. Sự kiện nào đánh dấu Nguyễn Ái Quốc bước đầu tìm thấy con đường cứu nước đúng đắn?

- A. Đưa yêu sách đến hội nghị Véc xai.
- B. Tham gia sáng lập Đảng Cộng Sản Pháp.
- C. Tham gia sáng lập Hội liên hiệp thuộc địa Pari.
- D. Đọc sơ thảo lần thứ nhất luận cương Lênin về vấn đề dân tộc và thuộc địa.

Câu 17. Vì sao sau chiến tranh thế giới thứ nhất, phong trào yêu nước theo khuynh hướng dân chủ tư sản phát triển mạnh mẽ?

- A. Chủ nghĩa Mác - Lênin được truyền bá sâu rộng vào Việt Nam.
- B. Do ảnh hưởng Tư tưởng Tam dân của Tôn Trung Sơn.
- C. Giai cấp công nhân đã chuyển sang đấu tranh tự giác.
- D. Thực dân Pháp đang trên đà suy yếu.

Câu 18. Công lao đầu tiên to lớn nhất của Nguyễn Ái Quốc trong những năm 1911-1930 là gì?

- A. Hợp nhất ba tổ chức cộng sản.
- B. Thành lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên.
- C. Khởi thảo cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam.
- D. Từ chủ nghĩa yêu nước đến chủ nghĩa Mác – Lê nin, tìm ra con đường cứu nước đúng đắn.

Câu 19. Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, sự kiện nào của thế giới có tác động mạnh mẽ đến cách mạng Việt Nam?

- A. Cách mạng tháng Mười Nga thành công.
- B. Chiến tranh thế giới thứ nhất kết thúc.
- C. Đảng Cộng sản Trung Quốc thành lập.
- D. Phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc dâng cao ở châu Mỹ, châu Phi.

Câu 20. Tổ chức quốc tế nào ra đời tháng 3/1919 với mục đích thúc đẩy sự phát triển của phong trào cách mạng thế giới?

- A. Hội Quốc Liên.
- B. Liên hợp quốc.
- C. Quốc tế Cộng sản.
- D. Hội Liên hiệp các dân tộc thuộc địa.

Câu 21. Người đề ra chương trình khai thác thuộc địa lần thứ hai của thực dân Pháp được triển khai ở Đông Dương là ai?

- A. Anbe Xarô.
- B. Pôn Đume.
- C. G. Đocu.
- D. G. Xanh-toni.

Câu 22. Chương trình khai thác thuộc địa lần thứ hai của thực dân Pháp được triển khai ở Đông Dương trong khoảng thời gian nào?

- A. 1918 - 1929.
- B. 1918 - 1933.
- C. 1919 - 1929.
- D. 1919 - 1933.

Câu 23. Nguyên nhân cơ bản dẫn đến việc thực dân Pháp đẩy mạnh khai thác thuộc địa lần thứ hai (chủ yếu là Việt Nam) ngay sau chiến tranh thế giới thứ nhất là gì?

- A. Pháp bị chiến tranh tàn phá nặng nề, kinh tế, tài chính kiệt quệ.
- B. Việt Nam có nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú.
- C. Việt Nam có nguồn nhân công dồi dào, rẻ.
- D. Pháp muốn đầu tư phát triển kinh tế ở Việt Nam.

Câu 24. Đặc điểm nổi bật trong công cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai ở Đông Dương là thực dân Pháp đầu tư với

- A. tốc độ nhanh, quy mô lớn vào các ngành kinh tế ở Việt Nam.
- B. tốc độ nhanh, chú trọng áp dụng khoa học - kỹ thuật.
- C. quy mô lớn, ưu tiên phát triển công nghiệp.
- D. quy mô lớn, ưu tiên phát triển nông nghiệp.

Câu 25. Tổng số vốn đầu tư vào Đông Dương của Pháp giai đoạn 1924 - 1929 là bao nhiêu?

- A. 3 tỉ phrăng. B. 4 tỉ phrăng.
C. 5 tỉ phrăng. D. 6 tỉ phrăng.

Câu 26. Trong nông nghiệp, Pháp chú trọng đầu tư nhiều nhất vào

- A. xay xát gạo. B. đồn điền cao su.
C. đồn điền cà phê. D. chăn nuôi gia súc.

Câu 27. Lĩnh vực không được Pháp chú trọng đầu tư trong công cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai ở Đông Dương là

- A. Công nghiệp nặng. B. Công nghiệp nhẹ.
C. đồn điền cà phê. D. giao thông vận tải.

Câu 28. Trong công cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai ở Đông Dương (chủ yếu ở Việt Nam), ngành khai thác khoáng sản nào được Pháp đầu tư nhiều nhất?

- A. Sắt. B. Kẽm. C. Than. D. Thiếc.

Câu 29. Chính sách nông nghiệp nào của Pháp thực hiện ở Việt Nam trong công cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai gây hậu quả nặng nề đối với nông dân?

- A. Đánh thuế vào các mặt hàng nông sản.
B. Bắt nông dân đi phu phen, tạp dịch.
C. Hạn chế áp dụng khoa học - kĩ thuật vào sản xuất.
D. Tước đoạt ruộng đất của nông dân.

Câu 30. Điểm mới trong chương trình khai thác thuộc địa lần thứ hai của Pháp thực hiện ở Việt Nam là

- A. vơ vét tài nguyên thiên nhiên ở Việt Nam.
B. tăng cường đầu tư thu lãi cao.
C. đầu tư hai ngành đồn điền cao su và khai mỏ.
D. đầu tư vào ngành giao thông vận tải và ngân hàng..

Câu 31. Nền kinh tế Đông Dương sau Chiến tranh thế giới thứ nhất được chỉ huy bởi

- A. Ngân hàng Việt Nam.
- B. Ngân hàng Đông Dương.
- C. Ngân hàng Đông Nam Á.
- D. Ngân hàng Liên bang Đông Dương.

Câu 32. Chính sách thương nghiệp bao trùm được Pháp thực hiện ở Đông Dương và Việt Nam trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai là

- A. độc chiếm thị trường Đông Dương và Việt Nam.
- B. biến Đông Dương thành thị trường tiêu thụ hàng hóa của Pháp.
- C. mở rộng trao đổi, buôn bán giữa Việt Nam với Pháp.
- D. mở rộng trao đổi, buôn bán giữa Việt Nam với Đông Dương.

Câu 33. Thực dân Pháp đã thực hiện chính sách gì để độc chiếm thị trường Việt Nam?

- A. Tăng thuế cũ, đặt thêm thuế mới.
- B. Nhập khẩu hàng hóa vào thị trường Việt Nam.
- C. Giảm mức thuế quan đối với hàng hóa tất cả các nước.
- D. Nâng mức thuế quan đối với hàng hóa các nước.

Câu 34. Trong chương trình khai thác thuộc địa lần thứ hai ở Đông Dương Pháp đầu tư phát triển giao thông vận tải nhằm

- A. phát triển cơ sở hạ tầng cho các nước Đông Dương.
- B. phục vụ cho công cuộc khai thác thuộc địa.
- C. thúc đẩy sự phát triển của thương nghiệp.
- D. tăng cường vận chuyển hàng hóa giữa các vùng miền.

Câu 35. Nguyên nhân cơ bản giúp ngân sách Đông Dương do Pháp thu được năm 1930 tăng gấp 3 lần so với năm 1912 là

- A. áp dụng thành tựu khoa học - kỹ thuật vào sản xuất.
- B. khuyến khích phát triển công nghiệp nhẹ.
- C. tăng thuế và cho vay lãi.
- D. mở rộng trao đổi buôn bán.

Câu 36. Thực dân Pháp đưa người Việt vào cơ quan của Pháp tại Đông Dương như các phòng thương mại và canh nông, các Viện Dân biểu nhằm mục đích gì?

- A. Đào tạo đội ngũ viên chức phục vụ cho Pháp.
- B. Đối phó với những biến động chính trị đang diễn ra ở Đông Dương.
- C. Tuyên truyền sức mạnh của nước Pháp.
- D. Cùng chia sẻ quyền lợi giữa người Việt và người Pháp.

Câu 37. Chính sách chính trị nào của Pháp gây hậu quả nghiêm trọng đối với thuộc địa Đông Dương?

- A. Chính sách chia rẽ các dân tộc.
- B. Chính sách khai hóa.
- C. Chính sách chia rẽ tôn giáo.
- D. Chính sách chia để trị.

Câu 38. Nội dung nào sau đây không phản ánh đúng tình hình kinh tế Việt Nam dưới tác động của công cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai?

- A. Cơ cấu kinh tế Việt Nam phát triển mất cân đối.
- B. Việt Nam trở thành thị trường độc quyền của Pháp.
- C. Nền kinh tế Việt Nam có bước phát triển khá nhanh chóng.
- D. Kinh tế Việt Nam nghèo nàn, lạc hậu và bị cột chặt vào nền kinh tế Pháp.

Câu 39. Vì sao nói, dưới tác động của cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai nền kinh tế Đông Dương vẫn bị cột chặt vào nền kinh tế Pháp?

- A. Kinh tế nông nghiệp là chủ yếu, công nghiệp nặng kém phát triển.
- B. Kinh tế Đông Dương phát triển được là do sự hỗ trợ của kinh tế Pháp.
- C. Đông Dương là thị trường độc quyền của Pháp.
- D. Ngân hàng Đông Dương nắm quyền chỉ huy nền kinh tế Đông Dương.

Câu 40. Dưới tác động của cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai, xã hội Việt Nam bị phân hóa thành những giai cấp nào?

- A. Nông dân, địa chủ, tư sản dân tộc, công nhân, tiểu tư sản.
- B. Công nhân, nông dân, tiểu tư sản, đại địa chủ, tư sản.
- C. Tiểu tư sản, công nhân, nông dân, đại địa chủ, tư sản mại bản.

D. Địa chủ, nông dân, tiểu tư sản, công nhân, tiểu tư sản.

Câu 41. Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, giai cấp nào có khả năng lãnh đạo cách mạng Việt Nam triệt để nhất?

A. Nông dân. B. Tiểu tư sản.

C. Công nhân. D. tư sản dân tộc.

Câu 42. Giai cấp công nhân Việt Nam dưới tác động của cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai có sự chuyển biến như thế nào?

A. Tăng nhanh về số lượng. B. Tăng nhanh về chất lượng.

C. Tăng nhanh về số lượng và chất lượng.

D. Vươn lên lãnh đạo phong trào giải phóng dân tộc.

Câu 43. Giai cấp công nhân Việt Nam có nguồn gốc xuất thân chủ yếu là

A. giai cấp tư sản bị phá sản. B. viên chức, công chức bị sa thải.

C. thợ thủ công bị thất nghiệp.

D. giai cấp nông dân bị tước đoạt ruộng đất.

Câu 44. Giai cấp nào có số lượng tăng nhanh nhất trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai ở Việt Nam?

A. Công nhân. B. Nông dân.

C. Tiểu tư sản. D. Tư sản.

Câu 45. Đối tượng bị bóc lột chủ yếu trong công cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai là

A. công nhân. B. nông dân.

C. trí thức tiểu tư sản. D. tư sản dân tộc.

Câu 46. Lực lượng tham gia đông đảo nhất trong phong trào dân tộc, dân chủ ở Việt Nam đầu thế kỉ XX là

A. tư sản yêu nước. B. tiểu tư sản yêu nước.

C. công nhân. D. nông dân.

Câu 47. Tầng lớp tư sản mại bản có thái độ chính trị như thế nào đối với phong trào cách mạng Việt Nam?

- A. Quyền lợi gắn với đế quốc, thái độ phản động, là kẻ thù của cách mạng.
- B. Ít nhiều có tinh thần dân tộc, nhưng không kiên định, dễ thỏa hiệp, cải lương.
- C. Yêu nước, có tinh thần chống đế quốc, chống phong kiến cao.
- D. Là lực lượng lãnh đạo cách mạng.

Câu 48. Tác động của chương trình khai thác thuộc địa lần thứ hai đến nền kinh tế Việt Nam là

- A. nền kinh tế Việt Nam phát triển độc lập tự chủ.
- B. nền kinh tế Việt Nam phát triển thêm một bước nhưng bị kìm hãm và lệ thuộc vào kinh tế Pháp.
- C. nền kinh tế Việt Nam lạc hậu, phụ thuộc vào Pháp.
- D. Việt Nam trở thành thị trường độc chiếm của Pháp.

Câu 49. Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, chính sách chính trị của Pháp ở Việt Nam là

- A. mua chuộc, lôi kéo địa chủ và tư sản Việt Nam.
- B. thi hành chính sách cải cách nền dân chủ.
- C. đàn áp phong trào cách mạng.
- D. ủng hộ nền quân chủ lập hiến.

Câu 50. Chính sách văn hóa - giáo dục của Pháp ở Việt Nam sau Chiến tranh thế giới thứ nhất nhằm mục đích

- A. khai hóa văn minh cho dân tộc ta.
- B. đào tạo đội ngũ tri thức ở Việt Nam.
- C. nô dịch, ngu dân nhân dân ta.
- D. nâng cao dân trí cho nhân dân Việt Nam.

Câu 51. Tầng lớp nào không có khả năng tham gia phong trào dân tộc, dân chủ ở Việt Nam sau chiến tranh thế giới thứ nhất?

- A. Địa chủ và tư sản.
- B. Đại địa chủ và tư sản mại bản.
- C. Tư sản mại bản và nông dân.
- D. Địa chủ phong kiến và tiểu tư sản.

Câu 52. Dưới tác động của cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai của thực dân Pháp, xã hội Việt Nam có những mâu thuẫn cơ bản nào?

- A. Vô sản - tư sản; nông dân - địa chủ phong kiến.
- B. Dân tộc Việt Nam - thực dân Pháp; vô sản - tư sản.
- C. Dân tộc Việt Nam - thực dân Pháp; nông dân - địa chủ phong kiến.
- D. Trung, tiểu địa chủ - đại địa chủ; nông dân - địa chủ phong kiến.

Câu 53. Vì sao trong phong trào dân tộc dân chủ, giai cấp tiểu tư sản trở thành lực lượng cách mạng quan trọng có nhiều hoạt động đấu tranh chống thực dân Pháp ở Việt Nam?

- A. Là những người có học.
- B. Có nhiều tiền của, sẵn sàng hỗ trợ cho cách mạng.
- C. Bị thực dân Pháp chèn ép, bạc đãi, khinh rẻ.
- D. Kế thừa truyền thống đấu tranh bất khuất của dân tộc.

Câu 54. Tư sản dân tộc Việt Nam có thái độ chính trị như thế nào khi tham gia phong trào dân tộc dân chủ sau Chiến tranh thế giới thứ nhất?

- A. Có tinh thần cách mạng triệt để.
- B. Hăng hái, nhiệt tình, đi đầu trong các phong trào chống thực dân Pháp.
- C. Kiên quyết đấu tranh chống thực dân Pháp và tay sai.
- D. Không kiên định, dễ thỏa hiệp, cải lương khi được nhượng bộ một số quyền lợi.

Câu 55. Sự kiện tiêu biểu nào của thế giới có tác động mạnh mẽ đến sự phát triển của phong trào công nhân Việt Nam sau Chiến tranh thế giới thứ nhất?

- A. Cách mạng tháng Mười Nga thắng lợi và sự ra đời củ nước Nga Xô Viết.
- B. Cuộc đấu tranh của công nhân và thủy thủ Pháp.
- C. Cuộc đấu tranh của công nhân Thượng Hải (Trung Quốc).
- D. Hoạt động của Quốc tế Cộng sản.

Câu 56. Sự kiện nào đánh dấu bước chuyển của phong trào công nhân Việt Nam chuyển từ tự phát sang tự giác? chứng tỏ tư tưởng Cách mạng tháng Mười Nga đã thấm sâu hơn và bắt đầu biến thành hành động của công nhân Việt Nam?

- A. Bãi công của công nhân Sài Gòn - Chợ Lớn năm 1920.
- B. Bãi công của công nhân viên chức các sở công thương của Pháp ở Bắc kì năm 1922.
- C. Bãi công của công nhân nhà máy dệt Nam Định năm 1924.
- D. Bãi công của công nhân xưởng máy Ba Son - Sài Gòn năm 1925.

Câu 57. Lãnh đạo cuộc bãi công của công nhân Ba Son - Sài Gòn (8/1925) là

- A. Nguyễn Ái Quốc. B. Tôn Đức Thắng.
- C. Trần Phú. D. Nguyễn Thái Học.

Câu 58. Vì sao nói, cuộc bãi công của công nhân Ba Son - Sài Gòn (8/1925) là mốc đánh dấu bước chuyển của phong trào công nhân Việt Nam chuyển từ tự phát sang tự giác?

- A. Đấu tranh có tổ chức, vì mục tiêu chính trị, thể hiện tinh thần quốc tế vô sản.
- B. Kết quả đấu tranh buộc Pháp phải tăng lương 20%.
- C. Đấu tranh có sự liên kết chặt chẽ với nông dân.
- D. Lần đầu tiên có sự đoàn kết đấu tranh vì nhân dân Trung Quốc.

Câu 59. Tháng 7/1920, Nguyễn Ái Quốc đã đọc văn kiện nào?

- A. Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa.
- B. Sơ thảo những luận cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa.
- C. Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa.
- D. Sơ thảo luận cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa.

Câu 60. Hướng đi tìm đường cứu nước của Nguyễn Ái Quốc khác với các bậc tiền bối. Đó là con đường

- A. Phương Tây. B. Nhật Bản.

C. Trung Quốc. D. Phương Đông.

Câu 61. Con đường cứu nước của Nguyễn Ái Quốc lựa chọn khác với những người đi trước. Đó là con đường

A. dựa vào Pháp để lật đổ chế độ phong kiến.

B. dựa vào Nhật Bản để đánh đuổi thực dân Pháp.

C. từ chủ nghĩa yêu nước đến chủ nghĩa cộng sản.

D. Cách mạng vô sản/đi từ chủ nghĩa yêu nước đến với chủ nghĩa Mác - Lênin, kết hợp độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội.

Câu 62. Nội dung cốt lõi trong bản "Yêu sách của nhân dân An Nam" được Nguyễn Ái Quốc gửi đến Hội nghị Vécxai là đòi Chính phủ Pháp và các nước đồng minh

A. trao trả độc lập dân tộc, rút khỏi Việt Nam.

B. thừa nhận các quyền tự do, dân chủ, quyền bình đẳng và tự quyết của dân tộc Việt Nam.

C. tiến hành cải cách kinh tế - xã hội, nói lỏng ách cai trị ở thuộc địa.

D. thừa nhận quyền tự do báo chí, tự do hội họp, tự do ngôn luận của dân tộc Việt Nam.

Câu 63. Sự kiện đánh dấu Nguyễn Ái Quốc bước đầu tìm thấy con đường cứu nước đúng đắn là?

A. Đưa yêu sách đến Hội nghị Vécxai.

B. Nguyễn Ái Quốc đọc Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa của Lênin.

C. Nguyễn Ái Quốc tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp.

D. Nguyễn Ái Quốc tham gia sáng lập Hội Liên hiệp thuộc địa ở Rari.

Câu 64. Quá trình hoạt động của Nguyễn Ái Quốc từ năm 1919 đến năm 1925 là quá trình

A. chuẩn bị về tư tưởng chính trị và tổ chức cho sự thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

B. truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam.

C. thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

D. thực hiện chủ trương "vô sản hóa" để truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin đến với giai cấp công nhân.

Câu 65. "Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản". Đây là kết luận của Nguyễn Ái Quốc sau khi

A. tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp.

B. đọc Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa của Lênin.

C. tham gia thành lập Hội Liên hiệp thuộc địa.

D. gửi bản yêu sách của nhân dân An Nam đến Hội nghị Vécxai.

Câu 66. Việc Nguyễn Ái Quốc bỏ phiếu tán thành gia nhập Quốc tế thứ ba và tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp (12/1920) có ý nghĩa gì?

A. Chứng tỏ Nguyễn Ái Quốc tìm được con đường cứu nước đúng đắn cho cách mạng Việt Nam.

B. Đánh dấu bước chuyển biến trong tư tưởng của Nguyễn Ái Quốc, từ chiến sĩ yêu nước trở thành chiến sĩ cộng sản.

C. Cách mạng Việt Nam trở thành một bộ phận khăng khít của cách mạng thế giới.

D. Làm cho phong trào công nhân Việt Nam phát triển mạnh mẽ chuyển từ tự phát sang tự giác.

Câu 67. Nói thời gian với hoạt động cứu nước ban đầu của Nguyễn Tất Thành (1911 - 1918)

Những hoạt động cứu nước ban đầu	Thời gian
1. Ra đi tìm đường cứu nước mới cho dân tộc.	a. Từ năm 1911 đến năm 1917.
2. Chọn hướng đi về phương Tây, đi nhiều nước và làm nhiều công việc khác nhau.	b. Cuối năm 1917.
3. Trở lại nước Pháp, tham gia hoạt	c. Tháng 6/ 1911.

động trong Hội những người Việt Nam yêu nước.	
---	--

- A. 1 - a, 2 - b, 3 - c. B. 1 - c, 2 - a, 3 - b. C. 1 - a, 2 - c, 3 - b.
D. 1 - c, 2 - b, 3 - a.

Câu 68. Đại diện tiêu biểu nhất của khuynh hướng cứu nước mới - dân chủ tư sản ở Việt Nam những năm đầu thế kỉ XX là

- A. Phan Bội Châu và Lương Văn Can. B. Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh.
C. Phan Châu Trinh và Huỳnh Thúc Kháng. D. Phan Bội Châu và nhóm Đông Kinh nghĩa thực.

Câu 69. Điểm khác nhau căn bản giữa cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai với cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất của thực dân Pháp ở Đông Dương là gì?

- A. Đầu tư với tốc độ nhanh, quy mô lớn
B. Chú trọng đầu tư phát triển nông nghiệp.
C. Hạn chế phát triển công nghiệp nặng.
D. Đầu tư phát triển hệ thống giao thông vận tải.

Câu 70. Nguyễn Ái Quốc đã lựa chọn những thanh niên tiên tiến để lập ra Cộng sản đoàn từ tổ chức

- A. Tâm Tâm xã. B. Tân Việt cách mạng Đảng.
C. Việt Nam Quốc Dân Đảng D. Hội VNCOMTN.

Câu 71. Tổ chức cách mạng nào dưới đây được coi là tiền thân của Đảng cộng sản Việt Nam?

- A. An Nam cộng sản Đảng. B. Hội VNCOMTN.
C. Đông Dương cộng sản liên đoàn. D. Đông Dương cộng sản Đảng.

Câu 72. Cơ quan ngôn luận của Hội VNCOMTN là

- A. báo Thanh Niên (21/6/1925). B. tác phẩm Đường Kách Mệnh.
C. báo Người cùng khổ. D. Bản án chế độ thực dân Pháp.

Câu 73. Đường Kách Mệnh xuất bản năm 1927 là

A. tác phẩm tuyên truyền CN Mác của Nguyễn Ái Quốc.

B. tập hợp những bài giảng của Nguyễn Ái Quốc.

C. tập hợp những bài giảng của Nguyễn Ái Quốc ở những lớp huấn luyện tại Quảng Châu, góp phần tuyên bá CN Mác – Lê Nin.

D. tác phẩm nghiên cứu về CN Mác – Lê Nin.

Câu 74. Việt Nam Quốc Dân Đảng là một đảng chính trị theo xu hướng nào?

A. dân chủ vô sản.

B. dân chủ tư sản.

C. dân chủ tiểu tư sản. D. quân chủ lập hiến.

Câu 75. Quá trình phân hóa của Hội VNCMTN đã dẫn đến sự thành lập của các tổ chức cộng sản nào trong năm 1929?

A. Đông Dương cộng sản Đảng, An Nam cộng sản Đảng.

B. Đông Dương cộng sản Đảng, Đông Dương cộng sản liên đoàn.

C. Đông Dương cộng sản liên đoàn, An Nam cộng sản Đảng.

D. An Nam cộng sản đảng, Việt Nam Quốc dân Đảng.

Câu 76. Văn kiện được coi là Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng cộng sản Việt Nam là

A. Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt.

B. Luận cương chính trị.

C. Chính cương, Sách lược.

D. Tuyên ngôn Điều lệ của Đảng.

Câu 77. Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Hội VNCMTN là

A. Tổng bộ (Quản Châu - TQ).

B. Tổng Bí Thư.

C. Tổng Thư Kí.

D. Ban chấp hành Trung ương.

Câu 78. Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng xác định lực lượng cách mạng là gì?

A. Công nhân , nông dân.

B. Nông dân, tư sản.

C. Công – nông, trí thức tiểu tư sản.

D. Xây dựng liên minh công – nông từ đó tập hợp các giai cấp và các tầng lớp khác.

Câu 79. Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng do ai soạn thảo?

- A. Trần Phú. B. Lê Hồng Phong.
- C. Nguyễn Ái Quốc. D. Nguyễn Văn Cừ.

Câu 80. Tác phẩm lí luận cách mạng đầu tiên của Nguyễn Ái Quốc viết vạch ra đường lối cho cách mạng giải phóng dân tộc Việt Nam là tác phẩm

- A. Bản án chế độ thực dân Pháp. B. Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt.
- C. Đường Kách Mệnh. D. Luận cương chính trị.

Câu 81. Người thành lập Hội liên hiệp các dân tộc bị áp bức Á – Đông là

- A. Nguyễn Ái Quốc. B. Tôn Đức Thắng.
- C. Mao Trạch Đông. D. Tôn Trung Sơn.

Câu 82. Hội Việt Nam cách mạng thanh niên là

- A. chính đảng vô sản đầu tiên ở Việt Nam.
- B. tổ chức cách mạng của Việt kiều tại Trung Quốc.
- C. một chi bộ của Quốc tế cộng sản.
- D. tổ chức chính trị quá độ để tiến tới thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

Câu 83. Hoạt động chủ yếu của Hội Việt Nam cách mạng thanh niên là

- A. huấn luyện đào tạo cán bộ.
- B. viết sách, báo tuyên truyền giác ngộ cách mạng.
- C. xây dựng tổ chức cơ sở ở trong và ngoài nước.
- D. các Hội viên nghe Nguyễn Ái Quốc giảng lí luận về cách mạng giải phóng dân tộc.

Câu 84. Mục tiêu/Phong trào “Vô sản hóa” năm 1928 có tác dụng

- A. tăng cường số lượng công nhân làm việc trong các nhà máy, hầm mỏ, đồn điền.
- B. chuẩn bị trực tiếp về tổ chức cho sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam.
- C. thúc đẩy các cuộc đấu tranh của nông dân, tiểu thương, tiểu chủ, học sinh, sinh viên.

D. truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin/nâng cao ý thức chính trị của giai cấp công nhân, thúc đẩy phong trào công nhân phát triển mạnh.

Câu 85. Địa bàn hoạt động chủ yếu của Việt Nam Quốc Dân Đảng là

A. Bắc kì. B. Trung kì. C. Nam kì. D. Bắc kì, Nam kì.

Câu 86. Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến chấm dứt vai trò lãnh đạo của Việt Nam Quốc Dân Đảng đối với cách mạng Việt Nam là

A. đường lối chưa rõ ràng, tổ chức lỏng lẻo, cơ sở trong quần chúng ít.

B. chưa có người lãnh đạo ưu tú, đường lối chưa đúng đắn.

C. thực dân Pháp còn quá mạnh.

D. bùng nổ trong hoàn cảnh bị động, suy yếu.

Câu 87. Nguyên nhân dẫn đến sự xuất hiện của ba tổ chức cộng sản ở Việt Nam năm 1929 là

A. sự phát triển mạnh mẽ của phong trào yêu nước.

B. sự nhận thức về yêu cầu cấp bách thành lập Đảng Cộng Sản .

C. quyết định của Nguyễn Ái Quốc.

D. xuất phát từ nhu cầu của giai cấp công nhân.

Câu 88. Sự ra đời của ba tổ chức cộng sản năm 1929 là

A. xu thế khách quan của phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc dưới tác động của Hội VNCOMTN.

B. kết quả nhất trí cao của các đại biểu Hội VNCOMTN tại Đại hội lần thứ nhất (5/1929).

C. bước chuẩn bị đầu tiên của Nguyễn Ái quốc cho sự thành lập một chính đảng vô sản ở Việt Nam.

D. thắng lợi của khuynh hướng vô sản trong cuộc đấu tranh quyết liệt giữa các tổ chức chính trị đại diện cho các khuynh hướng cách mạng khác nhau.

Câu 89. Tham gia Hội nghị thành lập Đảng Cộng Sản Việt Nam gồm đại biểu của các tổ chức cộng sản

A. Đông Dương cộng sản Đảng và An Nam cộng sản Đảng.

B. Đông Dương cộng sản Đảng và Đông Dương cộng sản liên đoàn.

C. An Nam cộng sản Đảng và Đông Dương cộng sản liên đoàn.

D. Đông Dương cộng sản Đảng và An Nam cộng sản Đảng, Đông Dương cộng sản liên đoàn.

Câu 90. Ý nghĩa quan trọng nhất của việc thành lập Đảng Cộng Sản Việt Nam là

A. khắc phục được tình trạng khủng hoảng về tổ chức, về đường lối, về giai cấp lãnh đạo.

B. là kết quả của cuộc đấu tranh giai cấp, đấu tranh dân tộc và sự sàng lọc của lịch sử.

C. đánh dấu bước ngoặt của cách mạng Việt Nam

D. là sự chuẩn bị tất yếu cho bước phát triển nhảy vọt, thắng lợi của cách mạng nước ta.

Câu 91. Điểm giống nhau giữa Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng do Nguyễn Ái Quốc khởi thảo và Luận cương chính trị do Trần Phú soạn thảo là

A. cách mạng Việt Nam trải qua hai giai đoạn cách mạng tư sản dân quyền và cách mạng XHCN.

B. nhân tố quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam là Đảng cộng sản Đông Dương lãnh đạo.

C. nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam là đánh đổ đế quốc trước, đánh phong kiến sau.

D. xác định lực lượng cách mạng là liên minh công – nông.

Câu 92. Phong trào “Vô sản hóa” có nhiệm vụ

A. làm cho phong trào yêu nước phát triển theo hướng tư bản chủ nghĩa.

B. tuyên truyền vận động cách mạng, nâng cao ý thức chính trị cho giai cấp công nhân

C. tăng số lượng hội viên lên nhanh.

D. kết hợp chủ nghĩa Mác Lê Nin với phong trào công nhân.

Câu 93. Từ phong trào đấu tranh của công nhân trong thời kì 1925 – 1930 đã rút ra đặc điểm nổi bật nhất

- A. bắt đầu có sự liên kết thành phong trào chung
- B. có sự liên kết với công nhân thế giới
- C. bó hẹp trong phạm vi địa phương.
- D. lan rộng trong cả nước.

Câu 94. Từ sự thất bại của khởi nghĩa Yên Bái hãy rút ra nguyên nhân quyết định nhất là

- A. Pháp mạnh đủ sức đàn áp khởi nghĩa.
- B. khởi nghĩa non yếu không vững về tổ chức và lãnh đạo, ít cơ sở quần chúng.
- C. không đáp ứng được yêu cầu khách quan của sự nghiệp giải phóng dân tộc.
- D. không đủ sức vượt qua sự đàn áp khủng bố của kẻ thù để tồn tại.

Câu 95. Nhận xét điểm hạn chế của sự xuất hiện ba tổ chức cộng sản năm 1929 là

- A. làm cho phong trào cách mạng phát triển cầm chừng và bị chia rẽ.
- B. làm cho phong trào cách mạng phát triển chậm lại.
- C. ngăn cản sự phát triển của cách mạng Việt Nam.
- D. nội bộ những người cộng sản Việt Nam chia rẽ, mất đoàn kết, ngăn cản sự phát triển của cách mạng nước ta.

Câu 96. Tên gọi khác của cách mạng tư sản dân quyền là

- A. cách mạng tư sản.
- B. cách mạng dân chủ tư sản.
- C. cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân.
- D. Cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Câu 97. Sự kết hợp của những nhân tố nào đã thúc đẩy Đảng cộng sản Việt Nam ra đời?

- A. Chủ nghĩa Mác - Lê Nin với phong trào công nhân.
- B. Chủ nghĩa Mác – Lê Nin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước.

C. Chủ nghĩa Mác – Lê Nin với phong trào công nhân và phong trào tư sản yêu nước

D. Chủ nghĩa Mác Lê Nin với phong trào công nhân, phong trào tư sản và phong trào nông dân.

Câu 98. Trong các tổ chức yêu nước và cách mạng được thành lập tại Trung Quốc dưới đây, tổ chức nào không phải do Nguyễn Ái Quốc sáng lập?

A. Cộng sản đoàn.

B. Tâm tâm xã.

C. Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên.

D. Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức ở Á Đông.

Câu 99. Người đứng đầu Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên là

A. Lê Hồng Sơn.

B. Hồ Tùng Mậu.

C. Nguyễn Ái Quốc.

D. Phạm Hồng Thái.

Câu 100. Mục tiêu cốt yếu nhất của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên là

A. tuyên truyền chủ nghĩa Mác - Lênin về trong nước.

B. Lãnh đạo quần chúng đoàn kết đấu tranh, đánh đổ đế quốc chủ nghĩa và tay sai để tự cứu lấy mình.

C. trang bị lí luận giải phóng dân tộc cho thanh niên yêu nước Việt Nam.

D. giác ngộ giai cấp công nhân theo con đường cách mạng vô sản.

Câu 101. Hoạt động chủ yếu của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên là

A. xuất bản báo *Thanh niên* làm cơ quan ngôn luận của Hội.

B. huấn luyện chính trị, đào tạo cán bộ cách mạng để đưa họ về nước hoạt động.

C. cử cán bộ đi học ở Liên Xô và Trung Quốc

D. thực hiện chủ trương vô sản hóa.

Câu 102. Hoạt động quan trọng nhất của Nguyễn Ái Quốc trong Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên là

A. Mở nhiều lớp huấn luyện chính trị để trang bị lí luận cách mạng cho hội viên.

- B. xuất bản báo *Thanh niên* làm cơ quan ngôn luận của Hội.
- C. cử cán bộ đi học ở trường Đại học Phương Đông (Liên Xô).
- D. đưa hội viên về Việt Nam gây dựng tổ chức cachs mạng.

Câu 103. Từ năm 1928, Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên bắt đầu thực hiện chủ trương

- A. đưa hội viên về nước hoạt động.
- B. thi đua yêu nước.
- C. vô sản hóa.
- D. tuyên truyền lí luận chủ nghĩa Mác - Lênin.

Câu 104. Hoạt động nào dưới đây không nằm trong chủ trương "vô sản hóa" của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên?

- A. Đưa hội viên vào các nhà máy, hầm mỏ, đồn điền cùng sinh hoạt, lao động với công nhân để tự rèn luyện.
- B. Truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin, giác ngộ cách mạng cho giai cấp công nhân.
- C. Vận động thành lập một chính đảng cộng sản để lãnh đạo công nhân đấu tranh chống đế quốc, phong kiến.
- D. Tổ chức và lãnh đạo phong trào bãi công của công nhân.

Câu 105. Tổ chức chính trị do Nguyễn Ái Quốc thành lập tháng 7/1925 với mục đích đoàn kết các dân tộc bị áp bức làm cách mạng, đánh đổ đế quốc là

- A. Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên.
- B. Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức ở Á Đông.
- C. Mặt trận Việt Minh.
- D. Hội Liên hiệp các dân tộc thuộc địa.

Câu 106. Tác phẩm tập hợp những bài giảng của Nguyễn Ái Quốc tại các lớp huấn luyện chính trị ở Quảng Châu (Trung Quốc) trong những năm 1925 - 1927 là

- A. "Con rồng tre".
- B. "Bản án chế độ thực dân Pháp".
- C. "Đường Kách mệnh".
- D. "Nhật kí trong tù".

Câu 107. Lí luận nào sau đây đã được cán bộ của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên truyền bá vào Việt Nam?

- A. Lí luận Mác - Lênin.
- B. Lí luận đấu tranh giai cấp.

C. Lí luận cách mạng vô sản.

D. Lí luận giải phóng dân tộc.

Câu 108. Chủ trương "vô sản hóa" của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên đã góp phần

A. lôi kéo tay sai người Việt trong quân đội Pháp đi theo cách mạng.

B. thúc đẩy phong trào công nhân Việt Nam chuyển từ tự phát sang tự giác.

C. thúc đẩy sự ra đời của tổ chức Việt Nam Quốc dân Đảng.

D. thúc đẩy sự phân hóa của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên.

Câu 109. Tài liệu của cán bộ Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên tuyên truyền lí luận cách mạng vô sản cho giai cấp công nhân là

A. tác phẩm "Bản án chế độ thực dân Pháp".

B. Cờn lĩnh chính trị do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo.

C. sách "Đường Kách mệnh" và báo Thanh niên.

D. báo Người cùng khổ, báo Nhân đạo, tạp chí Thư tín Quốc tế.

Câu 110. Chủ trương "vô sản hóa" của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên cuối năm 1928 là

A. đưa cán bộ của Hội vào nhà máy, hầm mỏ, đồn điền để tuyên truyền vận động cách mạng, nâng cao ý thức chính trị cho giai cấp công nhân.

B. đưa cán bộ của Hội về nước tuyên truyền, vận động cách mạng trong nông dân.

C. giữ thanh niên ưu tú sang học ở các trường Đại học Phương Đông (LX) và trường Quân sự Hoàng Phố (TQ).

D. đưa cán bộ của Hội về nước để thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

Câu 111. Trong quá trình hoạt động, Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên phân hóa tích cực thành hai tổ chức cộng sản là

A. Đông Dương Cộng sản liên đoàn - An Nam Cộng sản Đảng.

B. Đông Dương Cộng sản Đảng - Đông Dương Cộng sản liên đoàn.

C. Đông Dương Cộng sản Đảng - An Nam Cộng sản Đảng.

D. Đông Dương Cộng sản liên đoàn - Việt Nam Quốc dân Đảng.

Câu 112. Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên được coi là tổ chức tiền thân của Đảng Cộng sản Việt Nam vì đã

- A. chuẩn bị về chính trị, tư tưởng, tổ chức cho sự thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.
- B. đoàn kết giai cấp công nhân và nông dân trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc.
- C. góp phần truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam.
- D. thúc đẩy sự phát triển của phong trào công nhân Việt Nam từ tự phát sang tự giác.

Câu 113. Tờ báo của tiểu tư sản trí thức ở Việt Nam giai đoạn 1919 - 1925 là

- A. Người nhà quê.
- B. Tin tức.
- C. Tiền phong.
- D. Dân chúng.

Câu 114. Nguyên nhân quyết định dẫn đến khuynh hướng cách mạng vô sản chiếm ưu thế trong nội bộ Tân Việt Cách mạng Đảng là

- A. Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên phát triển mạnh, nắm vai trò lãnh đạo phong trào công nhân.
- B. lí luận của chủ nghĩa Mác - Lênin có ảnh hưởng sâu rộng trong quần chúng.
- C. sự chuyển biến về nhận thức của các đảng viên tiên tiến trong tổ chức yêu nước Tân Việt.
- D. các đảng viên tiên tiến của Tân Việt Cách mạng Đảng tích cực chuẩn bị thành lập một chính đảng theo chủ nghĩa Mác - Lênin.

Câu 115. Yếu tố chủ yếu tác động đến sự phân hóa của Tân Việt Cách mạng Đảng là

- A. ảnh hưởng mạnh mẽ của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên.
- B. các tổ chức cộng sản nối tiếp nhau ra đời trong năm 1929.
- C. mâu thuẫn gay gắt trong nội bộ Tân Việt Cách mạng Đảng.
- D. Việt Nam Quốc dân Đảng phát động cuộc khởi nghĩa Yên Bái.

Câu 116. Việt Nam Quốc dân Đảng ra đời trên cơ sở hạt nhân đầu tiên là tổ chức nào?

- A. Quan hải tùng thư.
- B. Nam đồng thư xã.
- C. Cường học thư xã.
- D. Tâm tâm xã.

Câu 117. Mục tiêu của Việt Nam Quốc dân Đảng là

- A. đánh đuổi giặc Pháp, đánh đổ ngôi vua, tiến lên CNXH.
- B. đánh đuổi giặc Pháp giành độc lập dân tộc.
- C. đánh đuổi giặc Pháp, đánh đổ ngôi vua, thiết lập dân quyền.
- D. lật đổ ngôi vua, tiến lên CNTB.

Câu 118. Ngày 09/02/1930 diễn ra sự kiện nào dưới đây?

- A. Khởi nghĩa Nam Kỳ.
- B. Khởi nghĩa Yên Bái.
- C. Cuộc binh biến Đô Lương.
- D. Xô viết Nghệ - Tĩnh.

Câu 119. Việt Nam Quốc dân Đảng chịu ảnh hưởng sâu sắc bởi

- A. chủ nghĩa Mác - Lênin.
- B. chủ nghĩa Tam dân của Tôn Trung Sơn.
- C. tư tưởng tư sản của Đảng Quốc đại ở Ấn Độ.
- D. tư tưởng duy tân, cải cách Minh Trị ở Nhật Bản.

Câu 120. Nguyên nhân khách quan dẫn tới bùng nổ cuộc khởi nghĩa Yên Bái của Việt Nam Quốc dân Đảng là

- A. trùm mộ phu Badanh bị ám sát.
- B. hàng nghìn cán bộ của Đảng bị bắt bớ, tra tấn dã man.
- C. nhiều cơ sở cách mạng của Việt Nam Quốc dân Đảng bị phá vỡ.
- D. thực dân Pháp tăng cường khủng bố, đàn áp Việt Nam Quốc dân Đảng.

Câu 121. Biểu hiện nào thể hiện sự thắng thế hoàn toàn của khuynh hướng cách mạng vô sản trước khuynh hướng cách mạng dân chủ tư sản trong những năm đầu thế kỉ XX ở Việt Nam là sự ra đời của

- A. An Nam Cộng sản Đảng.
- B. Chi bộ Cộng sản đầu tiên.

C. Đông Dương Cộng sản Đảng.

D. Đảng Cộng sản Việt Nam.

Câu 122. Khuynh hướng cách mạng dân chủ tư sản thất bại ở Việt Nam vì

A. giai cấp tư sản Việt Nam non yếu, không đủ khả năng lãnh đạo.

B. chủ trương đấu tranh bạo lực và ám sát cá nhân.

C. không lôi cuốn được đông đảo các tầng lớp nhân dân tham gia.

D. không đáp ứng được yêu cầu thực tiễn của cách mạng Việt Nam.

Câu 123. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là sự chuẩn bị đầu tiên có tính quyết định cho những bước phát triển nhảy vọt về sau của cách mạng Việt Nam vì

A. với đường lối đúng đắn của Đảng đã đưa cách mạng Việt Nam đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác.

B. đã chấm dứt thời kì khủng hoảng về đường lối và giai cấp lãnh đạo.

C. đáp ứng căn bản nguyện vọng độc lập của dân tộc Việt Nam.

D. lãnh đạo nhân dân Việt Nam giành thắng lợi trong Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945.

Câu 124. Tổ chức gia nhập Đảng Cộng sản Việt Nam vào ngày 24/02/1930 là

A. Đông Dương Cộng sản Đảng.

B. An Nam Cộng sản Đảng.

C. Đông Dương Cộng sản Liên đoàn.

D. Việt Nam Quốc dân Đảng.

Câu 125. Hạn chế lớn nhất trong quá trình hoạt động của ba tổ chức cộng sản ở Việt Nam cuối năm 1929 là

A. chủ trọng tuyên truyền chủ nghĩa Mác - Lênin.

B. chủ trương đấu tranh bạo lực và ám sát cá nhân.

C. liên minh Đông Dương Cộng sản Đảng và An Nam Cộng sản Đảng tách Đông Dương Cộng sản Liên đoàn hoạt động riêng rẽ.

D. hoạt động riêng rẽ, tranh giành ảnh hưởng lẫn nhau, làm cho phong trào cách mạng trong nước có nguy cơ chia rẽ lớn.

Câu 126. Từ ngày 06/01 đến ngày 08/02/1930, tại Cửu Long (Trung Quốc) đã diễn ra sự kiện gì?

- A. Thành lập Đông Dương Cộng sản Đảng.
- B. Thành lập An Nam Cộng sản Đảng.
- C. Thành lập Đông Dương Cộng sản Liên đoàn.
- D. Thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

Câu 127. Người chủ trì họp nhất ba tổ chức cộng sản là

- A. Trần Phú. B. Lê Hồng Phong.
- C. Nguyễn Ái Quốc. D. Hà Huy Tập.

Câu 128. Tư tưởng cốt lõi trong "Cương lĩnh chính trị" đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt nam là

- A. tự do và dân chủ. B. độc lập và tự do.
- C. ruộng đất cho dân cày. D. tự do và bình đẳng.

Câu 129. Điểm khác biệt căn bản giữa "Cương lĩnh chính trị" của Nguyễn Ái Quốc và "Luận cương chính trị" của đồng chí Trần Phú là

- A. đánh giá đúng khả năng cách mạng của giai cấp công nhân.
- B. xác định lực lượng nòng cốt của cách mạng Việt Nam là liên minh công - nông.
- C. giải quyết đúng đắn nhiệm vụ độc lập dân tộc và CNXH.
- D. giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa nhiệm vụ giải phóng dân tộc và giải phóng giai cấp.

Câu 130. Tháng 3/1929, một số hội viên tiên tiến của Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên ở Bắc Kỳ đã thành lập tổ chức nào?

- A. Chi bộ Cộng sản đầu tiên ở Việt Nam.
- B. Đông Dương Cộng sản Đảng.
- C. An Nam Cộng sản Đảng.
- D. Đông Dương Cộng sản Liên đoàn.

Câu 131. Khởi nghĩa Yên Bái thất bại do nguyên nhân chủ quan nào?

- A. Giai cấp tư sản thỏa hiệp với thực dân Pháp.

- B. Khởi nghĩa nổ ra hoàn toàn bị động.
- C. thực dân Pháp còn mạnh.
- D. Tổ chức Việt Nam Quốc dân Đảng còn non yếu.

Câu 132. Câu nói nổi tiếng "Không thành công cũng thành nhân!" là của

- A. Nguyễn Thái Học.
- B. Phạm Tuấn Tài.
- C. Phí Đức Chính.
- D. Nguyễn Khắc Nhu.

Câu 133. Điểm khác nhau căn bản trong hoạt động của Hội VNCMTN với Việt Nam QĐĐ là

- A. chú trọng tuyên truyền chủ nghĩa Mác - Lênin.
- B. tập trung phát triển lực lượng cách mạng.
- C. tăng cường tổ chức quần chúng đấu tranh vũ trang.
- D. chú trọng xây dựng tổ chức lãnh đạo quần chúng đấu tranh cách mạng.

Câu 134. Cơ quan ngôn luận của Đông Dương Cộng sản Đảng là tờ báo

- A. Chuông rè.
- B. Thanh niên.
- C. Đỏ.
- D. Búa liềm.

Câu 135. Những năm đầu thế kỉ XX, ở Việt Nam xuất hiện hai khuynh hướng cách mạng

- A. phong kiến và vô sản.
- B. phong kiến và dân chủ tư sản.
- C. vô sản và tư sản.
- D. vô sản và dân chủ tư sản.

Câu 136. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời (1930) là bước ngoặt vĩ đại của cách mạng Việt Nam vì đã chấm dứt

- A. thời kì khủng hoảng về đường lối và giai cấp lãnh đạo.
- B. vai trò lãnh đạo của giai cấp phong kiến Việt Nam.
- C. vai trò lãnh đạo của giai cấp tư sản Việt Nam.
- D. hoạt động của Hội VNCMTN.

Câu 137. Chi bộ Cộng sản đầu tiên của Việt Nam (3/1929) được thành lập tại

- A. số nhà 312 - Phố Khâm Thiên - Hà Nội.

B. số nhà 48 - Phố Hàng Ngang - Hà Nội.

C. số nhà 5D - Phố Hàm Long - Hà Nội.

D. số nhà 5B - Phố Hàm Long - Hà Nội.

Câu 138. Hội nghị hợp nhất ba tổ chức cộng sản (đầu năm 1930) quyết định lấy tên Đảng là

A. Đông Dương Cộng sản Đảng.

B. Tân Việt cách mạng Đảng.

C. Việt Nam Quốc dân Đảng.

D. Đảng Cộng sản Việt Nam.

Câu 139. Đặc điểm nào mang tính khách quan, quyết định sứ mệnh lãnh đạo cách mạng Việt Nam của giai cấp công nhân?

A. Có quan hệ gắn bó với giai cấp nông dân.

B. Sống tập trung ở nhà máy, xí nghiệp, đồn điền.

C. Có ý thức tổ chức, kỉ luật cao.

D. Đại diện cho phương thức sản xuất tiên tiến.

Câu 140. "Chính cương vắn tắt", "Sách lược vắn tắt" do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo được coi là "Cương lĩnh chính trị" đầu tiên của Đảng vì

A. xác định mối quan hệ giữa cách mạng Việt Nam và cách mạng thế giới.

B. đáp ứng được nguyện vọng của dân tộc Việt Nam.

C. giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa giai cấp công nhân và nông dân.

D. đề ra đường lối kết hợp đúng đắn vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp.

Câu 141. Đại hội lần thứ nhất của Hội VNCMTN diễn ra vào thời gian nào? ở đâu?

A. Tháng 02/1930, Cửu Long (Hương Cảng - TQ).

B. Tháng 03/1929, Quảng Châu (Hương Cảng - TQ).

C. Tháng 05/1929, Hương Cảng (Hương Cảng - TQ).

D. Tháng 03/1929, Quảng Châu (Hương Cảng - TQ).

Câu 142. Sự ra đời của ba tổ chức cộng sản ở Việt Nam cuối 1929 khẳng định bước phát triển mới của cách mạng VN vì

- A. chứng tỏ hệ tư tưởng vô sản giành được ưu thế trong phong trào dân tộc.
- B. từ đây liên minh công nông được hình thành và phát triển mạnh mẽ.
- C. thúc đẩy phong trào đấu tranh của học sinh, sinh viên, tiểu thương phát triển.
- D. Hội VNCMTN đủ sức lãnh đạo phong trào cách mạng.

Câu 143. Cuộc khởi nghĩa Yên Bái (02/1930) do tổ chức nào lãnh đạo?

- A. Đảng Thanh niên.
- B. Đảng Lập hiến.
- C. Việt Nam Quốc dân Đảng.
- D. Việt Nam nghĩa đoàn.

Câu 144. Sự thất bại của khởi nghĩa Yên Bái (02/1930) chứng tỏ điều gì?

- A. Cuộc khởi nghĩa nổ ra chưa đúng thời cơ.
- B. Giai cấp tư sản Việt Nam chưa thống nhất trong chủ trương khởi nghĩa.
- C. Sự thất bại hoàn toàn của khuynh hướng cách mạng dân chủ tư sản.
- D. Mục tiêu của cuộc khởi nghĩa không phù hợp với nguyện vọng của nhân dân.

Câu 145. Đặc điểm nổi bật của phong trào dân tộc, dân chủ ở Việt Nam đầu thế kỉ XX là

- A. sự phát triển mạnh mẽ của khuynh hướng cách mạng dân chủ tư sản.
- B. sự phát triển mạnh mẽ của phong trào công nhân từ tự phát sang tự giác.
- C. Sự chuyển biến về tư tưởng của giai cấp tiểu tư sản trước tác động của chủ nghĩa Mác - Lênin.
- D. cuộc đấu tranh giành quyền lãnh đạo giữa khuynh hướng cách mạng vô sản với khuynh hướng cách mạng dân chủ tư sản.

Câu 146. Việt Nam Quốc dân đảng là một chính đảng chính trị đại diện cho giai cấp nào?

- A. Công nhân.
- B. Tư sản dân tộc.
- C. Tiểu tư sản.
- D. Tiểu tư sản, tư sản, địa chủ.

CHỦ ĐỀ 2: ĐẢNG LÃNH ĐẠO CUỘC VẬN ĐỘNG GIẢI PHÓNG DÂN TỘC Ở VIỆT NAM TỪ NĂM 1930 ĐẾN NĂM 1945

Câu 1. Mâu thuẫn cơ bản trong xã hội Việt Nam trong những năm 1929 - 1933 là

- A. mâu thuẫn giữa nông dân với địa chủ.
- B. mâu thuẫn giữa nông dân với thực dân Pháp
- C. mâu thuẫn giữa dân tộc Việt Nam với thực dân Pháp.
- D. mâu thuẫn giữa nông dân với địa chủ và thực dân Pháp.

Câu 2. Từ tháng 5 đến tháng 8 - 1930, trung tâm của phong trào cách mạng 1930-1931 chủ yếu diễn ra ở đâu?

- A. Miền Trung
- B. Miền Bắc
- C. Miền Nam
- D. Trong cả nước

Câu 3. Đỉnh cao của phong trào cách mạng 1930- 1931 là

- A. ngày 22/2/1930, cờ đỏ búa liềm được treo ở một số đường phố tại Hà Nội.
- B. cuộc đấu tranh của nhân dân Nghệ Tĩnh trong tháng 9 và tháng 10/ 1930 dẫn đến sự ra đời của các Xô viết.
- C. cuộc đấu tranh của công nhân Vinh- Bến Thủy hưởng ứng ngày quốc tế chống chiến tranh 1/8/1930.
- D. cuộc đấu tranh nhân ngày Quốc tế Lao động 1/5/1930 diễn ra trên phạm vi cả nước, thể hiện rõ tinh thần quốc tế vô sản.

Câu 4: Cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới(1929-1933) đã ảnh hưởng lớn nhất đến nền kinh tế Việt Nam trên lĩnh vực nào?

- A. Nông nghiệp. B. Công nghiệp. C. Thương nghiệp. D. Thủ công nghiệp.

Câu 5: Giai cấp chịu tác động mạnh nhất của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới (1929-1933) ở Việt Nam là

- A. giai cấp tư sản. B. giai cấp nông dân.
- C. giai cấp công nhân. D. giai cấp tiểu tư sản.

Câu 6: Sự kiện của Đảng diễn ra vào tháng 10/1930 là

- A. đại hội đại biểu lần thứ nhất Đảng cộng sản Đông Dương.
- B. Đông Dương cộng sản liên đoàn gia nhập Đảng cộng sản Việt Nam.
- C. Ban lãnh đạo hải ngoại do Lê Hồng Phong đứng đầu được thành lập.

D. hội nghị lần thứ nhất Ban chấp hành Trung ương lâm thời Đảng cộng sản Việt Nam.

Câu 7: Để giải quyết hậu quả của cuộc khủng hoảng kinh tế 1929-1933, thực dân Pháp đã làm gì?

- A. Tăng cường bóc lột công nhân Pháp.
- B. Tăng cường bóc lột các nước thuộc địa.
- C. Tăng cường bóc lột nhân dân Đông Dương.
- D. Vừa bóc lột nhân dân lao động chính quốc vừa bóc lột các thuộc địa.

Câu 8: Bài học nào sau đây không phải là bài học kinh nghiệm của phong trào cách mạng 1930-1931?

- A. Bài học về công tác tư tưởng.
- B. Bài học về tổ chức, lãnh đạo quần chúng đấu tranh.
- C. Bài học về lãnh đạo quần chúng đấu tranh công khai, hợp pháp.
- D. Bài học về xây dựng khối liên minh công nông và mặt trận dân tộc thống nhất.

Câu 9: Đặc điểm nổi bật về động lực đấu tranh trong phong trào cách mạng 1930-1931 là sự đấu tranh liên tục, song song và quyết liệt của hai giai cấp

- A. nông dân với tư sản.
- B. công nhân với tư sản.
- C. công nhân với nông dân.
- D. công nhân với tiểu tư sản.

Câu 10: Vì sao chính quyền được thành lập ở Nghệ An và Hà Tĩnh gọi là chính quyền Xô viết ?

- A. Vì chính quyền đầu tiên được thành lập ở huyện Xô viết.
- B. Vì hình thức mới của chính quyền theo kiểu Xô viết (nước Nga).
- C. Vì hình thức chính quyền cách mạng do giai cấp công nhân lãnh đạo.
- D. Vì hình thức nhà nước của những nước theo con đường XHCN.

Câu 11: Vai trò của phong trào cách mạng 1930-1931 được đánh giá như thế nào đối với sự thành công của cách mạng tháng Tám?

- A. Như một cuộc tổng tập dượt cho cách mạng tháng Tám.

B. Như một cuộc vận động trực tiếp cho cách mạng tháng Tám.

C. Như một cuộc tập dượt đầu tiên của Đảng và quần chúng cho Tổng khởi nghĩa tháng Tám.

D. Như một cuộc tập dượt lần hai của Đảng và quần chúng cho Tổng khởi nghĩa tháng Tám.

Câu 12: Mục tiêu đấu tranh của công nhân và nông dân trong những tháng đầu của phong trào cách mạng 1930-1931 là

A. đòi quyền lợi kinh tế.

B. đòi cải thiện đời sống.

C. đòi quyền lợi kinh tế kết hợp chính trị.

D. đòi tăng lương, giảm giờ làm, giảm sưu, giảm thuế.

Câu 13: Tác động nào trở thành nguyên nhân chính dẫn đến phong trào cách mạng 1930-1931?

A. Đảng cộng sản Việt Nam ra đời.

B. Đời sống người dân khó khăn.

C. Pháp tăng cường đàn áp cách mạng.

D. Khủng hoảng kinh tế thế giới 1929-1933.

Câu 14: Hai khẩu hiệu mà Đảng ta vận dụng trong phong trào cách mạng 1930-1931 là khẩu hiệu nào?

A. Chống đế quốc và chống phát xít.
hòa bình.

B. Tự do dân chủ và cơm áo,

C. Độc lập dân tộc và ruộng đất dân cày/Đả đảo chủ nghĩa đế quốc và Đả đảo phong kiến.

D. Tịch thu ruộng đất của đế quốc và địa chủ phong kiến.

Câu 15: Điều gì đã chứng tỏ: Từ tháng 9/1930 trở đi phong trào cách mạng 1930-1931 dần dần đạt đến đỉnh cao?

A. Phong trào diễn ra khắp cả nước.

B. Đã thực hiện liên minh công nông vững chắc.

C. Vấn đề ruộng đất của nông dân được giải quyết triệt để.

D. Sử dụng hình thức khởi nghĩa vũ trang và thành lập chính quyền Xô viết Nghệ Tĩnh.

Câu 16: Xô viết Nghệ Tĩnh đã thực hiện chức năng của một chính quyền vô sản bởi vì

- A. lãnh đạo quần chúng đấu tranh chống Pháp, phong kiến.
- B. đưa quần chúng nhân dân lao động lên nắm chính quyền.
- C. tập hợp sức mạnh giai cấp cho một cuộc kháng chiến lâu dài.
- D. lãnh đạo nhân dân đứng lên tự quản lí đời sống về mọi mặt ở địa phương.

Câu 17: Điểm khác biệt về nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam trong Luận cương tháng 10/1930 so với Cương lĩnh tháng 2/1930 là

- A. đánh đuổi thực dân Pháp và tay sai.
- B. đánh đổ phong kiến và đánh đổ đế quốc.
- C. đánh đổ đế quốc và đánh đổ phong kiến.
- D. đánh đuổi thực dân Pháp và thực dân phản động ở Đông Dương.

Câu 18: Điểm giống nhau giữa Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng do đồng chí Nguyễn Ái Quốc khởi thảo và Luận cương chính trị do đồng chí Trần Phú soạn thảo là gì?

- A. Lực lượng cách mạng là công nhân, nông dân .
- B. Nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam là đánh đế quốc trước, đánh phong kiến sau.
- C. Đánh đổ địa chủ phong kiến, làm cách mạng thổ địa sau đó làm cách mạng dân tộc.
- D. Cách mạng Việt Nam phải trải qua hai giai đoạn : cách mạng tư sản dân quyền và cách mạng xã hội chủ nghĩa/ xác định đúng đắn nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam.

Câu 19: Tổ chức nào đứng ra quản lí mọi mặt đời sống chính trị xã hội ở nông thôn Nghệ Tĩnh?

- A. Ban chấp hành nông hội.
- B. Ban chấp hành công hội .
- C. Hội phụ nữ giải phóng.
- D. Đoàn thanh niên phản đế.

Câu 20: Luận cương tháng 10/1930 có những hạn chế về xác định nhiệm vụ chiến lược và động lực cách mạng so với Cương lĩnh đầu tiên của Đảng, bởi vì

- A. chưa xác định được đường lối cách mạng và vai trò cách mạng của giai cấp tư sản dân tộc.
- B. chưa nhận định được kẻ thù và sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân.
- C. bế tắc về đường lối đấu tranh và không có khả năng lôi kéo giai cấp tiểu tư sản.
- D. chưa đưa vấn đề dân tộc lên hàng đầu, chưa thấy được vai trò và khả năng cách mạng của các giai cấp, tầng lớp khác ngoài công - nông.

Câu 21. Trong các nguyên nhân sau đây, nguyên nhân nào là cơ bản nhất, quyết định sự bùng nổ phong trào cách mạng 1930 - 1931?

- A. Ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế 1929 -1933.
- B. Thực dân Pháp tiến hành "khủng bố trắng" sau khởi nghĩa Yên Bái.
- C. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, kịp thời lãnh đạo phong trào đấu tranh của quần chúng đứng lên chống đế quốc và phong kiến.
- D. Địa chủ phong kiến cấu kết với thực dân Pháp đàn áp, bóc lột thậm tệ đối với nông dân.

Câu 22. Phong trào cách mạng 1930 - 1931 phát triển nhất ở Nghệ An - Hà Tĩnh vì đó là nơi

- A. tập trung đông đảo giai cấp công nhân.
- B. thành lập chính quyền Xô viết sớm nhất.
- C. có truyền thống anh dũng chống giặc ngoại xâm.
- D. có đội ngũ cán bộ Đảng đông nhất trong cả nước.

Câu 23. Căn cứ nào khẳng định Xô viết Nghệ - Tĩnh là chính quyền cách mạng của quần chúng dưới sự lãnh đạo của Đảng?

- A. Thể hiện rõ bản chất cách mạng, là chính quyền của dân, do dân, vì dân.
- B. Vì lần đầu tiên chính quyền của đế quốc - phong kiến tan rã, chính quyền của giai cấp vô sản được thiết lập trong cả nước.

C. Lần đầu tiên, chính quyền Xô viết thực hiện những chính sách thể hiện tính tự do, dân chủ của một dân tộc được độc lập.

D. Chính quyền Xô viết thành lập là thành quả đấu tranh gian khổ của nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Câu 24. "Luận cương chính trị" của Đảng Cộng sản Đông Dương được thông qua tại Hội nghị nào?

A. Hội nghị BCH Trung ương tháng 5/1941.

B. Hội nghị BCH Trung ương tháng 11/1939.

C. Hội nghị thành lập ĐCS Việt Nam tháng 02/1930.

D. Hội nghị lần thứ nhất BCH Trung ương lâm thời, tháng 10/1930.

Câu 25. So với "Cương lĩnh chính trị" đầu tiên thì "Luận cương chính trị" có điểm hạn chế là

A. mang tính chất "hữu khuynh", giáo điều.

B. nặng về đấu tranh giai cấp, coi công - nông mới là động lực cách mạng.

C. chưa vạch ra đường lối cụ thể cho cách mạng Việt Nam.

D. chưa thấy được vị trí và vai trò của giai cấp công nhân đối với cách mạng Việt Nam.

Câu 26. Cuộc mít tinh lần đầu tiên được tổ chức công khai trong cuộc vận động dân chủ 1936 - 1939 diễn ra vào thời gian nào? ở đâu?

A. Ngày 1/8/1936, tại Quảng trường Ba Đình (Hà Nội).

B. Ngày 1/5/1938, tại Bến Thủy (Vinh).

C. Ngày 1/5/1939, tại nhà hát Lớn (Hà Nội).

D. Ngày 1/5/1938, tại nhà Đấu Xảo (Hà Nội).

Câu 27. Tính chất triệt để của phong trào cách mạng 1930 - 1931 được thể hiện như thế nào?

A. Thực hiện liên minh công - nông vững chắc.

B. Diễn ra liên tục từ Bắc vào Nam.

C. Đã giáng một đòn quyết liệt vào bọn thực dân, phong kiến.

D. Đã sử dụng hình thức vũ trang khởi nghĩa, giành được chính quyền ở một số địa phương và thành lập chính quyền Xô viết.

Câu 28. Sau những cuộc khủng hoảng kinh tế 1929 -1933, chủ nghĩa phát xít đã nắm được chính quyền ở đâu?

A. ở Đức, Pháp, Nhật.

B. ở Đức, Tây Ban Nha, Ý.

C. ở Đức, Italia, Nhật.

D. ở Đức, Áo- Hung.

Câu 29. Đại hội Quốc tế Cộng sản lần thứ VII họp vào thời gian nào? Ở đâu?

A. Tháng 6-1934 tại Ma Cao (Trung Quốc).

B. Tháng 7-1935 tại Mátxcova (Liên Xô).

C. Tháng 3-1935 tại Ma Cao (Trung Quốc).

D. Tháng 7-1935 tại Ianta (Liên Xô).

Câu 30. Đại hội lần thứ VII của Quốc tế Cộng sản đã xác định kẻ thù nguy hiểm trước mắt của nhân dân thế giới là bọn nào?

A. Chủ nghĩa đế quốc, thực dân.

B. Chủ nghĩa phân biệt chủng tộc.

C. Chủ nghĩa quân phiệt và chủ nghĩa đế quốc.

D. Không phải là chủ nghĩa đế quốc nói chung mà là chủ nghĩa phát xít

Câu 31. Tại Đại hội lần thứ VII của Quốc tế Cộng sản, đoàn đại biểu Đảng cộng sản Đông Dương do ai dẫn đầu đến dự đại hội?

A. Nguyễn Ái Quốc. B. Phạm Văn Đồng.

C. Nguyễn Văn Cừ.

D. Lê Hồng Phong.

Câu 32. Trong năm 1936, mặt trận nhân dân nước nào làm nòng cốt, thắng cử vào nghị viện và lên cầm quyền.

A. Nước Đức.

B. Nước Pháp.

C. Nước Anh.

D. Nước Tây Ban Nha.

Câu 33. Căn cứ vào tình hình thế giới, trong nước và tiếp thu đường lối của Quốc tế Cộng sản, Đảng Cộng sản Đông Dương nhận định kẻ thù trước mắt của nhân dân Đông Dương là bọn nào?

A. Thực dân Pháp. B. Bọn phong kiến.

C. Thực dân Pháp và Bọn phong kiến

D. Bọn phản động thuộc địa cùng bè lũ tay sai không chịu thi hành chính sách của Mặt trận nhân dân Pháp

Câu 34. Ngay từ năm 1936, Đảng ta đề ra chủ trương thành lập mặt trận với tên gọi là gì?

A. Mặt trận Thống nhất nhân dân phản đế Đông Dương.

B. Mặt trận nhân dân phản đế Đông Dương.

C. Mặt trận dân chủ Đông Dương.

D. Mặt trận Việt Minh.

Câu 35. Hình thức và phương pháp đấu tranh trong thời kì 1936 - 1939 diễn ra như thế nào?

A. Đấu tranh trên lĩnh vực nghị trường là chủ yếu.

B. Kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang.

C. Hợp pháp và nửa hợp pháp, công khai và nửa công khai.

D. Lợi dụng tình hình thế giới và trong nước đấu tranh công khai đối mặt với kẻ thù.

Câu 36. Qua các cuộc mít tinh biểu tình, đưa “dân nguyện”, lực lượng nào tham gia đông đảo và hăng hái nhất?

A. Công nhân và nông dân.

B. Học sinh và thợ thủ công.

C. Trí thức và dân nghèo thành thị.

D. Công nhân và học sinh.

Câu 37. Trong cuộc vận động dân chủ 1936 - 1939, có hai sự kiện tiêu biểu nhất, đó là hai sự kiện nào?

- A. Phong trào đón Gôđa và đấu tranh nghị trường.
- B. Phong trào báo chí và đòi tự do, dân sinh, dân chủ.
- C. Phong trào đấu tranh trên lĩnh vực báo chí và nghị trường.
- D. Phong trào Đông Dương Đại hội, phong trào đón Gôđa và Brêviê.

Câu 38. Đại hội Quốc tế cộng sản lần thứ VII (7-1935) đã có những chủ trương gì?

- A. Thành lập Đảng Cộng sản ở mỗi nước.
- B. Thành lập Mặt trận nhân dân rộng rãi ở các nước.
- C. Thành lập Mặt trận nhân dân ở các nước tư bản.
- D. Thành lập Mặt trận nhân dân ở các nước thuộc địa.

Câu 39. Nét nổi bật (ý nghĩa lịch sử quan trọng) nhất của cuộc vận động dân chủ 1936 - 1939 là gì?

- A. tập hợp được một lực lượng công - nông hùng mạnh.
- B. uy tín và ảnh hưởng của Đảng được mở rộng và ăn sâu trong quần chúng nhân dân.
- C. tư tưởng và chú trọng của Đảng được phổ biến, trình độ chính trị và công tác của đảng viên được nâng cao.
- D. Đảng đã tập hợp được một lực lượng chính trị của quần chúng đông đảo và sử dụng hình thức, phương pháp đấu tranh phong phú.

Câu 40. Đảng ta chuyển hướng chỉ đạo sách lược trong thời kì 1936-1939 dựa trên cơ sở nào?

- A. Tình hình thực tiễn của Việt Nam.
- B. Đường lối nghị quyết của Quốc tế Cộng sản.
- C. Tình hình thế giới và trong nước có sự thay đổi.
- D. Đảng Cộng sản Đông Dương phục hồi và hoạt động mạnh

Câu 41. Cuộc đấu tranh công khai, hợp pháp trong những năm 1936-1939 thực sự là một cuộc cách mạng vì nó được xem là

- A. một cuộc đấu tranh giai cấp.

- B. một cao trào cách mạng dân tộc dân chủ.
- C. một cuộc cách mạng giải phóng dân tộc.
- D. một cuộc tuyên truyền vận động chủ nghĩa Mác – Lênin

Câu 42. Điều nào *không* phải chính sách của chính phủ Mặt trận nhân dân Pháp năm 1936 đối với các thuộc địa?

- A. Cho phép lập Hội ái hữu.
- B. Cho phép xuất bản báo chí.
- C. Trả tự do cho một số tù chính trị.
- D. Giải quyết vấn đề ruộng đất cho nhân dân.

Câu 43. Kết quả lớn nhất của phong trào cách mạng dân chủ 1936 - 1939 là gì?

- A. Quân chúng được tập dượt đấu tranh dưới nhiều hình thức.
- B. Thành lập Mặt trận dân chủ nhân dân đoàn kết rộng rãi các tầng lớp xã hội.
- C. Chính quyền thực dân phải nhượng bộ, cải thiện một phần quyền dân sinh, dân chủ.
- D. Quân chúng được tổ chức và giác ngộ, Đảng được tôi luyện, tích lũy kinh nghiệm xây dựng mặt trận thống nhất.

Câu 44: Ý nghĩa quan trọng nhất của cao trào dân chủ 1936 - 1939 đối với cách mạng Việt Nam là gì?

- A. Là cuộc diễn tập thứ hai chuẩn bị cho cách mạng tháng Tám 1945.
- B. Tập hợp được đội quân chính trị đông đảo từ thành thị đến nông thôn.
- C. Uy tín và ảnh hưởng của Đảng được mở rộng và ăn sâu trong quần chúng.
- D. Tư tưởng Mác – Lênin, đường lối chính sách của Đảng được phổ biến sâu rộng.

Câu 45. Hình thức đấu tranh trong giai đoạn 1936-1939, Đảng ta sử dụng là gì?

- A. Đấu tranh vũ trang
- B. Đấu tranh chính trị
- C. Bạo lực cách mạng, bí mật.
- D. Đấu tranh hòa bình, hợp pháp, công khai, nửa công khai.

Câu 46. Đảng phát động phong trào “Đông Dương đại hội” nhằm

- A. chuẩn bị khởi nghĩa.
- B. thành lập lực lượng vũ trang.
- C. xây dựng lực lượng chính trị.
- D. thu thập nguyện vọng của dân, chuẩn bị triệu tập Đông Dương đại hội.

Câu 47. Thực chất của cuộc vận động dân chủ 1936 – 1939 là

- A. Phong trào đổi mới duy tân.
- B. Phong trào dân tộc dân chủ.
- C. Cuộc cách mạng dân chủ nhân dân.
- D. Cuộc cách mạng tư sản dân quyền.

Câu 48. Nội dung nào *không* phải ý nghĩa của cuộc vận động dân chủ 1936 – 1939?

- A. Mở đầu cho cuộc cách mạng tháng Tám.
- B. Tổ chức được 1 đội quân chính trị quần chúng đông hàng triệu người.
- C. Được xem là cuộc diễn tập thứ 3 chuẩn bị cho cách mạng tháng Tám thành công
- D. Đường lối Đảng và Chủ nghĩa Mác Lê Nin được truyền bá trong các tầng lớp nhân dân.

Câu 49: Nhiệm vụ chiến lược của cách mạng tư sản dân quyền Đông Dương được hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương (7/1936)/trong thời kì 1936 - 1939 xác định là

- A. chống phát xít và chống đế quốc
- B. chống phong kiến và chống đế quốc
- C. chống đế quốc và chống phong kiến
- D. chống phát xít, đòi tự do dân chủ, cơm áo, hòa bình

Câu 50: So với phong trào 1930 – 1931, phong trào dân chủ 1936 – 1939 được coi là

- A. cuộc diễn tập thứ hai, chuẩn bị cho Tổng khởi nghĩa tháng Tám sau này
- B. cuộc diễn tập thứ ba chuẩn bị cho Tổng khởi nghĩa tháng Tám sau này
- C. sự mở đầu cho phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc kể từ khi có sự lãnh đạo của Đảng

D. cuộc đấu tranh chính trị, vũ trang đầu tiên của nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương

Câu 51. So với phong trào 1930 – 1931, lực lượng tham gia đấu tranh trong cuộc vận động dân chủ 1936-1939 chủ yếu là

- A. Công nhân, nông dân. B. Tư sản, tiểu tư sản, nông dân.
C. Liên minh tư sản và địa chủ

D. Các lực lượng yêu nước, dân chủ tiến bộ, không phân biệt thành phần giai cấp.

Câu 52 : Cho các dữ liệu sau :1) Đại hội Quốc tế cộng sản lần VII ;2) Hội nghị BCH Trung ương Đảng CS Đông Dương ở Thượng Hải(Trung quốc) ; 3) Mặt trận Nhân dân Pháp lên cầm quyền .

Trình tự đúng của các sự kiện trên theo thời gian là

- A. 2,3,1. B. 1,2,3. C. 3,2,1 D. 1,3,2

Câu 53 : Hãy đánh giá ý nghĩa quan trọng nhất của cao trào dân chủ 1936-1939 đối với cách mạng Việt Nam là gì?

- A. Là cuộc diễn tập thứ hai chuẩn bị cho cách mạng tháng Tám 1945.
B. Tập hợp được đội quân chính trị đông đảo từ thành thị đến nông thôn.
C. Uy tín và ảnh hưởng của Đảng được mở rộng và ăn sâu trong quần chúng.
D. Tư tưởng Mác – Lênin, đường lối chính sách của Đảng được phổ biến sâu rộng.

Câu 54. Điểm giống nhau về bài học kinh nghiệm phong trào cách mạng 1930 – 1931 với phong trào 1936 - 1939 là:

- A. Về công tác tư tưởng.
B. Về Xây dựng khối liên minh công - nông.
C. Về xây dựng mặt trận dân tộc thống nhất.
D. Về công tác lãnh đạo quần chúng đấu tranh công khai, hợp pháp.

Câu 55. Điểm giống nhau về ý nghĩa phong trào cách mạng 1930 – 1931 với phong trào 1936 - 1939 là

- A. Là cuộc diễn tập chuẩn bị cho cách mạng tháng Tám 1945.

- B. Tập hợp được đội quân chính trị đông đảo từ thành thị đến nông thôn.
- C. Uy tín và ảnh hưởng của Đảng được mở rộng và ăn sâu trong quần chúng.
- D. Tư tưởng Mác – Lênin, đường lối chính sách của Đảng được phổ biến sâu rộng.

Câu 56. Phát biểu nào dưới đây *đúng nhất* về lí do phong trào dân chủ 1936 – 1939 được coi là cuộc diễn tập lần thứ 2 chuẩn bị cho cách mạng tháng Tám 1945 ?

- A. Phong trào đã xác định đúng kẻ thù của cách mạng
- B. Phong trào đã sử dụng phương pháp đấu tranh hiệu quả.
- C. Phong trào đã để lại bài học về xây dựng mặt trận dân tộc thống nhất.
- D. Phong trào đã kết nối cách mạng Đông dương với cách mạng thế giới.

Câu 57. So với phong trào 1930-1931 điểm khác biệt về phương pháp đấu tranh của thời kì 1936 – 1939 là kết hợp đấu tranh

- A. Công khai và nửa công khai. B. Chính trị và đấu tranh vũ trang.
- C. Ngoại giao và vận động quần chúng.
- D. Nghị trường và đấu tranh trên Mặt trận.

Câu 58. Cuộc vận động dân chủ 1936 - 1939 kết thúc khi

- A. Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ.
- B. Chính phủ phái hữu cầm quyền ở Pháp, bọn phản động thuộc địa phản công phong trào cách mạng.
- C. Liên Xô - thành trì của phong trào cách mạng suy yếu do bị chủ nghĩa đế quốc tấn công.
- D. Đảng Cộng sản Đông Dương phải rút vào hoạt động bí mật.

Câu 59. Đảng ta xác định kẻ thù trong giai đoạn cách mạng 1939-1945 là

- A. bọn phát xít Nhật. B. bọn đế quốc và phát xít.
- C. bọn thực dân và phong kiến.
- D. bọn phản động thuộc địa và tay sai của chúng.

Câu 60. Hội nghị lần 6 (11 - 1939) của Ban chấp hành Trung ương Đảng đã xác định nhiệm vụ của cách mạng Đông Dương lúc này là gì?

- A. Chống chủ nghĩa phát xít

- B. Chống chủ nghĩa phát xít và chống chiến tranh.
- C. Đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc và giải phóng giai cấp lên hàng đầu.
- D. Đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu và cấp bách,

Câu 61. Đến tháng 11 - 1939, tên gọi của Mặt trận ở Đông Dương là gì?

- A. Mặt trận nhân dân phản đế Đông Dương.
- B. Mặt trận dân chủ Đông Dương.
- C. Mặt trận phản đế, phản phong.
- D. Mặt trận thống nhất dân tộc phản đế Đông Dương.

Câu 62. Hội nghị Trung ương lần thứ 6 của Đảng ta diễn ra vào ngày tháng năm nào? Tại đâu?

- A. Ngày 19-5-1941 tại Bà Điểm - Hóc Môn.
- B. Ngày 15-9-1939 tại Pắc Bó - Cao Bằng,
- C. Ngày 10-5-1940 tại Đình Bảng.
- D. Ngày 6-11-1939 tại Bà Điểm - Hóc Môn.

Câu 63. Việc nêu khẩu hiệu thành lập "Chính phủ dân chủ Cộng hoà" là khẩu hiệu của Nghị quyết nào trong thời kì cách mạng 1939 - 1945?

- A. Hội nghị quân sự Bắc kì.
- B. Hội nghị Trung ương Đảng Lần thứ 6.
- C. Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 8
- D. Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 11

Câu 64. Tại Hội nghị TW Đảng lần thứ 8, Nguyễn Ái Quốc chủ trương thành lập mặt trận nào?

- A. Mặt trận Liên Việt.
- B. Mặt trận Đồng minh
- C. Mặt trận Việt Minh.
- D. Mặt trận dân tộc thống nhất phản đế Đông Dương.

Câu 65. Việc gây dựng cơ sở chính trị trong quần chúng tại các tỉnh Thái Nguyên, Tuyên Quang, Lạng Sơn là việc làm của tổ chức nào?

- A. Đội Cứu quốc quân.
- B. Đội du kích Bắc Sơn.
- C. Đội du kích Thái Nguyên.
- D. Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân.

Câu 66. Năm 1942, tỉnh nào được coi là nơi thí điểm của cuộc vận động xây dựng các Hội Cứu quốc quân trong mặt trận Việt Minh?

- A. Cao Bằng.
- B. Bắc Cạn.
- C. Lạng Sơn.
- D. Tuyên Quang.

Câu 67. Việt Nam giải phóng quân ra đời, đó là sự hợp nhất của các tổ chức nào?

- A. Cứu quốc quân với du kích Thái Nguyên.
- B. Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân với du kích Ba Tơ.

- C. Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân với Việt Nam Cứu quốc quân.
- D. Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân với đội du kích Bắc Sơn.

Câu 68. “Lá cờ đỏ sao vàng” lần đầu tiên xuất hiện trong cuộc khởi nghĩa nào?

- A. Khởi nghĩa Bắc Sơn.
- B. Khởi nghĩa Nam Kỳ.
- C. Khởi nghĩa Ba Tơ.
- D. Binh biến Đô Lương.

Câu 69. Khi Nhật vào Đông Dương, thực dân Pháp đã thực hiện chính sách gì?

- A. Tăng các loại thuế gấp 3 lần.
- B. Mở cửa cho Nhật vào Đông Dương.
- C. Thi hành chính sách “Kinh tế chỉ huy”.
- D. Thăng tay đàn áp phong trào cách mạng, thỏa hiệp với Nhật để đàn áp nhân dân

Câu 70. Hội nghị Trung ương lần thứ 6 đã đánh dấu sự chuyển hướng đúng đắn và chỉ đạo chiến lược cách mạng như thế nào?

- A. Xác định đúng kẻ thù là phát xít Nhật.
- B. Giương cao ngọn cờ giải phóng dân tộc.
- C. Kịp thời giải quyết vấn đề ruộng đất cho nông dân.
- D. Mở rộng vấn đề dân chủ trên toàn cõi Đông Dương.

Câu 71. Vì sao Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 8 có tầm quan trọng đặc biệt đối với Cách mạng tháng Tám 1945?

- A. Củng cố được khối đoàn kết toàn dân.
- B. Giải quyết được vấn đề ruộng đất cho nông dân.
- C. Chủ trương giương cao ngọn cờ giải phóng dân tộc
- D. Hoàn chỉnh việc chuyển hướng chỉ đạo chiến lược của Hội nghị Trung ương lần thứ 6.

Câu 72. Ở Đông Dương năm 1940 thực dân Pháp đứng trước hai nguy cơ nào?

- A. Đầu hàng Nhật đàn áp nhân dân Đông Dương.
- B. Đánh bại Nhật đàn áp nhân dân Đông Dương.
- C. Cầu kết với Nhật khủng bố nhân dân Đông Dương.
- D. Ngọn lửa cách mạng giải phóng dân tộc của nhân dân Đông Dương sớm muộn sẽ bùng nổ, phát xít Nhật vào Đông Dương hất cẳng Pháp.

Câu 73. Dưới hai tầng áp bức bóc lột nặng nề của Pháp - Nhật, giai cấp nào bị khốn khổ nhất, tổn thất nhiều nhất trong nạn đói 1944-1945?

- A. Trong tổng số gần ‘2 triệu người chết đói cuối năm 1944 đầu năm 1945 đa số là nông dân.
- B. Trong tổng số gần 2 triệu người chết đói cuối năm 1944 đầu năm 1945 đa số là công nhân.
- C. Trong tổng số gần 2 triệu người chết đói cuối năm 1944 đầu năm 1945 đa

số là thợ thủ công.

D. Trong tổng số gần 2 triệu người chết đói cuối năm 1944 đầu năm 1945 đa số là thợ mỏ.

Câu 74. Sự áp bức, bóc lột dã man của Nhật - Pháp đã dẫn đến hậu quả gì?

A. Mâu thuẫn giữa toàn thể các dân tộc Đông Dương với Nhật sâu sắc.

B. Mâu thuẫn giữa toàn thể nhân dân Việt Nam, với phát xít Nhật sâu sắc.

C. Mâu thuẫn giữa toàn thể nhân dân Việt Nam với thực dân Pháp sâu sắc.

D. Mâu thuẫn giữa toàn thể các dân tộc Đông Dương với Nhật - Pháp sâu sắc

Câu 75. Hội nghị ban chấp hành TW Đảng Cộng sản Đông Dương lần thứ VIII đã xác định mâu thuẫn cơ bản trong lòng xã hội Việt Nam là gì?

A. Mâu thuẫn giữa nhân dân ta với thực dân Pháp.

B. Mâu thuẫn giữa nhân dân ta với phát xít Nhật - thực dân Pháp.

C. Mâu thuẫn giữa nhân dân ta với phát xít Nhật và phong kiến tay sai.

D. Mâu thuẫn giữa nhân dân ta với thực dân Pháp và phong kiến tay sai.

Câu 76. Vì sao Nhật tiến hành đảo chính lật đổ Pháp vào đêm 9-3-1945?

A. Phe phát xít đang thua

to

B. Đê độc chiếm Đông Dương.

C. Nước Pháp đã được giải phóng.

D. Nhật đang khôn đốn trước các đòn tấn công dồn dập của Anh - Mỹ.

Câu 77. Nguyên nhân cơ bản quyết định sự thắng lợi của Cách mạng tháng Tám là gì?

A. Sự lãnh đạo tài tình của Đảng đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh.

B. Dân tộc Việt Nam vốn có truyền thống yêu nước, đã đấu tranh kiên cường bất khuất.

C. Có khối liên minh công nông vững chắc, tập hợp được mọi lực lượng yêu nước trong mọi mặt trận thống nhất

D. Có hoàn cảnh thuận lợi của Chiến tranh thế giới thứ 2: Hồng quân Liên Xô và quân Đồng minh đã đánh bại phát xít Đức - Nhật.

Câu 78. Kẻ thù số 1 của cách mạng Việt Nam từ 1941 đến 1945 là

A. Pháp.

B. Nhật.

C. Pháp – Nhật.

D. Nhà Nguyễn.

Câu 79. Vì sao nói thắng lợi của cách mạng tháng Tám 1945 là một sự kiện trọng đại của lịch sử dân tộc?

A. Vì đã cổ vũ phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới phát triển

- B. Vì đã góp phần đánh bại chủ nghĩa phát xít trong phe Đồng minh
- C. Vì làm thất bại chủ nghĩa phát xít và sự sụp đổ chủ nghĩa thực dân
- D. Vì lật đổ sự thống trị của đế quốc, phát xít và phong kiến giành độc lập

Câu 80. Vai trò vĩ đại nhất của chủ tịch Hồ Chí Minh đối với thắng lợi của Cách mạng tháng Tám 1945 ở Việt Nam là

- A. sáng lập Mặt trận Việt Minh
- B. xác định đường lối và phương pháp cách mạng
- C. trực tiếp lãnh đạo xây dựng lực lượng cách mạng
- D. xác định thời cơ, chớp lấy thời cơ và phát động tổng khởi nghĩa

Câu 81. Điểm mới của Hội nghị tháng 5-1941 so với Hội nghị tháng 11-1939 BCHTW Đảng Cộng sản Đông Dương là gì?

- A. Thành lập Mặt trận thống nhất dân tộc rộng rãi chống đế quốc
- B. Đề cao nhiệm vụ giải phóng dân tộc, chống đế quốc, phong kiến
- C. Giải quyết vấn đề dân tộc trong khuôn khổ từng nước ở Đông Dương
- D. Tạm gác khẩu hiệu cách mạng ruộng đất, thực hiện giảm tô, giảm tức

Câu 82. Nội dung nào *không* phải là thủ đoạn chính trị của Nhật khi vào Việt Nam?

- A. Việt Nam đặt dưới ách thống trị của Nhật.
- B. Đầu tư vốn vào phát triển kinh tế Việt Nam
- C. Tuyên truyền lừa bịp về thuyết “Đại Đông Á”.
- D. Cho các đảng phái thân Nhật hoạt động làm tay sai.

Câu 83. Từ năm 1930-1945, sự kiện nào đã đánh dấu bước phát triển nhảy vọt của cách mạng Việt Nam, mở ra một bước ngoặt lớn trong lịch sử dân tộc?

- A. Sự thành lập Mặt trận Việt Minh (1941).
- B. Thắng lợi Cách mạng tháng Tám 1945.
- C. Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời (2-9-1945).

D. Nguyễn Ái Quốc về nước trực tiếp lãnh đạo cách mạng (1941).

Câu 84. Nội dung nào sau đây sai khi nói về thắng lợi Cách mạng tháng Tám 1945 ở Việt Nam?

- A. Mở ra một bước ngoặt lớn trong lịch sử dân tộc.
- B. Là thắng lợi mở đầu kỉ nguyên mới của dân tộc
- C. Đánh dấu bước phát triển nhảy vọt của cách mạng
- D. Là thắng lợi vĩ đại và giành độc lập dân tộc từ Pháp – Nhật

Câu 85. Phát biểu nào sau đây sai khi nói về Cách mạng tháng Tám 1945 ở Việt Nam?

- A. Cách mạng tháng Tám là một cuộc cách mạng bạo lực.
- B. Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám là một sự ăn may
- C. Cách mạng tháng Tám 1945 là một thắng lợi cơ bản của dân tộc ta.
- D. Chớp lấy thời cơ là một yếu tố quan trọng dẫn đến thắng lợi cách mạng

Câu 86. Trung ương Đảng và lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc quyết định chuyển hướng đấu tranh đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu trong thời kì 1939-1945 là do

- A. Pháp-Nhật đẩy nhân dân ta tới chỗ cùng cực, cuối năm 1944 đầu năm 1945 có gần 2 triệu đồng bào ta chết đói.
- B. Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ, nước Pháp bị phát xít Đức chiếm đóng, chính phủ Pháp đầu hàng phát xít Đức.
- C. Phát xít Nhật vào miền Bắc Việt Nam, quân Pháp đầu hàng Phát xít Nhật, Nhật – Pháp câu kết với nhau bóc lột nhân dân ta.
- D. Mâu thuẫn giữa nhân dân ta với đế quốc Pháp – phát xít Nhật trở nên gay gắt hơn bao giờ hết, vấn đề giải phóng các dân tộc Đông Dương trở nên bức thiết và quan trọng nhất.

Câu 87. Hãy sắp xếp các sự kiện sau theo đúng trình tự thời gian?

1. Nhật đảo chính Pháp
2. Nhật đầu hàng đồng minh
3. Quân Nhật vào Bắc Việt Nam
4. Tổng khởi nghĩa tháng Tám ở Việt Nam

- A. 2, 3, 4, 1. B. 3, 2, 1, 4. C. 3, 1, 2, 4. D. 3, 2, 4, 1.

Câu 88. Hãy sắp xếp các sự kiện sau theo đúng trình tự thời gian?

1. Nhật đầu hàng đồng minh
 2. Đại hội toàn quốc ở Tân Trào
 3. Cách mạng tháng Tám ở Việt Nam
 4. Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ
- A. 1, 2, 3, 4 B. 1, 4, 3, 2. C. 4, 1, 2, 3. D. 1, 4, 2, 3.

Câu 89. Mục tiêu số một của cách mạng Việt Nam được đề ra trong Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (5/1941) là

- A. giải phóng dân tộc. B. cách mạng ruộng đất.
C. phát động tổng khởi nghĩa giành chính quyền.
D. thành lập chính phủ nhân dân.

Câu 90. Nguyên nhân trực tiếp của sự kiện Nhật Bản đảo chính Pháp ngày 09/3/1945 ở Đông Dương là

- A. Nhật Bản tiến hành theo kế hoạch chung của phe phát xít.
B. mâu thuẫn Pháp - Nhật càng lúc càng gay gắt.
C. thất bại gần kề của Nhật Bản trong Chiến tranh thế giới thứ hai.
D. phong trào cách mạng dâng cao gây ch Nhật Bản nhiều khó khăn.

Câu 91. "Quân Nhật ở Đông Dương rệu rã. Chính phủ thân Nhật Trần Trọng Kim hoang mang tột độ. Điều kiện khách quan thuận lợi cho tổng khởi nghĩa đã đến" (SGK Lịch sử 12, trang 115). Điều kiện khách quan thuận lợi được đề cập trong đoạn trích trên được hiểu là

- A. quần chúng đã sẵn sàng đấu tranh.
B. các lực lượng vũ trang đã vào vị trí.
C. sự ủng hộ tuyệt đối của quân Đồng minh.
D. kẻ thù duy nhất của nhân dân Việt Nam đã ngã gục hoàn toàn.

Câu 92. Chủ trương thay thế khẩu hiệu "Đánh đuổi Nhật - Pháp" bằng khẩu hiệu "Đánh đuổi phát xít Nhật" được nêu ra trong

- A. Hội nghị BCH Trung ương Đảng (09/3/1945).

- B. Chi thị "Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta".
- C. Hội nghị toàn quốc của Đảng (từ 13 đến 15/8/1945).
- D. Nghị quyết của Đại hội quốc dân Tân Trào.

Câu 93. Khi chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ, Đảng Cộng sản Đông Dương đã

- A. rút vào bí mật, chuẩn bị cho một cao trào mới.
- B. đòi Pháp trao trả ngay lập tức độc lập cho Việt Nam.
- C. liên minh với Nhật để chống Pháp.
- D. phát động quần chúng tổng khởi nghĩa giành chính quyền.

Câu 94. Nội dung nào sau đây không nằm trong Nghị quyết Hội nghị Trung ương Đảng tháng 11/1939?

- A. Đưa vấn đề giải phóng dân tộc lên hàng đầu.
- B. Tạm gác khẩu hiệu cách mạng ruộng đất.
- C. Dùng bạo lực cách mạng để giành chính quyền.
- D. Xác định phát xít Nhật là kẻ thù chủ yếu.

Câu 95. Thủ đoạn chính trị của phát xít Nhật khi vào Đông Dương là

- A. coi Đông Dương nằm trong khối Liên hiệp Nhật.
- B. dùng thủ đoạn lừa bịp để nhân dân ta tưởng chúng là "bạn" chứ không phải là "thù".
- C. bắt tay với Pháp cai trị Đông Dương.
- D. tuyên truyền về "khu vực thịnh vượng chung Đại Đông Á", sức mạnh vô địch của đế quốc Nhật.

Câu 96. Tại sao Hội nghị Trung ương Đảng (5/1941), Nguyễn Ái Quốc đã xác định nhiệm vụ cấp thiết của cách mạng Việt Nam là

- A. giải phóng dân tộc.
- B. cách mạng ruộng đất.
- C. thành lập Mặt trận Việt Minh.
- D. phát động tổng khởi nghĩa giành chính quyền.

Câu 97. Nội dung nào sau đây không thuộc Nghị quyết được thông qua tại Hội nghị Trung ương Đảng (5/1941)?

- A. Giải phóng dân tộc.
- B. Tạm gác khẩu hiệu cách mạng ruộng đất.
- C. Nhiệm vụ cách mạng chủ yếu là đấu tranh giai cấp.
- D. Kẻ thù của cách mạng là đế quốc Pháp và phát xít Nhật.

Câu 98. Trong chỉ thị "Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta" đã xác định kẻ thù duy nhất và trước mắt của nhân dân Việt Nam là

- A. Trung Hoa Dân Quốc.
- B. quân Pháp.
- C. quân Mỹ.
- D. phát xít Nhật.

Câu 99. Cho các dữ liệu sau: 1. Ủy ban dân tộc giải phóng Việt Nam; 2. Thông qua kế hoạch tổng khởi nghĩa; 3. Thành lập Ủy ban khởi nghĩa toàn quốc

Sắp xếp các dữ liệu trên theo trình tự thời gian để thấy Đảng Cộng sản Đông Dương đã lãnh đạo nhân dân Việt Nam "chớp thời cơ", tiến hành Tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong cả nước.

- A. 3 - 2 - 1.
- B. 2 - 3 - 1.
- C. 1 - 2 - 3.
- D. 2 - 1 - 3.

Câu 100. Cách mạng tháng Tám diễn ra trong

- A. 15 ngày.
- B. 20 ngày.
- C. 25 ngày.
- D. 30 ngày.

Câu 101. Ý nghĩa quan trọng nhất của Cách mạng tháng Tám (1945) là

- A. lật đổ ngai vàng phong kiến đã ngự trị hàng chục thế kỉ trên đất nước ta.
- B. chấm dứt sự thống trị của thực dân Pháp và phát xít Nhật đối với nước ta.
- C. người dân Việt Nam từ thân phận nô lệ trở thành người làm chủ đất nước.
- D. đem lại độc lập, tự do cho dân tộc và góp phần cổ vũ phong trào cách mạng thế giới.

Câu 102. Nội dung nào sau đây không phải là ý nghĩa của Cách mạng tháng Tám (1945)?

- A. Phá tan xiềng xích nô lệ của thực dân Pháp - Nhật và phong kiến, đem lại độc lập tự do cho dân tộc.

B. Mở ra một kỉ nguyên mới trong lịch sử dân tộc: độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

C. Buộc pháp công nhận độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam.

D. Thắng lợi đầu tiên trong thời đại mới của một dân tộc nhược tiểu đã tự giải phóng khỏi ách đế quốc thực dân.

Câu 103. Trong Cách mạng tháng Tám (1945), khởi nghĩa tại các đô thị thắng lợi có ý nghĩa quyết định nhất vì đây là nơi

A. tập trung các trung tâm chính trị, kinh tế của kẻ thù.

B. có nhiều thực dân, đế quốc.

C. có đông đảo quần chúng được giác ngộ.

D. đặt cơ quan đầu não chỉ huy của lực lượng cách mạng.

Câu 104. Cách mạng tháng Tám (1945) có tính chất

A. khởi nghĩa chính trị.

B. khởi nghĩa từng phần.

C. khởi nghĩa vũ trang.

D. khởi nghĩa toàn phần.

Câu 105. Cho các sự kiện: 1. Nhật đầu hàng Đồng minh không điều kiện; 2. Quân Nhật vượt biên giới Việt - Trung, tiến vào miền Bắc Việt Nam; 3. Nhật đảo chính lật đổ Pháp ở Đông Dương.

Thứ tự đúng theo trình tự thời gian là

A. 2 - 3 - 1.

B. 1 - 2 - 3.

C. 3 - 2 - 1.

D. 1 - 3 - 2.

**CHỦ ĐỀ 3: ĐẢNG LÃNH ĐẠO VỪA KHÁNG CHIẾN VỪA KIẾN QUỐC
, PHÁT HUY THÀNH QUẢ CÁCH MẠNG THÁNG TÁM 1945 Ở VIỆT
NAM TỪ NĂM 1945 ĐẾN NĂM 1954**

Câu 1. Ngày 22/5/1946 Vệ Quốc Đoàn được đổi thành

A. Việt Nam Giải phóng quân.

B. Quân đội Quốc gia Việt Nam.

C. Chính phủ liên hiệp kháng chiến.

D. Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân.

Câu 2. Sau Cách mạng tháng Tám từ vĩ tuyến 16 ra Bắc lực lượng Đồng minh vào giải giáp quân Nhật là

A. Pháp. B. Anh. C. Tưởng. D. Mĩ.

Câu 3. Ngày 9/11/1946 Quốc hội khóa I nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã thông qua

A. Bản hiến pháp đầu tiên. B. Đổi tên Vệ Quốc Đoàn.
C. Ủy ban hành chính các cấp. D. Chính phủ liên hiệp kháng chiến.

Câu 4. Ngày 23/9 được chọn là ngày

A. Nam bộ kháng chiến B. Kí hiệp định Sơ bộ
C. Kí Tạm ước ở Hồngtenoblô D. Đuổi Tưởng ra khỏi miền Bắc

Câu 5. Hãy kể tên hai chính đảng ở Việt Nam là tay sai của Tưởng?

A. Đại Việt, Việt Quốc. B. Việt Quốc, Việt Cách.
C. Thanh niên Cao Vọng, Tân Việt. D. VN TNCM đồng chí hội, Phục Việt.

Câu 6. Sau cách mạng tháng Tám năm 1945 nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa phải đối mặt với những khó khăn gì?

A. Nạn đói, nạn dốt, giặc ngoại xâm. B. Nạn đói, nạn dốt và nội phản.
C. Nạn đói, nạn dốt, ngân sách nhà nước trống rỗng.
D. Nạn đói, nạn dốt, ngân sách nhà nước trống rỗng, ngoại xâm và nội phản.

Câu 7. Quốc hội khóa I (6/1/1946) đã bầu được

A. 333 đại biểu. B. 334 đại biểu.
C. 335 đại biểu. D. 336 đại biểu.

Câu 8. Ai là chủ tịch trong Chính phủ liên hiệp kháng chiến?

A. Lê Văn Hiến. B. Hồ Chí Minh.
C. Phạm Văn Đồng. D. Nguyễn Tường Tam.

Câu 9. Sau bầu cử Quốc hội, chính quyền cách mạng ở các địa phương được thành lập có tên là?

- B. Không dùng gạo, ngô để nấu rượu.
- C. Tịch thu gạo của người giàu chia cho người nghèo.
- D. Nhường cơm sẻ áo, tiết kiệm lương thực, tăng gia sản xuất.

Câu 16. Sau cách mạng tháng Tám năm 1945, để khắc phục tình trạng trống rỗng về ngân sách, Đảng và Chính phủ ta đã chủ trương thực hiện biện pháp trước mắt là

- A. phát hành tiền Đông Dương.
- B. phát hành tiền Việt Nam.
- C. nhận tiêu tiền quan kim, quốc tệ.
- D. kêu gọi quyên góp cho Quỹ Độc lập và Tuần lễ vàng.

Câu 17. Sự kiện lịch sử diễn ra ngày 6 tháng 1 năm 1946 là gì?

- A. Tổng tuyển cử bầu Quốc hội
- B. Quân đội quốc gia Việt Nam ra đời
- C. Quốc hội ban hành Hiến pháp đầu tiên
- D. Chính phủ liên hiệp kháng chiến được thành lập

Câu 18. Chủ trương tạm thời hòa hoãn, tránh xung đột của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đối với Quân Trung Hoa Dân quốc sau cách mạng tháng Tám năm 1945 đã

- A. làm giảm sức mạnh đoàn kết trong Đảng.
- B. làm mất lòng tin trong quần chúng nhân dân.
- C. làm cho nước ta mất đi nền độc lập, tự do mới giành được.
- D. hạn chế thấp nhất hoạt động chống phá của quân Trung Hoa Dân quốc

Câu 19. Theo Hiệp định Sơ bộ ngày 6 tháng 3 năm 1946, Pháp công nhận Việt Nam là

- A. Một quốc gia tự trị
- B. Một quốc gia tự do
- C. Một quốc gia độc lập
- D. Một quốc gia độc lập tự do.

Câu 20. Chủ trương của ta đối với Pháp sau cách mạng tháng Tám 1945 đến trước 19 tháng 12 năm 1946 là gì?

- A. Kiên quyết kháng chiến chống Pháp trở lại xâm lược Nam Bộ.
- B. Hòa với Pháp để đuổi quân Trung Hoa Dân quốc về nước.
- C. Nhượng cho chúng một số quyền lợi về kinh tế và chính trị.
- D. Tổ chức mittinh, biểu tình biểu dương lực lượng ngay khi Pháp trở lại nam Bộ.

Câu 21. Sau cách mạng tháng Tám năm 1945, để đối phó với bọn phản động tay sai, chính phủ ta chủ trương

- A. dùng bạo lực trấn áp
- B. hòa hoãn, tránh xung đột
- C. nhân nhượng một số yêu sách về kinh tế
- D. kiên quyết vạch trần âm mưu và hành động phá hoại của chúng.

Câu 22. Việc kí kết Hiệp định sơ bộ tạm hoà với Pháp, chúng tỏ

- A. sự suy yếu của lực lượng cách mạng.
- B. sự thoả hiệp của Đảng và chính phủ ta.
- C. sự thắng lợi của Pháp trên mặt trận ngoại giao.
- D. chủ trương đúng đắn, kịp thời của Đảng và chính phủ ta/ Sự mềm dẻo trong chính sách đối ngoại nhằm phân hóa kẻ thù của Chính phủ.

Câu 23. Thái độ và hành động của thực dân Pháp khi ký Hiệp định Sơ bộ ngày 6 tháng 3 năm 1946 là gì?

- A. Rút quân về nước
- B. Thực hiện nghiêm chỉnh Hiệp định
- C. Đẩy mạnh chuẩn bị chiến tranh xâm lược nước ta
- D. Tiếp tục đề nghị đàm phán để giải quyết chiến tranh ở Việt Nam.

Câu 24. Việc ta ký với Pháp bản Tạm ước 14 tháng 9 năm 1946 có ý nghĩa gì?

- A. Có thêm thời gian hòa bình để chuẩn bị lực lượng.
- B. Đuổi được quân Trung Hoa Dân quốc về nước.

C. Hạn chế thấp nhất các hoạt động chống phá của các thế lực thù địch.

D. Làm cho cuộc chiến tranh không xảy ra.

Câu 25. Trong Tạm ước 14 tháng 9 năm 1946, ta tiếp tục nhân nhượng cho Pháp

A. một số quyền lợi về kinh tế và văn hóa

B. một số quyền lợi về chính trị, quân sự

C. một số quyền lợi về kinh tế, quân sự

D. một số quyền lợi về chính trị, kinh tế, quân sự

Câu 26. Sự kiện nào chứng tỏ thực dân Pháp trở lại xâm lược nước ta lần thứ hai?

A. Tháng 11 năm 1946, Pháp đánh chiếm Hải Phòng.

B. Đêm 22 rạng sáng 23/09/1945, Pháp đánh úp trụ sở Ủy ban nhân dân Nam Bộ

C. Ngày 2 tháng 9 năm 1945, Pháp xả súng làm nhiều người chết và bị thương ở Sài Gòn.

D. Ngày 18 tháng 12 năm 1946 Pháp gửi tối hậu thư đòi ta phải giải tán lực lượng chiến đấu.

Câu 27. Nguyên tắc đối phó của Đảng và chính phủ ta với quân Trung Hoa Dân quốc sau cách mạng tháng Tám năm 1945 là

A. nhân nhượng tuyệt đối B. nhân nhượng từng bước

C. nhân nhượng quá nhiều D. nhân nhượng có nguyên tắc

Câu 28. Chủ trương của ta đối phó với các thế lực ngoại xâm và nội phản là:

A. không vi phạm chủ quyền dân tộc B. nhân nhượng để có thời gian hòa bình

C. cứng rắn về nguyên tắc, mềm dẻo về sách lược D. kiên quyết đánh

Câu 29. Cuối tháng 8/1945, quân đội các nước Đồng minh nào đã có mặt trên lãnh thổ Việt Nam

A. Anh, Pháp.

B. Nhật, Pháp.

C. Anh, Trung Hoa Dân Quốc.

D. Pháp, Trung Hoa Dân Quốc.

Câu 30. Thắng lợi của cuộc Tổng tuyển cử Quốc hội khóa I (06/01/1946) đã khẳng định

A. sức mạnh của dân tộc.

B. tinh thần yêu nước của nhân dân Việt Nam.

C. đất nước vượt qua giai đoạn khó khăn, thử thách.

D. thể hiện tinh thần yêu nước và khôi đại đoàn kết toàn dân.

Câu 31. Tháng 11/1946, ai là người giữ chức vụ Bộ trưởng Bộ ngoại giao trong Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa?

A. Hồ Chí Minh. B. Nguyễn Tường Tam.

C. Lê Văn Hiến. D. Phạm Văn Đồng.

Câu 32. Chọn cụm từ đúng nhất điền vào chỗ trống trong câu sau: " Một dân tộclà một dân tộc.....". (Hồ Chí Minh)

A. ít học, dốt.

B. dốt, yếu.

C. không học tập, dốt.

D. không học tập, không thể làm chủ đất nước mình.

Câu 33. Cơ quan chuyên giải quyết nạn dốt sau Cách mạng tháng Tám có tên gọi là gì?

A. Nha học chính.

B. Ty bình dân học vụ.

C. Nha bình dân học vụ.

D. Ty học vụ.

Câu 34. Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhân nhượng với Trung Hoa Dân quốc bằng cách chấp nhận

A. mọi yêu cầu cải tổ Chính phủ, Quốc hội theo ý chúng.

B. cung cấp toàn bộ lương thực, thực phẩm.

C. Lưu hành tiền Trung Quốc, cung cấp một phần lương thực, thực phẩm, phương tiện giao thông vận tải.

D. tất cả mọi yêu cầu đảm bảo trật tự trị an, phương tiện đi lại.

Câu 35. Trong các biện pháp giải quyết nạn đói ở Việt Nam sau Cách mạng tháng Tám (1945) của Chính phủ cách mạng, biện pháp nào là quan trọng nhất?

- A. Lập hũ gạo cứu đói. B. Tổ chức ngày đồng tâm.
C. Tăng gia sản xuất. D. Chia lại ruộng đất cho nông dân.

Câu 36. Lí do nào là cơ bản nhất để Đảng, Chính phủ và Chủ tịch HCM chủ trương hòa hoãn, nhân nhượng cho Trung Hoa Dân quốc một số quyền lợi về kinh tế, chính trị?

- A. Chính quyền cách mạng chưa đủ sức đánh 20 vạn quân Trung Hoa Dân quốc.
B. Trung Hoa Dân quốc có lực lượng tay sai Việt Quốc, Việt Cách hỗ trợ từ bên trong.
C. Tránh trường hợp một mình đối phó với nhiều kẻ thù cùng một lúc.
D. Hạn chế việc Pháp và Trung Hoa Dân quốc câu kết với nhau.

Câu 37. Sách lược đối ngoại của Đảng ta trong thời gian từ tháng 9/1945 - 02/1946 là

- A. Hòa Trung Hoa Dân quốc đuổi Pháp.
B. Hòa Trung Hoa Dân quốc đánh Pháp.
C. Hòa Pháp đuổi Trung Hoa Dân quốc.
D. Hòa hoãn với Pháp và Hòa Trung Hoa Dân quốc.

Câu 38. Cuộc đàm phán chính thức giữa hai chính phủ Việt Nam và Pháp tại Phonogtennoblô thất bại vì

- A. dư luận thế giới không ủng hộ Việt Nam.
B. Chính phủ Việt Nam chưa có nhiều kinh nghiệm trong đấu tranh ngoại giao, đàm phán.
C. Pháp muốn tái chiếm Việt Nam nên không có thiện chí đàm phán các điều khoản liên quan đến độc lập và thống nhất của Việt Nam.
D. thái độ của các phái đoàn tại cuộc đàm phán quá cứng rắn.

Câu 39. Lí do nào là quan trọng nhất để Đảng chủ trương: "khi tạm thời hòa hoãn với Trung Hoa Dân quốc để chống Pháp, khi thì hòa hoãn với Pháp để đuổi Trung Hoa Dân quốc" trong giai đoạn 1945 - 1946?

- A. Trung Hoa Dân quốc dùng lực lượng tay sai Việt Quốc, Việt Cách để chống phá chính quyền cách mạng từ bên trong.

- B. Thực dân Pháp được sự giúp đỡ, hậu thuẫn của thực dân Anh.
- C. Trung Hoa Dân quốc có nhiều âm mưu chống phá cách mạng.
- D. Chính quyền cách mạng còn non trẻ không thể cùng lúc chống lại hai kẻ thù hùng mạnh.

Câu 40. Đảng, Chính phủ và Chủ tịch HCM chuyển từ chiến lược đánh Pháp sang chiến lược hòa hoãn, nhân nhượng là do Pháp

- A. có Anh hậu thuẫn.
- B. được bọn phản động tay sai giúp đỡ.
- C. không có thiện chí hợp tác với Việt Nam.
- D. "bắt tay" Trung Hoa Dân quốc qua Hiệp ước Hoa - Pháp nhằm ieean quân ra Bắc, thôn tính cả nước.

Câu 41. Bốn vị bộ trưởng trong Chính phủ Liên hiệp mà Quốc hội Việt Nam DCCH đã nhường cho Việt Quốc và Việt Cách là

- A. ngoại giao, kinh tế, canh nông, xã hội.
- B. ngoại giao, kinh tế, giáo dục, xã hội.
- C. ngoại giao, giáo dục, canh nông, xã hội.
- D. Kinh tế, canh nông, xã hội, giáo dục.

Câu 42. Hành động khiêu khích trắng trợn nhất của thực dân Pháp đối với nhân dân ta sau khi Hiệp định Sơ bộ 6/3 và Tạm ước 14/9 được kí kết là

- A. giữa tháng 3/1946, Pháp cho quân nổ súng khiêu khích ở Hải Phòng, Lạng Sơn
- B. Pháp tàn sát và giết hại nhiều đồng bào vô tội ở phố Hàng Bún, Yên Ninh,...
- C. Ngày 18/12/1946, Pháp gửi tới hậu thư đòi ta giao quyền kiểm soát thủ đô cho chúng
- D. Pháp cho quân ném lựu đạn, đốt nhà Thông tin ở phố Tràng Tiền chiếm đóng cơ quan Bộ Tài chính

Câu 43. Tối 19/12/1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc

- A. Tuyên ngôn độc lập
- B. Bản Đề cương văn hóa Việt Nam

- C. Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến chống thực dân Pháp
- D. Chỉ thị Toàn dân kháng chiến của Ban Thường vụ Trung ương Đảng

Câu 44. Văn kiện nào sau đây *không* thuộc đường lối kháng chiến chống Pháp của Đảng

- A. Chỉ thị “Nhật – Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta”
- B. Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh
- C. Chỉ thị Toàn dân kháng chiến của Ban Thường vụ Trung ương Đảng
- D. Tác phẩm “Kháng chiến nhất định thắng lợi” của Tổng bí thư Trường Chinh

Câu 45. Nội dung cơ bản của đường lối kháng chiến chống Pháp của Đảng ta là:

- A. “Toàn dân, toàn diện, lâu dài, tự lực cánh sinh”.
- B. “Toàn dân, toàn diện, trường kì, tự lực cánh sinh”.
- C. “Toàn dân, toàn diện, trường kì và tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế”.
- D. “Toàn dân, toàn diện, trường kì, tự lực cánh sinh và tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế”.

Câu 46. Mục tiêu cuộc chiến đấu chống Pháp trong các đô thị của quân và dân ta ở Bắc vĩ tuyến 16 cuối năm 1946 đầu năm 1947 là

- A. tiêu diệt một phần sinh lực địch
- B. chứng tỏ cho Pháp biết sức mạnh dân tộc của nhân dân Việt Nam
- C. giải phóng Thủ đô Hà Nội, tạo điều kiện cho miền Nam nổi dậy đánh Pháp
- D. giam chân địch trong thành phố tạo điều kiện để cả nước chuẩn bị chiến đấu lâu dài.

Câu 47. Khi cử Bô-la-e sang làm Cao ủy Pháp ở Đông Dương (4/1947), thực dân Pháp đã lập kế hoạch tấn công lên Việt Bắc nhằm

- A. tiêu diệt một phần sinh lực của quân chủ lực cách mạng Việt Nam
- B. tiêu diệt bộ đội chủ lực của ta và lập nên một chính phủ bù nhìn thân Pháp
- C. ngăn chặn sự chi viện của cách mạng Trung Quốc cho cách mạng Việt Nam.
- D. tiêu diệt bộ đội chủ lực và cơ quan đầu não của ta, nhanh chóng kết thúc chiến tranh

Câu 48. Chiến dịch Việt Bắc thu - đông năm 1947 đã đem lại kết quả

- A. làm phá sản hoàn toàn kế hoạch Na-va
- B. ta giành thế chủ động trên chiến trường chính Bắc Bộ

- C. cơ quan đầu não được bảo toàn, bộ đội chủ lực trưởng thành
- D. chuyển cách mạng miền Nam từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tấn công

Câu 49. Sau thất bại tại Việt Bắc thu – đông năm 1947 thực dân Pháp đã thay đổi chiến lược chiến tranh ở Đông Dương, chuyển từ

- A. “đánh lâu dài” sang “đánh nhanh thắng nhanh”
- B. “đánh nhanh thắng nhanh” sang “đánh lâu dài”
- C. “vừa đánh vừa đàm” sang “đánh lâu dài”
- D. “đánh nhanh thắng nhanh” sang “vừa đánh vừa đàm”

Câu 50. Âm mưu của thực dân Pháp trong chiến dịch Việt Bắc thu – đông năm 1947 là

- A. nhanh chóng kết thúc chiến tranh
- B. “dùng người Việt đánh người Việt”
- C. “lấy chiến tranh nuôi chiến tranh”
- D. “dùng người Đông Dương đánh người Đông Dương”

Câu 51. Nội dung nào sau đây không phải là hoàn cảnh của chiến dịch biên giới thu – đông năm 1950?

- A. Liên Xô và nhiều nước trong phe xã hội chủ nghĩa công nhận và đặt quan hệ ngoại giao với nước ta
- B. Pháp bị tổn thất nặng nề, bị loại khỏi vòng chiến đấu 39 vạn quân, vùng chiếm đóng ngày càng bị thu hẹp
- C. ngày 1/10/1949, cách mạng Trung Quốc thành công, nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa ra đời, sau đó đã công khai ủng hộ cách mạng Việt Nam
- D. phong trào giải phóng dân tộc ở nhiều nước trên thế giới đang lên cao, nhiều nước giành được thắng lợi, lên tiếng ủng hộ cách mạng nước ta

Câu 52. Tháng 6/1950, Đảng chủ trương mở chiến dịch biên giới nhằm mục đích

- A. Giải phóng Tây Bắc, tạo điều kiện cho Lào giải phóng Bắc Lào
- B. Chặn đứng kế hoạch đánh nhanh thắng nhanh của thực dân Pháp
- C. Tiêu diệt sinh lực địch, củng cố, mở rộng căn cứ địa Việt Bắc
- D. Tấn công vào những hướng quan trọng mà địch không thể bỏ phân tán địch

Câu 53. Ý nghĩa lớn nhất mà quân dân ta đạt được trong chiến dịch Biên Giới – thu đông 1950?

- A. Đã tiêu diệt nhiều sinh lực địch.
- B. Khai thông biên giới Việt Trung với chiều dài 750km.
- C. Nối liền căn cứ địa Việt Bắc với đồng bằng liên khu III, IV.
- D. Ta đã giành quyền chủ động chiến lược trên chiến trường chính Bắc Bộ.

Câu 54. Vì sao cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp bùng nổ đêm 19/12/1946?

- A. thực dân Pháp ngăn cản không cho ta thiết lập quan hệ ngoại giao với cách mạng Trung Quốc
- B. chúng ta biết thế nào thực dân Pháp cũng sẽ gây hấn, nên nổ súng trước để giành thế chủ động
- C. Pháp chưa thỏa mãn hai bản Hiệp định Sơ bộ 6/3 và Tạm ước 14/9 nên chúng gây sự với ta, muốn ta phải kí thêm với chúng một số hiệp ước mới
- D. chúng ta muốn hòa bình, giải quyết mọi vấn đề bằng thương lượng, nhưng dã tâm của Pháp vẫn muốn gây chiến tranh, muốn cướp nước ta lần thứ hai

Câu 55. Trong cuộc kháng chiến chống Pháp (1945 - 1954), chiến thắng nào của quân dân ta đã làm phá sản hoàn toàn kế hoạch đánh nhanh thắng nhanh của thực dân Pháp?

- A. Chiến thắng Việt Bắc (1947)
- B. Chiến thắng biên giới thu- đông (1950)
- C. Chiến thắng Điện Biên Phủ (1954)
- D. Chiến thắng trong đông – xuân (1953 – 1954)

Câu 56. Trong cuộc kháng chiến chống Pháp (1945 - 1954), chiến thắng nào của quân dân ta đã đánh dấu ta giành thế chủ động trên chiến trường chính Bắc Bộ?

- A. Chiến thắng Việt Bắc (1947)
- B. Chiến thắng biên giới thu- đông (1950)
- C. Chiến thắng Điện Biên Phủ (1954)
- D. Chiến thắng trong đông – xuân (1953 – 1954)

Câu 57. Trong cuộc kháng chiến chống Pháp (1945 - 1954), chiến thắng nào của quân dân ta đã làm phá sản hoàn toàn kế hoạch Rơ-ve?

- A. Chiến thắng Việt Bắc (1947)
- B. Chiến thắng biên giới thu- đông (1950)
- C. Chiến thắng Điện Biên Phủ (1954)

D. Chiến thắng trong đông – xuân (1953 – 1954)

Câu 58. Vì sao trong cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp, Đảng chủ trương tiến hành kháng chiến toàn dân?

- A. Do mục tiêu của Pháp là các làng mạc
- B. Do thực dân Pháp đánh ta trên toàn diện
- C. Do so sánh tương quan lực lượng địch mạnh, ta yếu
- D. Xuất phát từ quan điểm cách mạng là sự nghiệp của quần chúng

Câu 59. Vì sao trong cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp, Đảng chủ trương tiến hành kháng chiến lâu dài?

- A. Do mục tiêu của Pháp là các làng mạc
- B. Do thực dân Pháp đánh ta trên toàn diện
- C. Do so sánh tương quan lực lượng địch mạnh, ta yếu
- D. Xuất phát từ quan điểm cách mạng là sự nghiệp của quần chúng

Câu 60. Pháp chuyển sang chiến lược đánh lâu dài chúng tỏ điều gì?

- A. Pháp lâm vào tình trạng lúng túng về chiến lược
- B. Pháp đã mất thế chủ động trên chiến trường chính Bắc Bộ
- C. Pháp đã mất thế chủ động chiến lược trên chiến trường Đông Dương
- D. Pháp đã chuyển sang thế phòng thủ chiến lược trên toàn Đông Dương.

Câu 61. Tác dụng trong cuộc chiến đấu của nhân dân ta trong giai đoạn mở đầu của cuộc kháng chiến toàn quốc cuối 1946 đầu 1947?

- A. Đảm bảo an toàn cho việc chuyển quân của ta
- B. Giãm chân địch trong các đô thị tiêu hao nhiều sinh lực địch
- C. Tạo ra thế trận mới đưa cuộc chiến đấu bước sang giai đoạn mới
- D. Đã tạo ra thế trận chiến tranh nhân dân chuẩn bị cho cuộc chiến đấu lâu dài, toàn dân, toàn diện

Câu 62. Ngày 18 và 19/11/1946 Hội nghị Ban thường vụ Trung ương Đảng đã quyết định vấn đề quan trọng gì?

- A. Quyết định ký Hiệp định Sơ bộ với Pháp.
- B. Hoà hoãn với Pháp để kí Hiệp định Fontainebleau.
- C. Quyết định ủng hộ dân nhân miền Nam kháng Pháp.
- D. Phát động toàn quốc kháng chiến và đề ra đường lối kháng chiến.

Câu 63. Chiến thuật của Pháp khi tấn công Việt Bắc thu – đông 1947?

- A. Bao vây, triệt đường tiếp tế của ta.
- B. Tạo hai gọng kìm khép lại ở Đà Thị.
- C. Cho quân dù bất ngờ tấn công Việt Bắc.
- D. Tạo hai gọng kìm từ Thất Khê và Cao Bằng lên.

Câu 64. Điểm khác nhau cơ bản của chiến dịch Việt Bắc (1947) và chiến dịch Biên giới (1950)?

- A. Ta chủ động chuyển từ đánh nhanh thắng nhanh sang đánh lâu dài
- B. Pháp chủ động chuyển từ đánh nhanh thắng nhanh sang đánh lâu dài
- C. Ta chủ động trong chiến dịch Việt Bắc, Pháp chủ động trong chiến dịch Biên giới
- D. Pháp chủ động trong chiến dịch Việt Bắc, ta chủ động trong chiến dịch Biên giới

Câu 65. Tinh thần yêu chuộng hòa bình của nhân dân ta trong Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh được phát huy như thế nào trong cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển, đảo đối với Trung Quốc hiện nay?

- A. Chia sẻ, đàm phán với Trung Quốc
- B. Chấp nhận đổi một phần chủ quyền biển đảo
- C. Nhân nhượng với Trung Quốc một số điều khoản
- D. Đấu tranh hòa bình trên cơ sở tuân thủ luật pháp quốc tế

Câu 66. Tính chất chính nghĩa và tính nhân dân của cuộc kháng chiến chống Pháp thể hiện ở điểm nào?

- A. Chủ trương, sách lược của Đảng ta
- B. Nội dung đường lối kháng chiến của ta
- C. Quyết tâm kháng chiến của toàn thể dân tộc ta
- D. Mục đích cuộc khởi nghĩa của ta là chính nghĩa

Câu 67. Nhận định nào sau đây là đúng khi nói về chiến dịch Biên giới thu – đông 1950?

- A. Là chiến dịch mở đầu cho 9 năm kháng chiến chống Pháp
- B. Là chiến dịch đầu tiên do bộ đội chủ lực ta chủ động tấn công
- C. Là thắng lợi đầu tiên của ta trong 9 năm kháng chiến chống Pháp
- D. Là thắng lợi có tính quyết định trong cuộc kháng chiến chống Pháp

Câu 68. Năm 1950, các nước xã hội chủ nghĩa đặt quan hệ ngoại giao với Việt Nam. Sự kiện đó thể hiện điều gì trong quan hệ quốc tế sau chiến tranh thế giới thứ hai?

- A. Uy tín nước ta được nâng cao trên trường quốc tế
- B. Nước ta muốn làm bạn với các nước trên thế giới
- C. Nước ta đặt quan hệ ngoại giao với các nước xã hội chủ nghĩa
- D. Chỉ có các nước xã hội chủ nghĩa đặt quan hệ ngoại giao với nước ta

Câu 69. Nguyên tắc quan trọng nhất của Việt Nam trong việc kí kết Hiệp định Sơ bộ (6/3/1946) và Hiệp định Giơnevơ về Đông Dương (21/7/1954) là

- A. phân hóa và cô lập cao độ kẻ thù.
- B. đảm bảo giành thắng lợi từng bước.
- C. giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng.
- D. không vi phạm chủ quyền dân tộc.

Câu 70. Nội dung nào không phản ánh đúng âm mưu của Mĩ ở Đông Dương trong những năm 1951-1954?

- A. Ngăn chặn ảnh hưởng của chủ nghĩa xã hội.
- B. Đưa quân đội tham chiến trực tiếp.
- C. Từng bước thay chân quân Pháp.
- D. Quốc tế hóa chiến tranh Đông Dương.

Câu 71. Trong thời kì 1945-1954, các chiến dịch của quân đội và nhân dân Việt Nam đều nhằm

- A. củng cố và mở rộng căn cứ địa kháng chiến Việt Bắc.
- B. phá âm mưu đánh nhanh, thắng nhanh của giặc Pháp.
- C. hỗ trợ chiến tranh du kích trong vùng tạm bị chiếm.
- D. tiêu diệt một bộ phận sinh lực của thực dân Pháp.

Câu 72. Nguyên nhân quyết định nhất đối với thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của Việt Nam là

- A. toàn quân toàn dân đoàn kết dũng cảm chiến đấu.
- B. sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng.

C. tình đoàn kết chiến đấu của ba dân tộc Đông Dương.

D. sự ủng hộ giúp đỡ của Trung Quốc, Liên Xô.

CHỦ ĐỀ 4: VIỆT NAM TỪ NĂM 1954 ĐẾN NĂM 1975

Câu 1. Nhiệm vụ của cách mạng miền Nam sau Hiệp định Giơnevơ 1954 là

A. đấu tranh đòi Mỹ chấm dứt chiến tranh.

B. chuyển sang làm cách mạng xã hội chủ nghĩa.

C. tiến hành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân.

D. làm hậu phương trong cuộc kháng chiến chống Mỹ.

Câu 2. Từ 1961 – 1965 Mỹ phải chuyển sang thực hiện chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” ở miền Nam Việt Nam vì

A. Mỹ cần đánh thắng miền Bắc nhanh chóng.

B. lực lượng cộng sản ngày càng phát triển mạnh.

C. hình thức thống trị bằng chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm thất bại.

D. cuộc Chiến tranh lạnh giữa Mỹ và Liên Xô phát triển gay gắt.

Câu 3. Âm mưu cơ bản của chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" là

A. "dùng người Việt đánh người Việt".

B. tiến hành dồn dân, lập ấp chiến lược.

C. tăng cường lực lượng quân Ngụy.

D. đưa quân đội viễn chinh và chư hầu sang xâm lược Việt Nam.

Câu 4. Trong cuộc chiến đấu chống chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” quân dân miền Nam đã nổi dậy và tiến công trên ba vùng chiến lược là

A. rừng núi, nông thôn, đô thị .

B. nông thôn, đô thị, đồng bằng.

C. rừng núi, nông thôn, đồng bằng.

D. rừng núi, nông thôn – đồng bằng, đô thị.

Câu 5. Ý nghĩa quan trọng nhất của chiến thắng Ấp Bắc trong cuộc chiến đấu chống “Chiến tranh đặc biệt” của Mỹ ở miền Nam Việt Nam

A. Đánh bại các chiến thuật “trục thẳng vận”, “thiết xa vận” của Mỹ.

B. Đánh dấu bước trưởng thành của lực lượng vũ trang cách mạng Việt Nam.

C. Dấy lên phong trào “Thi đua Ấp Bắc, giết giặc lập công” trên khắp miền Nam.

D. Chứng minh quân dân miền Nam Việt Nam có khả năng đánh bại Chiến tranh đặc biệt” của Mĩ.

Câu 6. Nhiệm vụ trọng tâm của miền Bắc trong quá trình thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất (1961 - 1965) là

A. tiếp tục cải tạo xã hội chủ nghĩa.

B. chi viện tích cực và kịp thời cho miền Nam.

C. hoàn thành công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa.

D. đấu tranh thực hiện hòa bình, thống nhất nước nhà.

Câu 7. Đại hội đại biểu toàn quốc lần III của Đảng diễn ra ở

A. Tuyên Quang B. Hóc Môn C. Cao Bằng D. Hà Nội

Câu 8. Sự kiện nổi bật ngày 16/05/1955 là

A. Miền Bắc hoàn toàn giải phóng

B. Pháp rút quân khỏi miền Nam Việt Nam

C. Mĩ dựng lên chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm

D. Chính Phủ VNDCCH tiếp quản thủ đô Hà Nội

Câu 9. Hình thức đấu tranh của cách mạng Miền Nam 1954 là

A. Khởi nghĩa vũ trang

B. Đấu tranh chính trị kết hợp với vũ trang

C. Đấu tranh vũ trang kết hợp với đấu tranh ngoại giao

D. Đấu tranh chính trị chống Mĩ Diệm đòi thi hành hiệp định Giơnevơ

Câu 10. Pháp rút quân khỏi Việt Nam theo Hiệp định Giơnevơ chưa thực hiện điều khoản nào?

A. Để lại quân đội ở Miền Nam

B. Để lại cố vấn và chuyên viên quân sự

C. Không hàn gắn vết thương chiến tranh

D. Hiệp thương tổng tuyển cử thống nhất Bắc Nam

Câu 11. Vai trò của CMMN được xác định trong Đại hội toàn quốc lần III (9/1960) của Đảng là

- A. thực hiện thống nhất đất nước
- B. bảo vệ miền Bắc xã hội chủ nghĩa
- C. có mối liên hệ mật thiết với cách mạng miền Bắc
- D. trực tiếp chống Mỹ, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân cả nước

Câu 12. Nguyên nhân cơ bản nhất dẫn đến phong trào Đồng Khởi 1959 - 1960 là gì?

- A. Mỹ - Diệm phá hoại hiệp định Giơnevơ.
- B. Thực hiện chính sách "tố cộng, diệt cộng".
- C. Có nghị quyết Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 15 về đường lối cách mạng miền Nam.
- D. Do chính sách cai trị của Mỹ - Diệm làm cho cách mạng miền Nam bị tổn thất nặng nề.

Câu 13. Biện pháp nào sau đây được Mỹ và chính quyền Sài Gòn coi như “xương sống” của “Chiến tranh đặc biệt”?

- A. Lập các “khu trù mật”.
- B. Dồn dân lập “ấp chiến lược”.
- C. Lập các “vành đai trắng”.
- D. Ngăn cản sự chi viện của miền Bắc cho miền Nam.

Câu 14. Phong trào “Đồng Khởi” đánh dấu bước ngoặt của cách mạng miền Nam

- A. chuyển cách mạng từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công.
- B. dẫn đến sự ra đời của Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam.
- C. làm thất bại hoàn toàn chính sách “tố cộng, diệt cộng” của Mỹ – Diệm.
- D. chuyển từ đấu tranh chính trị sang đấu tranh chính trị kết hợp với vũ trang.

Câu 15. Nhiệm vụ chung nhất của cách mạng Việt Nam, được đề ra từ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng (9/1960) là:

- A. đưa cả nước tiến lên xã hội chủ nghĩa.
- B. hoàn thành sự nghiệp giải phóng miền Nam.
- C. đấu tranh chống Mỹ và chính quyền tay sai ở miền Nam
- D. hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước.

- B. Giáng một đòn nặng vào chính sách thực dân kiều mới của Mĩ
- C. Cách mạng miền Nam chuyển từ giữ gìn lực lượng sang thế tiến công
- D. Mĩ phải thừa nhận thất bại trong chiến lược chiến tranh kiều mới ở Miền Nam

Câu 22. Hội nghị lần thứ 15 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam (1-1959) quyết định để nhân dân miền Nam sử dụng bạo lực cách mạng là do

- A. các lực lượng vũ trang cách mạng miền Nam đã phát triển.
- B. Mĩ và chính quyền Sài Gòn phá hoại Hiệp định Giơnevơ.
- C. không thể tiếp tục sử dụng biện pháp hoà bình được nữa.
- D. đã có lực lượng chính trị lớn mạnh.

Câu 23. Đường lối thể hiện sự sáng tạo, độc đáo của Đảng ta trong thời kì chống Mĩ cứu nước từ 1961 - 1965 là

- A. tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc.
- B. tiến hành cách mạng dân tộc dân chủ ở miền Nam.
- C. tiến hành đồng thời cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam và cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc.
- D. đánh Mĩ và tay sai, giải phóng miền Nam, bảo vệ miền Bắc, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước, thống nhất Tổ quốc.

Câu 24. Vì sao Hội nghị lần thứ 15 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (1-1959) quyết định để nhân dân miền Nam sử dụng bạo lực cách mạng?

- A. Đã có lực lượng chính trị lớn mạnh.
- B. Các lực lượng vũ trang cách mạng miền Nam đã phát triển.
- C. Mĩ và chính quyền Sài Gòn phá hoại Hiệp định Giơnevơ.
- D. Không thể tiếp tục sử dụng biện pháp hoà bình được nữa.

Câu 25. Trong những năm 1954 – 1957, hành động của Ngô Đình Diệm khiến nhân dân ta bất bình nhất là

- A. phá hoại hiệp định Giơ ne vơ.
- B. thực hiện chế độ “Gia đình trị”.
- C. tiến hành bầu cử riêng lẻ, phế truất Bảo Đại lên làm Tổng thống.
- D. tuyên bố tại Oa -sinh - ton: “Biên giới Hoa Kỳ kéo dài đến vĩ tuyến 17”.

Câu 26. Thành tựu lớn nhất mà miền Bắc đã đạt được trong thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961 – 1965) là gì?

- A. Văn hóa, giáo dục, y tế đều phát triển.
- D. Bộ mặt miền Bắc thay đổi, đất nước, con người, xã hội đều đổi mới.
- C. Công nghiệp, nông nghiệp đạt được sản lượng cao đủ sức chi viện cho miền Nam.
- D. Thương nghiệp góp phần phát triển kinh tế, củng cố quan hệ sản xuất mới và ổn định đời sống nhân dân.

Câu 27. Việc Mĩ – Diệm thực hiện chiến dịch " Tô cộng, diệt cộng", thực hiện đạo luật 10 -59 chứng tỏ điều gì ?

- A. Mĩ – Diệm rất mạnh
- B. Thể hiện sức mạnh quân sự của Mĩ – Diệm
- C. Sự suy yếu và ngày càng bị cô lập của Mĩ – Diệm
- D. Chính sách độc tài của chính quyền Ngô Đình Diệm

Câu 28. Âm mưu thâm độc nhất của chiến lược " Chiến tranh đặc biệt" là gì ?

- A. Dùng người Việt đánh người Việt
- B. Sử dụng phương tiện chiến tranh và cố vấn Mĩ
- C. Tiến hành dồn dân lập ấp chiến lược
- D. Thực hiện chiến tranh phá hoại miền Bắc

Câu 29. Ý nghĩa quan trọng nhất của phong trào Đồng Khởi là gì ?

- A. Giáng một đòn nặng nề vào chính sách thực dân mới của Mĩ ở Miền Nam
- B. Phá vỡ từng mảng lớn chính quyền của địch
- C. Đánh dấu bước phát triển nhảy vọt của cách mạng miền Nam
- D. Lực lượng vũ trang miền Nam hình thành và phát triển

Câu 30. Cách mạng miền Nam có vai trò như thế nào trong cuộc đấu tranh lật đổ Mĩ – Diệm, thống nhất đất nước ?

- A. Có vai trò quan trọng nhất
- B. Có vai trò cơ bản nhất
- C. Có vai trò quyết định nhất
- D. Có vai trò quyết định trực tiếp

Câu 31. Những toán quân Pháp cuối cùng rút khỏi miền Bắc nước ta ở địa điểm nào?

- A. Hà Nội.
- B. Ninh Bình .
- C. Quảng Ninh.
- D. Đảo Cát Bà, Hải Phòng.

Câu 32. Khi quân Pháp rút khỏi nước ta, điều khoản nào của Hiệp định Giơnevơ năm 1954 chưa thực hiện?

- A. Để lại cố vấn quân sự.
- B. Không bồi thường chiến tranh.
- C. Để lại quân đội ở miền Nam.
- D. Hiệp thương tổng tuyển cử thống nhất hai miền Nam - Bắc.

Câu 33. Sau khi quân Pháp rút khỏi nước ta, Mĩ đã có hành động gì?

- A. Trực tiếp đưa quân đội vào thay quân Pháp.
- B. Biến nước ta thành thị trường tiêu thụ hàng hóa của Mĩ.
- C. Ủng hộ Ngô Đình Diệm lên nắm toàn bộ chính quyền.
- D. Biến miền Nam Việt Nam thành thuộc địa và căn cứ quân sự của Mĩ ở Đông Nam Á.

Câu 34. Sau thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp, Đảng và Chính phủ đã có việc làm gì để đáp ứng quyền lợi kinh tế, chính trị của nông dân miền Bắc?

- A. Giảm tô, giảm tức cho nông dân.
- B. Khuyến khích nhân dân tăng gia sản xuất.
- C. Đẩy mạnh phát động quần chúng thực hiện cải cách ruộng đất.
- D. Xây dựng các hợp tác xã nông nghiệp bậc cao.

Câu 35. Cách mạng miền Nam từ giữa năm 1954 đã chuyển sang hình thức đấu tranh nào?

- A. Đấu tranh chính trị kết hợp với vũ trang.
- B. Khởi nghĩa vũ trang ở nông thôn.
- C. Kết hợp đấu tranh vũ trang với đấu tranh ngoại giao.
- D. Đấu tranh chính trị chống Mĩ - Diệm đòi thi hành Hiệp định Giơnevơ.

Câu 36. Hội nghị lần thứ 15 (1/1959) ban Chấp hành trung ương Đảng đã có quyết định?

- A. dùng đấu tranh ngoại giao đàm phán để kết thúc chiến tranh.

B. để nhân dân miền Nam sử dụng bạo lực cách mạng đánh đổ chính quyền Mĩ - Diệm.

C. tiếp tục đấu tranh chính trị kết hợp với đấu tranh vũ trang.

D. tiếp tục đấu tranh buộc chính quyền Ngô Đình Diệm phải thực hiện Hiệp định Giơnevơ.

Câu 37. Nội dung nào không phải ý nghĩa của phong trào Đồng khởi?

A. Giáng đòn nặng nề vào chính sách thực dân mới của Mĩ

B. Làm lung lay tận gốc chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm.

C. Cách mạng miền Nam chuyển từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công.

D. Mĩ phải thừa nhận thất bại trong chiến lược chiến tranh thực dân kiểu mới ở miền Nam.

Câu 38. Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng (9/1960) xác định vai trò của cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền nam là?

A. thống nhất nước nhà.

B. lật đổ chính quyền Ngô Đình Diệm .

C. quyết định trực tiếp đối với sự nghiệp giải phóng miền Nam.

D. trực tiếp chống Mĩ, hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân.

Câu 39. Văn kiện nào đã được thông qua trong Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng (9/1960)?

A. Chỉ thị toàn dân kháng chiến.

B. Tuyên ngôn, chính cương điều lệ mới của Đảng.

C. Báo cáo chính trị, báo cáo bàn về cách mạng Việt Nam.

D. Báo cáo chính trị, báo cáo sửa đổi điều lệ Đảng, kế hoạch nhà nước 5 năm lần thứ nhất.

Câu 40: Công cụ chiến lược của đế quốc Mĩ trong âm mưu biến miền Nam Việt Nam thành thuộc địa kiểu mới trong giai đoạn 1961 - 1965 là

A. quân đội và chính quyền Sài Gòn

B. cố vấn Mĩ

C. chiến thuật trực thăng vận và thiết xa vận

D. đồn dân lập Ấp chiến lược

Câu 41. Trong thời kì 1954 - 1975, phong trào nào đánh dấu bước phát triển của cách mạng Việt Nam từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công?

- A. Phong trào "Đồng khởi".
- B. Phong trào phá Ấp chiến lược.
- C. Phong trào thi đua Ấp Bắc giết giặc lập công.
- D. Phong trào tìm Mỹ mà đánh, lùng ngụy mà diệt.

Câu 42. Cải cách ruộng đất (1954 - 1956) ở miền Bắc đã thực hiện triệt để khẩu hiệu nào?

- A. "Tác đất tác vàng".
- B. "Tăng gia sản xuất nhanh, tăng gia sản xuất nữa".
- C. "Người cày có ruộng".
- D. "Độc lập dân tộc" và "Ruộng đất dân cày".

Câu 43. Nội dung nào sau đây *không phải* lí do để Đảng và Chính phủ quyết định "Đẩy mạnh phát động quần chúng thực hiện cải cách ruộng đất".

- A. Củng cố khối liên minh công nông.
- B. Mở rộng hơn nữa mặt trận dân tộc thống nhất.
- C. Tiến tới xây dựng chính quyền do nhân dân làm chủ sau cải cách ruộng đất.
- D. Triệt để xóa bỏ sự bóc lột của địa chủ phong kiến với nông dân, thực hiện khẩu hiệu "người cày có ruộng".

Câu 44. Ý nào sau đây *không* phản ánh đúng thắng lợi quan trọng trong công cuộc cải cách ruộng đất ở miền Bắc (1954 - 1956)?

- A. Đưa nông dân lên địa vị làm chủ nông thôn.
- B. Đã đánh đổ hoàn toàn giai cấp địa chủ phong kiến.
- C. Giải phóng hoàn toàn nông dân khỏi ách áp bức, bóc lột của địa chủ phong kiến.
- D. Đã đánh đổ hoàn toàn nông dân khỏi ách áp bức, bóc lột của đế quốc và địa chủ phong kiến.

Câu 45. Trong những năm 1954 - 1960, cách mạng miền Bắc thực hiện nhiều nhiệm vụ khác nhau, ngoại trừ

- A. hoàn thành cải cách ruộng đất.
- B. khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh.

- C. xây dựng nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa.
- D. cải tạo quan hệ sản xuất, bước đầu phát triển kinh tế - xã hội.

Câu 46. Ý nào sau đây *không phải* nhiệm vụ của cách mạng miền Bắc (1954 - 1965)?

- A. Khôi phục kinh tế.
- B. Hàn gắn vết thương chiến tranh.
- C. Đấu tranh chống Mĩ - Diệm.
- D. Đưa miền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Câu 47. Nét nổi bật nhất về tình hình chính trị ở Việt Nam sau khi Hiệp định Giơnevơ về Đông Dương được kí kết là

- A. Hà Nội được giải phóng.
- B. Pháp rút quân khỏi miền Bắc.
- C. đất nước bị chia cắt làm hai miền với hai chế độ chính trị - xã hội khác nhau.
- D. nhân dân hai miền tiến hành tổ chức hiệp thương tổng tuyển cử thống nhất đất nước.

Câu 48. Sau Hiệp định Giơnevơ về Đông Dương, nhiệm vụ chung của cách mạng nước ta là

- A. xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc.
- B. giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.
- C. đấu tranh chống chế độ Mĩ - Diệm và chiến tranh phá hoại ở miền Bắc.
- D. đưa miền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam.

Câu 49. Ý nào sau đây *không* phản ánh đúng nhiệm vụ của cách mạng miền Nam những năm 1954 - 1959 là

- A. giữ gìn và phát triển lực lượng cách mạng.
- B. đấu tranh bảo vệ hòa bình, đòi quyền dân sinh, dân chủ.
- C. đòi Mĩ - Diệm nghiêm chỉnh thi hành Hiệp định Giơnevơ năm 1954.
- D. chuyển từ đấu tranh chống Pháp sang đấu tranh vũ trang chống Mĩ Diệm.

Câu 50. Kết quả to lớn nhất của phong trào "Đồng Khởi" (1959 - 1960) là

- A. làm lung lay tận gốc chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm.

B. Giáng đòn nặng nề vào chính sách thực dân mới của Mĩ.

C. Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam ra đời ngày 20/12/1960.

D. đến cuối 1960, ta đã làm chủ 600 xã ở Nam Bộ, 904 thôn ở vùng núi các tỉnh Trung Trung Bộ, 3200 thôn ở Tây Nguyên.

Câu 51. Với chiến thắng của phong trào "Đồng Khởi", quân và dân miền Nam đã làm phá sản chiến lược chiến tranh nào của Mĩ?

A. "Chiến tranh cục bộ".

B. "Chiến tranh đơn phương".

C. "Chiến tranh đặc biệt".

D. "Việt Nam hóa chiến tranh".

Câu 52. Sắp xếp theo thứ tự thời gian các chiến lược chiến tranh mà Mĩ thực hiện ở Việt Nam trong những năm 1954 - 1973.

1. "Chiến tranh cục bộ".

2. "Chiến tranh đơn phương".

3. "Chiến tranh đặc biệt".

4. "Việt Nam hóa chiến tranh".

A. 2 - 3 - 1 - 4.

B. 1 - 2 - 3 - 4.

C. 2 - 3 - 4 - 1.

D. 3 - 1 - 2 - 4.

Câu 53. Những chiến thắng nào góp phần làm phá sản chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" của Mĩ là

A. Bình Giã, Ba Gia, Đồng Xoài, Núi Thành.

B. Ấp Bắc, Bình Giã, Ba Gia, Đồng Xoài, An Lão.

C. Bình Giã, An Lão, Ba Gia, Đồng Xoài.

D. Ấp Bắc, Bình Giã, Ba Gia, Đồng Xoài, Vạn Tường.

Câu 54. Chỗ dựa của chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" của Mĩ ở miền Nam là

A. hệ thống cố vấn Mĩ.

B. Lực lượng quân đội tay sai.

C. "Áp chiến lược".

D. "Áp chiến lược" và quân đội tay sai.

Câu 55. Nhiệm vụ của cách mạng miền Nam sau năm 1954 là

A. khôi phục kinh tế.

B. hàn gắn vết thương chiến tranh.

C. xây dựng chủ nghĩa xã hội.

D. tiếp tục cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, thực hiện hòa bình thống nhất nước nhà.

Câu 56. Hội nghị lần thứ 15 BCH Trung ương Đảng (01/1959) đã họp bàn và đề ra đường lối cho cách mạng miền Nam là

A. tiến hành tổng tiến công và nổi dậy giải phóng miền Nam khỏi ách thống trị của Mĩ - Diệm.

B. đấu tranh chính trị là chủ yếu, kết hợp với đấu tranh vũ trang đánh đổ ách thống trị của Mĩ - Diệm.

C. kiên cường con đường đấu tranh chính trị, hòa bình, chuẩn bị sẵn sàng lực lượng, chờ khi có thời cơ sẽ sẵn sàng nổi dậy đánh đổ Mĩ - Diệm.

D. đẩy mạnh "phong trào hòa bình" trên toàn miền Nam, chuyển từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công, mở ra thời kì khủng hoảng của chế độ Mĩ - Diệm.

Câu 57. Để thực hiện chiến lược "Chiến tranh đặc biệt", Mĩ đã sử dụng lực lượng quân đội nào là chủ yếu?

A. Lực lượng quân Mĩ.

B. Lực lượng quân đội Sài Gòn.

C. Lực lượng quân viễn chinh Mĩ.

D. Quân đội Sài Gòn, quân Mĩ và quân các nước đồng minh.

Câu 58. Cho thông tin sau: "Tháng 01/1959, Hội nghị lần thứ 15 BCH Trung ương đảng đã quyết định để nhân dân miền Nam sử dụng (1).....đánh đổ chính quyền Mĩ - Diệm. Hội nghị nhấn mạnh: Ngoài con đường dùng bạo lực cách mạng, nhân dân miền Nam không có con đường nào khác. Phương hướng cơ bản của cách mạng miền Nam là (2).....giành chính quyền về tay nhân dân bằng con đường đấu tranh (3)..... là chủ yếu, kết hợp với đấu tranh (4).....đánh đổ ách thống trị của Mĩ - Diệm". (SGK Lịch sử 12, tr 164)

A. (1) bạo lực cách mạng; (2) khởi nghĩa; (3) vũ trang; (4) chính trị.

B. (1) bạo lực cách mạng; (2) khởi nghĩa; (3) chính trị; (4) vũ trang.

C. (1) bạo lực cách mạng; (2) vũ trang; (3) khởi nghĩa ; (4) chính trị.

D. (1) bạo lực cách mạng; (2) chính trị; (3) khởi nghĩa; (4) vũ trang.

Câu 59. Cho thông tin sau: "Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng (9/1960) đã đề ra nhiệm vụ chiến lược của cách mạng cả nước và

nhệm vụ của cách từng miền. Cách mạng miền Bắc có vai trò (1).....đối với sự phát triển của cách mạng cả nước. Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam có vai trò (2).....đối với sự nghiệp giải phóng miền Nam. Cách mạng hai miền có (3)....., gắn bó và tác động lẫn nhau nhằm hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước, thực hiện hòa bình, thống nhất đất nước".

- A. (1) quyết định nhất; (2) quyết định trực tiếp; (3) quan hệ mật thiết.
- B. (1) quyết định trực tiếp; (2) quyết định nhất; (3) quan hệ mật thiết.
- C. (1) quyết định nhất; (2) quan hệ mật thiết; (3) quyết định trực tiếp.
- D. (1) quyết định trực tiếp; (2) quan hệ mật thiết; (3) quyết định nhất.

Câu 60. Hình thức đấu tranh chủ yếu chống Mĩ - Diệt của nhân dân miền Nam trong những năm đầu sau Hiệp định Giơnevơ là

- A. đấu tranh vũ trang.
- B. đấu tranh chính trị, hòa bình.
- C. khởi nghĩa giành chính quyền.
- D. dùng bạo lực cách mạng.

Câu 61. Chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" của Mĩ triển khai ở miền Nam Việt Nam trong những năm 1961 - 1965 là

- A. hình thức chiến tranh thực dân kiểu mới, được tiến hành bằng quân đội tay sai, dưới sự chỉ huy của hệ thống cố vấn quân sự Mĩ, dựa vào vũ khí, trang bị kỹ thuật, phương tiện chiến tranh của Mĩ, nhằm chống lại các lực lượng cách mạng và nhân dân ta.
- B. hình thức chiến tranh thực dân kiểu mới, được tiến hành bằng hệ thống cố vấn quân sự Mĩ và quân đội tay sai, nhằm chống lại các lực lượng cách mạng và nhân dân ta.
- C. hình thức chiến tranh thực dân kiểu mới, được tiến hành bằng lực lượng quân đội Mĩ, quân một số nước đồng minh của Mĩ và quân đội Sài Gòn.
- D. hình thức chiến tranh thực dân kiểu mới, được tiến hành bằng lực lượng quân đội Sài Gòn là chủ yếu, có sự phối hợp về hỏa lực, không quân Mĩ, vẫn do cố vấn Mĩ chỉ huy.

Câu 62. Sau Hiệp định Giơnevơ 1954 về Đông Dương, nhân dân ta không thể tiến hành công cuộc tổng tuyển cử để thống nhất đất nước, vì

- A. hậu quả của cuộc chiến tranh kéo dài 9 năm (1945 - 1954) cản trở kế hoạch của ta.
- B. Mĩ phá hoại Hiệp định, dựng lên chính quyền tay sai, thực hiện chia cắt lâu dài nước ta.
- C. đồng bào hai miền Nam - Bắc khó khăn trong việc đi lại để tham gia tổng tuyển cử.
- D. thiếu một ủy ban quốc tế giám sát cuộc tổng tuyển cử tự do.

Câu 63. Trích đoạn sau đây là quyết định của Hội nghị nào?

Hội nghị nêu rõ: "Ngoài con đường dùng bạo lực cách mạng, nhân dân miền Nam không có con đường nào khác. Phương hướng cơ bản của cách mạng miền Nam là khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân bằng con đường đấu tranh chính trị là chủ yếu, kết hợp với đấu tranh vũ trang đánh đổ ách thống trị của Mĩ - Diệm". (SGK Lịch sử 12, trang 164)

- A. Hội nghị lần thứ 15 BCH Trung ương Đảng (01/1959).
- B. Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III (9/1960).
- C. Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương Đảng (12/1946).
- D. Hội nghị BCH Trung ương Đảng lần thứ 21 (7/1973).

Câu 64. Ý nghĩa lớn nhất của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu 1968 là

- A. Mỹ phải đến Hội nghị Pari để đàm phán với ta.
- B. buộc Mỹ phải chấm dứt không điều kiện chiến tranh phá hoại miền Bắc.
- C. làm lung lay ý chí xâm lược của quân viễn chinh Mỹ, buộc Mỹ phải tuyên bố "phi Mỹ hóa" chiến tranh xâm lược.
- D. giáng một đòn nặng vào quân Mỹ, làm cho chúng không dám đưa quân Mỹ và chư hầu vào miền Nam.

Câu 65. Tội ác tàn bạo nhất của Mĩ trong việc đánh phá miền Bắc nước ta là?

- A. Đánh phá vào các mục tiêu quân sự.
- B. Đánh phá vào các đầu mối giao thông

C. Đánh phá vào các nhà máy, xí nghiệp, hầm mỏ.

D. Ném bom vào khu dân cư, trường học, bệnh viện, nhà trẻ, khu an dưỡng.

Câu 66. Âm mưu của Mĩ trong chiến lược "Chiến tranh cục bộ" là

A. đánh bại quân chủ lực của ta và kết thúc chiến tranh.

B. tạo ra ưu thế về binh lực và hỏa lực để áp đảo quân chủ lực của ta, giành lại thế chủ động trên chiến trường.

C. Giành lại thế chủ động trên chiến trường miền Nam và mở rộng chiến tranh sang Lào và Campuchia.

D. củng cố lực lượng quân đội Sài Gòn để có thể giành lại thế chủ động trên chiến trường, đẩy lực lượng vũ trang của ta ra khỏi miền Nam.

Câu 67. Chiến lược "Chiến tranh cục bộ" ra đời trong hoàn cảnh nào?

A. Sau phong trào "Đồng Khởi"

B. Sau sự thất bại của chiến lược "Chiến tranh đơn phương".

C. Sau sự thất bại của chiến lược "Chiến tranh đặc biệt".

D. Sau cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu thân 1968.

Câu 68. Cùng với việc thực hiện chiến lược "Chiến tranh cục bộ" ở miền Nam, Mĩ còn mở rộng chiến tranh ở đâu?

A. Sang Lào

B. Sang Campuchia.

C. Toàn bộ Đông Dương.

D. Mở rộng chiến tranh phá hoại miền Bắc.

Câu 69. "Chiến tranh cục bộ" là loại hình chiến tranh nào?

A. Kinh tế.

B. Ngoại giao.

C. Thực dân kiểu cũ.

D. Thực dân kiểu mới.

Câu 70. Cuộc tiến công chiến lược năm 1972 của quân dân ta đã buộc Mĩ phải

A. rút khỏi chiến tranh Việt Nam, tút hết quân về nước.

B. tuyên bố "Mĩ hóa" trở lại chiến tranh xâm lược.

C. huy động quân đội các nước đồng minh của Mĩ tham chiến.

D. dùng thủ đoạn ngoại giao như thỏa hiệp với Trung Quốc và hòa hoãn với Liên Xô để gây sức ép đối với quân ta.

Câu 71. Chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" của Mĩ được tiến hành bằng lực lượng

A. quân đội Mĩ là chủ yếu.

B. quân đội Sài Gòn là chủ yếu.

C. quân đồng minh của Mĩ là chủ yếu.

D. quân đội Sài Gòn là chủ yếu, có sự phối hợp về hỏa lực, không quân và hậu cần của Mĩ.

Câu 72. Âm mưu của Mĩ trong việc thực hiện chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" là

A. "lấy chiến tranh nuôi chiến tranh".

B. "dùng người Việt đánh người Việt".

C. "dùng người Đông Dương đánh người Đông Dương".

D. "dùng quân đồng minh của Mĩ đánh người Việt".

Câu 73. Điểm khác nhau giữa "Chiến tranh cục bộ" và "Chiến tranh đặc biệt" được thể hiện ở nội dung nào sau đây?

- A. Tăng cường viện trợ cho quân đội Sài Gòn.
- B. Sử dụng cố vấn Mỹ, vũ khí và phương tiện chiến tranh của Mỹ.
- C. Là loại hình chiến tranh thực dân mới nhằm chống lại cách mạng miền Nam.
- D. Sử dụng lực lượng quân viễn chinh Mỹ, quân chư hầu và tiến hành chiến tranh phá hoại miền Bắc.

Câu 74: Ý nghĩa nào sau đây không nằm trong thắng lợi của cuộc Tiến công chiến lược 1972?

- A. Mở ra bước ngoặt của cuộc kháng chiến chống Mỹ.
- B. Buộc Mỹ ngừng ném bom bắn phá miền bắc 12 ngày đêm.
- C. Giáng một đòn mạnh vào quân ngụy và quốc sách “bình định” của Việt Nam hóa chiến tranh.
- D. Buộc Mỹ tuyên bố “Mỹ hóa” trở lại chiến tranh xâm lược, thừa nhận sự thất bại của Mỹ trong chiến lược “Việt nam hóa chiến tranh”.

Câu 75. Hạn chế lớn nhất làm mục tiêu của cuộc tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968 không đạt được là gì?

- A. Lực lượng của địch còn đông, cơ sở ở thành thị còn mạnh.
- B. Ta chủ quan trọng việc đánh giá cao lực lượng của mình, đánh giá thấp lực lượng địch.
- C. Do tư tưởng nóng vội, muốn giành thắng lợi lớn, kết thúc nhanh chiến tranh.
- D. Chỉ đạo không chủ động, kịp thời điều chỉnh kế hoạch rút khỏi thành phố sau đợt I.

Câu 76. Chiến lược "Chiến tranh cục bộ" khác chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" ở điểm nào?

- A. Đặt dưới sự chỉ huy của cố vấn Mỹ.
- B. Quân đội Sài Gòn đóng vai trò chính trên chiến trường.
- C. Sử dụng quân đội Mỹ và quân đồng minh trực tiếp tham chiến.
- D. Quân Mỹ và quân đội Sài Gòn tổ chức đánh đồng loạt vào các căn cứ chính của ta.

Câu 77. Điểm giống nhau về nội dung giữa Hiệp định Giơnevơ và Hiệp định Pari là

- A. điều qui định việc tập kết, chuyển quân giữa hai bên tham gia chiến tranh.
- B. điều đưa đến việc chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam.
- C. điều khẳng định Việt Nam sẽ thống nhất đất nước bằng cuộc Tổng tuyển cử tự do.
- D. điều qui định việc rút quân của quân đội các nước đế quốc xâm lược trong vòng 2 năm.

Câu 78. Chiến thắng Vạn Tường (18- 8- 1968) đã chứng tỏ điều gì?

- A. Lực lượng vũ trang miền Nam đã trưởng thành.

B. Quân viễn chinh Mỹ đã mất khả năng chiến đấu.

C. Lực lượng vũ trang cách mạng miền Nam đủ sức đương đầu và đánh bại quân viễn chinh Mỹ.

D. Cách mạng miền Nam đã giành thắng lợi trong việc đánh bại “chiến tranh cục bộ” của Mỹ.

Câu 79. Trong các điều khoản của Hiệp định Pa ri, điều khoản nào có ý nghĩa nhất đối với sự nghiệp giải phóng miền Nam?

A. Các bên ngừng bắn tại chỗ, trao trả tù binh và dân thường bị bắt.

B. Hoa Kỳ và các nước cam kết tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam.

C. Hoa Kỳ rút hết quân đội của mình và quân Đồng minh, phá hết căn cứ quân sự, cam kết không tiếp tục dính líu quân sự hoặc can thiệp vào công việc nội bộ của miền Nam Việt Nam.

D. Các bên để nhân dân miền Nam tự quyết định tương lai chính trị của họ thông qua tổng tuyển cử tự do.

Câu 80. Vai trò hậu phương lớn của miền Bắc đối với miền Nam được thể hiện qua khẩu hiệu?

A. "Vì miền Nam ruột thịt".

B. "Tăng gia sản xuất ngay, tăng gia sản xuất nữa".

C. "Tất đất tất vàng", "Không một tất đất bỏ hoang".

D. "Thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người".

Câu 81. Chiến thắng nào của quân và dân ta đã buộc Mỹ phải tuyên bố ngừng hẳn các hoạt động chống phá miền Bắc và kí Hiệp định Pari 1973 về Việt Nam?

A. Chiến thắng Ấp Bắc.

B. Chiến thắng Bình Giã.

C. Thắng lợi của trận "Điện Biên Phủ trên không".

D. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968.

Câu 82. Ưu thế về quân sự trong "Chiến tranh cục bộ" của Mỹ là gì?

A. Nhiều máy bay

B. Nhiều xe tăng.

C. Quân số đông, vũ khí hiện đại. D. Thực hiện nhiều chiến thuật mới.

Câu 83. Trận Vạn Tường thể hiện khả năng như thế nào của ta?

A. Không thể đánh thắng Mĩ bằng quân sự.

B. Chiến thắng Mĩ trên mặt trận chính trị.

C. Chiến thắng Mĩ trên mặt trận ngoại giao.

D. Chiến thắng quân Mĩ về quân sự trong "Chiến tranh cục bộ".

Câu 84. Nhóm nước nào dưới đây tham gia quân đội "Đồng minh" do Mĩ phát động trong cuộc chiến tranh ở Việt Nam?

A. Hàn Quốc, Thái Lan, Philippin, Ôxtrâyliya, NiuDilân.

B. Hàn Quốc, Thái Lan, Indônêxia, Ôxtrâyliya, NiuDilân.

C. Malaixia, Thái Lan, Philippin, Ôxtrâyliya, NiuDilân.

D. Singapo, Thái Lan, Philippin, Ôxtrâyliya, NiuDilân.

Câu 85. Chiến thuật quân sự được Mĩ sử dụng trong chiến lược "Chiến tranh cục bộ" là

A. lập "áp chiến lược".

B. "trục thẳng vận" và "thiết xa vận".

C. "tìm diệt" và "lấn chiếm".

D. "tìm diệt" và "bình định".

Câu 86. Chiến thắng của quân dân miền Bắc trong chiến đấu chống chiến tranh bằng không quân và hải quân phá hoại lần thứ hai của Mĩ được coi như

A. trận Chi Lăng.

B. trận Đống Đa.

C. trận Bạch Đằng.

D. Trận "Điện Biên Phủ trên không".

Câu 87. Chiến thắng nào đã mở đầu cho cao trào "Tìm Mĩ mà đánh, lùng ngụy mà diệt" trên toàn miền Nam?

A. Chiến thắng Ấp Bắc.

B. Chiến thắng Vạn Tường.

C. Chiến thắng mùa khô thứ nhất.

D. Chiến thắng mùa khô thứ hai

Câu 88. Mĩ bắt đầu áp dụng chiến lược "Chiến tranh cục bộ" ở Việt Nam từ

A. đầu năm 1965.

B. giữa năm 1965.

C. cuối năm 1965.

D. giữa năm 1966.

Câu 89. Những lực lượng nào tham gia chiến lược "Chiến tranh cục bộ"?

A. Quân Mỹ và quân đội Sài Gòn.

B. Quân Mỹ, quân một số nước đồng minh của Mỹ.

C. Quân đội Sài Gòn.

D. Quân Mỹ, quân một số nước đồng minh của Mỹ và quân đội Sài Gòn .

Câu 90. Ưu thế về quân sự của Mỹ trong chiến lược "Chiến tranh cục bộ" là

A. nhiều vũ khí hiện đại.

B. không quân, hải quân.

C. quân số đông, vũ khí hiện đại.

D. thực hiện nhiều chiến thuật mới.

Câu 91. Ý nào thể hiện điểm khác nhau của chiến lược "Chiến tranh cục bộ" so với chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" mà Mỹ thực hiện ở miền Nam Việt Nam?

A. Dùng người Việt đánh người Việt.

B. Là loại hình chiến tranh thực dân mới nhằm chống lại cách mạng miền Nam.

C. Được tiến hành bằng lực lượng quân đội Sài Gòn, quân viễn chinh Mỹ, quân đồng minh của Mỹ.

D. Được tiến hành bằng lực lượng quân đội Sài Gòn, quân viễn chinh Mỹ với vũ khí, trang thiết bị kỹ thuật, phương tiện chiến tranh của Mỹ.

Câu 92. Chiến thắng trong trận Vạn Tường thể hiện khả năng gì của quân ta trong chiến đấu chống chiến lược "Chiến tranh cục bộ"?

A. Có khả năng đánh thắng quân Mỹ trong "Chiến tranh cục bộ" .

B. Đánh thắng hoàn toàn quân Mỹ trong chiến lược "Chiến tranh cục bộ".

C. Chiến thắng Mỹ trên mặt trận chính trị trong chiến lược "Chiến tranh cục bộ".

D. Chiến thắng Mỹ trên mặt trận ngoại giao trong chiến lược "Chiến tranh cục bộ".

Câu 93. Tại sao Mỹ lại chuyển sang chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh"?

A. Thất bại ở trận Vạn Tường.

B. Thất bại của chiến lược "Chiến tranh cục bộ".

C. Thất bại trong cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc.

D. Thất bại trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân (1968) của quân ta.

Câu 94. Mĩ dựa vào sự kiện nào để lấy cớ đánh phá miền Bắc bằng không quân và hải quân?

A. Sự kiện Vịnh Bắc Bộ.

B. Mĩ thất bại trong trận Vạn Tường.

C. Quân và dân ta mở cuộc Tổng tiến công nổi dậy Xuân Mậu Thân năm 1968.

D. Mĩ thất bại trong hai mùa khô 1965-1966, 1966-1967.

Câu 95. Ý nghĩa lớn nhất của chiến thắng Vạn Tường năm 1965?

A. Tạo ra bước ngoặt của chiến tranh.

B. Buộc Mĩ phải chuyển sang chiến lược khác.

C. Đánh bại Mĩ về quân sự.

D. Được coi là "trận Ấp Bắc" đối với quân Mĩ, mở đầu cao trào "Tìm Mĩ mà đánh, lùng ngụy mà diệt" trên khắp chiến trường miền Nam.

Câu 96. Trong chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh", "Đông Dương hóa chiến tranh" Mĩ đã sử dụng âm mưu thâm độc nào gây bất lợi cho cuộc kháng chiến của nhân dân ta?

A. Mở rộng chiến tranh ra toàn Đông Dương.

B. Tiến hành bằng quân đội Sài Gòn là chủ yếu, có sự phối hợp về hỏa lực không quân, hậu cần Mĩ.

C. Tiếp tục âm mưu "Dùng người Việt đánh người Việt", "Dùng người Đông Dương đánh người Đông Dương".

D. Dùng thủ đoạn ngoại giao: lợi dụng mâu thuẫn Trung - Xô, thỏa hiệp với Trung Quốc, hòa hoãn với Liên Xô.

Câu 97. Trận "Điện Biên Phủ trên không" là kết quả của chiến thắng lịch sử nào của quân dân ta?

A. Đánh bại cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ nhất của Mĩ.

B. Đánh bại cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ hai của Mĩ.

- C. Đánh bại cuộc tập kích chiến lược 12 ngày đêm của Mĩ ra miền Bắc.
- D. Đánh bại hai lần chiến tranh phá hoại miền Bắc của Mĩ.

Câu 98: Ngày 24, 25 - 4 - 1970, Hội nghị cấp cao 3 nước Đông Dương họp nhằm mục đích gì?

- A. Đoàn kết cùng nhau kháng chiến chống Mĩ.
- B. Vạch trần âm mưu "Đông Dương hóa chiến tranh" của đế quốc Mĩ.
- C. Xây dựng căn cứ địa kháng chiến của nhân dân ba nước Đông Dương.
- D. Đối phó với âm mưu của đế quốc Mĩ và biểu thị quyết tâm đoàn kết chiến đấu chống Mĩ của nhân dân ba nước Đông Dương.

Câu 99. Ý nào sau đây không phản ánh đúng điểm giống nhau giữa hai chiến lược "Chiến tranh cục bộ" và "Chiến tranh đặc biệt"?

- A. Đều hoạt động chống lại cách mạng và nhân dân ta.
- B. Đều phối hợp hoạt động quân sự với chính trị, ngoại giao.
- C. Đều có quân Mĩ vừa trực tiếp chiến đấu, vừa là cố vấn chỉ huy.
- D. Đều là những cuộc chiến tranh xâm lược nhằm chiếm đất, giành dân, đặt ách thống trị thực dân mới.

Câu 100. Chiến thắng được coi là "Áp Bắc" đối với quân viễn chinh Mĩ, mở đầu cho cao trào "Tìm Mĩ mà đánh, lùng ngụy mà diệt" trên khắp miền Nam là chiến thắng

- A. Vạn Tường (Quảng Ngãi).
- B. Núi Thành (Quảng Nam).
- C. Trà Bồng (Quảng Ngãi).
- D. Phước Long.

Câu 101. Ý nào sau đây không phản ánh đúng âm mưu và thủ đoạn của Mĩ trong chiến lược "Chiến tranh cục bộ" ở miền Nam là

- A. dồn dân lập "ấp chiến lược" và coi đây là "xương sống" của chiến lược.
- B. nhanh chóng tạo ra ưu thế mới về binh lực và hỏa lực có thể áp đảo quân chủ lực của ta bằng các cuộc hành quân và tìm diệt
- C. cố giành thế chủ động trên chiến trường, đẩy lực lượng vũ trang của ta trở về thế phòng ngự, buộc ta phải phân tán nhỏ hoặc rút về biên giới.

D. mở những cuộc hành quân "tìm diệt" vào căn cứ của Quân giải phóng, các cuộc hành quân "tìm diệt" và "bình định" vào vùng đất thánh Việt cộng.

Câu 102. Chiến thắng Vạn Tường (Quảng Ngãi, tháng 8/1965) chứng tỏ điều gì?

A. Quân đồng minh Mĩ đã mất khả năng chiến đấu.

B. Cách mạng miền Nam đã đánh thắng "Chiến tranh cục bộ" của Mĩ.

C. Lực lượng vũ trang miền Nam đã trưởng thành nhanh chóng.

D. Lực lượng vũ trang cách mạng miền Nam đủ sức đương đầu và đánh bại quân viễn chinh Mĩ.

Câu 103. Ý nào sau đây không phản ánh đúng âm mưu của Mĩ trong việc tiến hành chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ nhất là

A. làm lung lay ý chí chống Mĩ, cứu nước của nhân dân ta.

B. mở rộng xâm lược miền Bắc, buộc ta phải khuất phục trên bàn đàm phán.

C. phá tiềm lực kinh tế, quốc phòng, công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc.

D. ngăn chặn nguồn chi viện từ ngoài vào miền Bắc và từ miền Bắc vào miền Nam.

Câu 104. Ý nghĩa to lớn nhất của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu 1968 là

A. Mỹ phải chấp nhận đàm phán ở Hội nghị Pari để bàn về chấm dứt chiến tranh.

B. buộc Mỹ phải chấm dứt không điều kiện chiến tranh phá hoại miền Bắc.

C. làm lung lay ý chí xâm lược của quân viễn chinh Mỹ, buộc Mỹ phải thừa nhận thất bại của chiến lược "Chiến tranh cục bộ".

D. đòn bất ngờ làm địch hoảng loạn.

Câu 105. Bước vào mùa xuân năm 1968, ta chủ trương mở cuộc Tổng tiến công và nổi dậy trên toàn miền Nam là xuất phát từ cơ sở nào?

A. So sánh lực lượng đã thay đổi có lợi cho ta sau hai mùa khô và lợi dụng mâu thuẫn ở Mĩ trong năm bầu cử tổng thống.

B. Sự thất bại nặng nề của quân Mĩ và quân đội Sài Gòn trong hai mùa khô 1965 - 1966 và 1966 - 1967.

C. Mâu thuẫn giữa Mĩ và chính quyền Sài Gòn xuất hiện, quân đội Sài Gòn bị cô lập.

D. sự ủng hộ to lớn của các nước xã hội chủ nghĩa đối với cuộc đấu tranh chống Mĩ của nhân dân ta.

Câu 106. Trong cuộc Tiến công chiến lược 1972, quân ta đã chọc thủng ba phòng tuyến quan trọng của địch là

A. Đà Nẵng, Tây Nguyên và Sài Gòn. B. Huế, Đà Nẵng và Sài Gòn.

C. Quảng Trị, Tây Nguyên và Đông Nam Bộ.

D. Quảng Trị, Tây Nguyên và Đà Nẵng.

Câu 107. Sở dĩ, việc đàm phán giữa Việt Nam và Mĩ về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam kéo dài trong nhiều năm là do

A. thái độ ngoan cố, lật lọng của Mĩ.

B. sự chi phối của các nước lớn trong quan hệ quốc tế.

C. ảnh hưởng của cuộc Chiến tranh lạnh đến cuộc chiến tranh Việt Nam.

D. Việt Nam và Mĩ không thống nhất được về vấn đề bồi thường hậu quả do chiến tranh gây ra.

Câu 108. Cho thông tin sau: "Chiến thắng của nhân dân ta trong 12 ngày đêm cuối năm 1972 được ví như (1)....., là chiến thắng quyết định (2).....phải kí kết (3)..... về chấm dứt chiến tranh lập lại (4).....".

A. (1) trận "Điện Biên Phủ trên không"; (2) buộc Pháp; (3) Hiệp định Giơnevơ; (4) hòa bình ở Đông Dương.

B. (1) trận "Điện Biên Phủ trên không"; (2) buộc Mĩ; (3) Hiệp định Giơnevơ; (4) hòa bình ở Đông Dương.

C. (1) trận "Điện Biên Phủ trên không"; (2) buộc Pháp; (3) Hiệp định Pari; (4) hòa bình ở Việt Nam.

D. (1) trận "Điện Biên Phủ trên không"; (2) buộc Mĩ; (3) Hiệp định Pari; (4) hòa bình ở Việt Nam.

Câu 109. Mĩ chấp nhận thương lượng với Việt Nam ở Hội nghị Pari do thất bại bất ngờ, choáng váng trong

- A. chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ nhất.
- B. chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ hai.
- C. cuộc tập kích chiến lược của ta vào tết Mậu Thân 1968.
- D. âm mưu tập kích bằng máy bay B52 vào Hà Nội, Hải Phòng cuối năm 1968.

Câu 110. Lí do trực tiếp nhất buộc Mĩ kí Hiệp định Pari (27/01/1973) về chấm dứt chiến tranh lập lại hòa bình ở Việt Nam là

- A. cuộc tiến công chiến lược năm 1972 đã chọc thủng ba phòng tuyến quan trọng của địch.
- B. quân và dân ta đã đập tan cuộc tập kích không quân bằng máy bay B52 của Mĩ, làm nên trận "Điện Biên Phủ trên không".
- C. thất bại của Mĩ khi mở cuộc tập kích không quân bằng máy bay B52 vào Hà Nội, Hải Phòng cuối năm 1972.
- D. thất bại sau đòn bất ngờ của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968, Giôn xon bắt đầu nói đến thương lượng với Việt Nam.

Câu 111. Thắng lợi quan trọng nhất của Hiệp định Pari năm 1973 đối với sự nghiệp kháng chiến chống Mĩ, cứu nước của nhân dân ta là

- A. tạo thời cơ thuận lợi để nhân dân ta tiến lên đánh cho "ngụy nhào".
- B. đánh cho "Mĩ cút", đánh cho "ngụy nhào".
- C. tạo thời cơ thuận lợi để nhân dân ta tiến lên đánh cho "Mĩ cút", đánh cho "ngụy nhào".
- D. làm phá sản hoàn toàn chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" của Mĩ.

Câu 112. Điều khoản nào của Hiệp định Pari năm 1973 có ý nghĩa quyết định đối với sự phát triển của cách mạng Việt Nam?

- A. Hai bên ngừng bắn và giữ nguyên vị trí ở miền Nam.
- B. Nhân dân miền Nam tự quyết định tương lai chính trị.
- C. Các bên thừa nhận thực tế ở miền Nam có hai chính quyền.
- D. Hoa kì rút hết quân viễn chinh và quân các nước đồng minh.

Câu 113. Cuộc tiến công chiến lược năm 1972 của quân dân ta đã buộc Mĩ phải

- A. kết thúc chiến tranh Việt Nam, rút quân về nước.
- B. tuyên bố "Mĩ hóa" trở lại chiến tranh xâm lược Việt Nam.
- C. dùng thủ đoạn ngoại giao như thỏa hiệp với Trung Quốc và hòa hoãn với Liên Xô để gây sức ép đối với ta.
- D. huy động quân đội các nước đồng minh của Mĩ tham chiến.

Câu 114. Ý nghĩa quan trọng của Hiệp định Pari đối với sự nghiệp kháng chiến chống Mĩ, cứu nước là

- A. đánh cho Mĩ cút, đánh cho ngụy nhào.
- B. làm phá sản hoàn toàn chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" của Mĩ.
- C. Mĩ buộc phải rút khỏi miền Nam, tạo thời cơ thuận lợi để nhân dân ta tiến lên giải phóng miền Nam.
- D. tạo thời cơ thuận lợi để nhân dân ta tiến lên đánh cho "Mĩ cút", "ngụy nhào".

Câu 115. Thắng lợi đã chuyển cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước của nhân dân ta từ tiến công chiến lược sang tổng tiến công chiến lược trên toàn miền Nam. Đó là ý nghĩa lịch sử của

- A. chiến dịch Tây Nguyên.
- B. chiến dịch Huế - Đà Nẵng.
- C. chiến dịch Hồ Chí Minh.
- D. chiến dịch đường số 14- Phước Long.

Câu 116. Trận then chốt mở màn chiến dịch Tây Nguyên là

- A. Plâyku.
- B. Kon Tum
- C. ĐắcLắk
- D. Buôn Ma Thuột.

Câu 117. Nguyên nhân có tính chất quyết định đưa đến thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mĩ của nhân dân ta là

- A. có hậu phương vững chắc.
- B. có sự giúp đỡ của các nước XHCN
- C. nhân dân ta có lòng yêu nước nồng nàn.
- D. có sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng đứng đầu là chủ tịch Hồ Chí Minh.

Câu 118. Ý nghĩa lịch sử của chiến dịch Hồ Chí Minh là

- A. giải phóng hoàn toàn miền Nam.

B. thắng lợi vĩ đại nhất trong lịch sử dân tộc.

C. thắng lợi có tính chất thời đại, làm phá sản học thuyết Nich – xon.

D. tạo điều kiện thuận lợi cho quân và dân ta tiến công và nổi dậy giải phóng hoàn toàn các tỉnh còn lại ở Nam Bộ.

Câu 119. Cách đánh của ta trong chiến dịch Hồ Chí Minh là

A. tiến đánh từ ngoài vào trong.

B. đánh từ trong ra ngoài.

C. đàm phán với chính quyền địch.

D. vượt phòng tuyến vòng ngoài đánh vào trung tâm Sài Gòn chiếm các cơ quan đầu não của địch.

Câu 120. Đầu 1975, thấy rõ sự lớn mạnh và khả năng thắng lớn của quân ta, sự suy yếu của quân đội Sài Gòn và khả năng can thiệp của Mỹ ngày càng hạn chế. Đó là ý nghĩa của

A. chiến thắng 30/4.

B. chiến thắng Phước Long.

C. chiến thắng Buôn Ma Thuột.

D. chiến thắng Huế - Đà Nẵng.

Câu 121. Ý nghĩa lớn nhất của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của nhân dân ta là gì?

A. Thống nhất đất nước.

B. Là nguồn cổ vũ mạnh mẽ cho phong trào cách mạng thế giới.

C. Mở ra một kỉ nguyên mới cho dân tộc Việt Nam: độc lập, tự do và tiến lên CNXH.

D. Chấm dứt ách thống trị của Chủ nghĩa thực dân – đế quốc trên nước ta giành độc lập hoàn toàn

Câu 122. Căn cứ vào đâu Đảng ta đề ra kế hoạch giải phóng hoàn toàn miền Nam?

A. Mỹ kí Hiệp định Pari và rút quân về nước.

B. Ở miền Nam chỉ còn quân đội Sài Gòn.

C. So sánh lực lượng thay đổi mau lẹ có lợi cho cách mạng.

D. Ta mở các hoạt động quân sự ở đồng bằng sông Cửu Long và Đông Nam Bộ.

Câu 123. Sau Hiệp định Pari 1973 về Việt Nam, so sánh lực lượng ở miền Nam thay đổi có lợi cho cách mạng vì

- A. vùng giải phóng được mở rộng.
- B. miền Bắc là hậu phương vững chắc cho miền Nam.
- C. quân Mĩ và đồng minh của Mĩ rút khỏi miền Nam.
- D. ở miền Nam có 2 chính quyền, hai quân đội, hai vùng kiểm soát.

Câu 124. Ý nào dưới đây *không phải* là nguyên nhân khách quan làm nên thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước (1954 – 1975)?

- A. Sự đoàn kết chiến đấu của nhân dân 3 nước Đông Dương.
- B. Nhân dân ta nhận được sự đồng tình ủng hộ, giúp đỡ của các nước XHCN.
- C. Miền Bắc được bảo vệ vững chắc, hoàn thành xuất sắc vai trò hậu phương.
- D. Sự ủng hộ, cổ vũ to lớn của các dân tộc yêu chuộng hòa bình trên thế giới.

Câu 125. Vì sao Đảng ta chọn Tây Nguyên là hướng tiến công chủ yếu năm 1975?

- A. Gần Lào và Campuchia.
- B. Tây Nguyên có địa bàn rộng lớn.
- C. Tây Nguyên có địa bàn chiến lược quan trọng.
- D. Tây Nguyên gần với các tỉnh ven biển Miền Trung.

Câu 126. Thắng lợi nào của quân dân ta buộc Mĩ phải thừa nhận sự thất bại hoàn toàn trong cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam?

- A. Hiệp định Pari năm 1973
- B. Cuộc Tổng tiến công nổi dậy Xuân năm 1968.
- C. Trận “Điện Biên Phủ trên không” năm 1972.
- D. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975.

Câu 127. Nội dung nào là cơ bản để Đảng ta đề ra chủ trương, kế hoạch giải phóng hoàn toàn miền Nam?

- A. Mĩ cắt giảm cho chính quyền Sài Gòn.

- B. Quân Mĩ và đồng minh đã rút khỏi miền Nam.
- C. So sánh lực lượng thay đổi có lợi cho ta, nhất là sau chiến thắng Phước Long.
- D. Khả năng chi viện của miền Bắc đáp ứng ngày càng nhiều cho tiền tuyến miền Nam.

Câu 128. Những biểu hiện nào thể hiện sau Hiệp định Pari Mĩ tiếp tục dính líu vào cuộc chiến tranh ở miền Nam?

- A. Cô lập nước ta về kinh tế. B. Dùng thủ đoạn ngoại giao để cô lập ta.
- C. Giữ lại cố vấn quân sự, lập Bộ chỉ huy quân sự.
- D. Tiếp tục để lại lực lượng quân đội ở miền Nam.

Câu 129. Ý nào sau đây không phản ánh đúng tình hình nước ta sau Hiệp định Pari năm 1973?

- A. Mĩ rút hết quân Mĩ và quân các nước đồng minh về nước.
- B. Đất nước hòa bình, thống nhất.
- C. Miền Bắc tiếp tục thực hiện công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội.
- D. Mĩ vẫn giữ lại hơn 2 vạn cố vấn quân sự ở miền Nam, lập ra Bộ chỉ huy quân sự, tiếp tục viện trợ quân sự, kinh tế cho chính quyền Sài Gòn.

Câu 130. Để tiếp tục thực hiện chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh", Mĩ đã sử dụng

- A. quân đồng minh. B. quân đội Mĩ.
- C. quân đội Sài Gòn. D. quân đồng minh và quân đội Sài Gòn.

Câu 131. Sau Hiệp định Pari năm 1973 về Việt Nam, nhiệm vụ của cách mạng miền Nam là

- A. cùng với miền Bắc tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội.
- B. tổng tiến công giành chính quyền về tay nhân dân, thống nhất đất nước.
- C. tập trung đẩy mạnh khôi phục kinh tế, làm nghĩa vụ hậu phương đối với Lào và Campuchia.
- D. đấu tranh chống "bình định - lấn chiếm", tạo thế và lực tiến công giải phóng hoàn toàn miền Nam.

Câu 132. Nội dung quan trọng nhất của Hiệp định Pari năm 1973 là

- A. Hoa Kỳ và các nước cam kết tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam.
- B. Hoa Kỳ rút hết quân đội của mình và quân các nước đồng minh về nước.
- C. hai bên ngừng bắn ở miền Nam vào lúc 24 giờ ngày 27/01/1973 và Hoa Kỳ cam kết chấm dứt mọi hoạt động quân sự chống miền Bắc Việt Nam.
- D. nhân dân Việt Nam tự quyết định tương lai chính trị của mình thông qua cuộc tổng tuyển cử tự do.

Câu 133. Sắp xếp lại các sự kiện sau đây theo thứ tự thời gian

1. Hiệp định Pa ri được kí chính thức.
 2. Cuộc đàm phán hai bên chính thức diễn ra tại Pari.
 3. Hội nghị bốn bên chính thức họp phiên đầu tiên tại Pari.
 4. Níchxơn tuyên bố mở cuộc tập kích chiến lược đường không bằng máy bay B52 vào Hà Nội, Hải Phòng.
 5. Níchxơn tuyên bố ngừng mọi hoạt động chống phá miền Bắc Việt Nam từ vĩ tuyến 20 trở ra.
- A. 2 - 3 - 4 - 5 - 1. B. 3 - 2 - 4 - 5 - 1. C. 4 - 5 - 2 - 3 - 1. D. 2 - 3 - 5 - 4 - 1.

Câu 134. Cuối năm 1974 - đầu năm 1975, trong tình hình so sánh lực lượng ở miền Nam thay đổi mau lẹ có lợi cho cách mạng, Bộ Chính trị Trung ương Đảng đã đề ra kế hoạch giải phóng miền Nam

- A. trong hai năm 1974 và 1975. B. trong năm 1975.
- C. trong năm 1976. D. trong hai năm 1975 và 1976.

Câu 135. Cuộc tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975, đã lần lượt trải qua các chiến dịch

- A. Tây Nguyên, Huế - Đà Nẵng, Hồ Chí Minh.
- B. Tây Nguyên, Huế, Hồ Chí Minh.
- C. Tây Nguyên, Đà Nẵng, Hồ Chí Minh.
- D. Buôn Ma Thuột, Huế - Đà Nẵng, Hồ Chí Minh.

Câu 136. Nguyên nhân khách quan dẫn đến thắng lợi chung của ba nước Đông Dương trong kháng chiến chống Pháp (1945 - 1954) và chống Mĩ (1954 - 1975) là

- A. Có sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng Cộng Sản Đông Dương.
- B. truyền thống yêu nước chống xâm lược của ba dân tộc.
- C. Sự đoàn kết, gắn bó của ba dân tộc Việt Nam, Lào, Campuchia.
- D. các nước có chung đường lối kháng chiến chống Pháp và Mĩ.

Câu 137. Thắng lợi nào của dân tộc Việt Nam trong thế kỉ XX góp phần xóa bỏ chủ nghĩa thực dân trên thế giới?

- A. Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975.
- B. Cách mạng tháng Tám 1945 và kháng chiến chống Mĩ (1954 - 1975).
- C. Cách mạng tháng Tám 1945 và chiến thắng Điện Biên Phủ 1954.
- D. Kháng chiến chống Pháp (1945 - 1954) và kháng chiến chống Mĩ (1954 - 1975).

Câu 138. Đường lối chiến lược của cách mạng Việt Nam (1930 - 1975) do Đảng đề ra và thực hiện thành công là

- A. tự do và chủ nghĩa xã hội.
- B. cải cách ruộng đất và chủ nghĩa xã hội.
- C. độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.
- D. giải phóng dân tộc gắn liền với giải phóng giai cấp.

Câu 139. Bài học kinh nghiệm về nhân tố hàng đầu đảm bảo thắng lợi của cách mạng Việt Nam (1930 - 1975) là

- A. nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.
- B. xây dựng chính quyền của dân, do dân và vì dân.
- C. sự lãnh đạo đúng đắn, sáng tạo, linh hoạt, chủ động của Đảng.
- D. truyền thống yêu nước, đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế.

Câu 140. Bài học kinh nghiệm nào trong kháng chiến chống Pháp (1945 - 1954) được Đảng tiếp tục vận dụng trong kháng chiến chống Mĩ, cứu nước (1954 - 1975)?

- A. Tăng cường đoàn kết trong nước và quốc tế.
- B. Tranh thủ sự đồng tình và ủng hộ của quốc tế.
- C. Kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang và binh vận.
- D. Kết hợp sức mạnh của dân tộc và sức mạnh của thời đại, sức mạnh trong nước với sức mạnh quốc tế.

Câu 141. Điểm tương đồng trong các chiến lược chiến tranh của Mĩ thực hiện ở miền Nam Việt Nam (1961 - 1975) là

- A. sử dụng quân Mĩ và quân chư hầu làm lực lượng nòng cốt.
- B. sử dụng lực lượng quân đội Sài Gòn làm lực lượng tiên phong, nòng cốt.
- C. nhằm âm mưu dùng người Việt đánh người Việt.
- D. âm mưu chia cắt lâu dài nước ta và nằm trong "chiến lược toàn cầu của Mĩ".

Câu 142. Ý nào sau đây thể hiện điểm tương đồng về nội dung của hai Hiệp định Giơnevơ về Đông Dương và Hiệp định Pari về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam?

- A. Là văn bản mạng tính pháp lí quốc tế ghi nhận các quyền tự do cơ bản của nhân dân Việt Nam.
- B. Các nước đều cam kết tôn trọng những quyền dân tộc cơ bản của nhân dân Việt Nam.
- C. Thỏa thuận các bên ngừng bắn để thực hiện chuyển quân, tập kết, chuyển giao khu vực.
- D. Hiệp định có sự tham gia của năm cường quốc trong Hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc.

Câu 143. Sự kiện nào đánh dấu sự toàn thắng trong cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước (1954 - 1975) của nhân dân Việt Nam?

- A. Tổng thống Dương Văn Minh tuyên bố đầu hàng không điều kiện ngày 30/4/1975.
- B. Xe tăng và bộ binh quân giải phóng tiến và Dinh Độc Lập ngày 30/3/1975.

C. Lá cờ cách mạng tung bay trên nóc Dinh Độc Lập ngày 30/4/1975.

D. Châu Đốc là tỉnh cuối cùng của miền Nam được giải phóng ngày 2/5/1975.

Câu 144. Cho các dữ liệu sau

Tên tổng thống Mỹ	Tên chiến lược chiến tranh
1. Aixenhao	a. "Việt Nam hóa" và "Đông Dương hóa" chiến tranh
2. G. Kennơđi và L. Giônxon	b. "Chiến tranh cục bộ"
3. L. Giônxon	c. "Chiến tranh đặc biệt"
4. R.Níchxon	d. "Chiến tranh đơn phương"
5. G. Pho	e. "Việt Nam hóa" chiến tranh trở lại

Nối tên tổng thống Mỹ với tên chiến lược chiến tranh tương ứng mà Mỹ thực hiện ở miền Nam Việt Nam.

A. 1 - b, 2 - a, 3 - c, 4 - d, 5 - e.

B. 1 - d, 2 - c, 3 - b, 4 - a, 5 - e.

C. 1 - c, 2 - a, 3 - b, 4 - e, 5 - d.

D. 1 - a, 2 - c, 3 - b, 4 - e, 5 - d.

Câu 145. Trích đoạn sau đây là quyết định của Hội nghị nào?

Hội nghị nhấn mạnh: "trong bất cứ tình hình nào cũng phải tiếp tục con đường bạo lực cách mạng, phải nắm vững chiến lược tiến công, kiên quyết đấu tranh trên cả ba mặt trận: chính trị, quân sự, ngoại giao". (SGK Lịch sử 12, Ban Cơ bản, tr 191)

A. Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III (9/1960).

B. Hội nghị BCH Trung ương Đảng lần thứ 21(7/1973).

C. Hội nghị lần thứ 15 BCH Trung ương Đảng (01/1959).

D. Hội nghị Bộ Chính trị mở rộng bàn về kế hoạch giải phóng miền Nam (cuối 1974 - đầu 1975).

Câu 146. Nối các sự kiện với ý nghĩa, khẩu hiệu đấu tranh cho đúng.

Tên thắng lợi	ý nghĩa, khẩu hiệu đấu tranh
---------------	------------------------------

1. Đồng khởi (1959 - 1960)
2. Ấp Bắc (01/1963)
3. Vạn Tường (8/1965)

a. "Tìm Mỹ mà đánh, lùng nguy mà diệt"
b. chuyển từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công
c. "Thi đua Ấp Bắc, giết giặc lập công"

A. 1 - b, 2 - a, 3 - c.

B. 1 - b, 2 - c, 3 - a.

C. 1 - c, 2 - a, 3 - b.

D. 1 - a, 2 - c, 3 - b.

Câu 147. Sau thắng lợi của chiến dịch Tây Nguyên và Huế - Đà Nẵng Bộ Chính trị Trung ương Đảng nhận định

A. thời cơ chiến lược đã đến, có điều kiện hoàn thành sớm quyết tâm giải phóng miền Nam.

B. phải tập trung nhanh nhất lực lượng binh khí kỹ thuật sau mùa mưa (5/1975).

C. tiến hành chiến dịch mang tên giải phóng Sài Gòn.

D. thời cơ chưa chín mùi.

Câu 148. Nguyên nhân có tính quyết định đưa đến thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam là

A. nhân dân ta có truyền thống yêu nước nồng nàn. B. có hậu phương vững chắc là miền Bắc XHCN.

C. có sự giúp đỡ của các nước xã hội chủ nghĩa anh em và tinh thần đoàn kết chiến đấu của nhân dân ba nước Đông Dương.

D. có sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng.

Câu 149. Thắng lợi quân sự nào của quân và dân ta tác động trực tiếp buộc Mỹ phải ngồi vào bàn đàm phán và kí Hiệp định Pari 1973 về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam?

A. Thắng lợi của nhân dân miền Bắc chống chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ nhất (1969) và lần thứ hai (1972) của Mỹ.

B. Thắng lợi Vạn Tường (1965) ở miền Nam và trận "Điện Biên Phủ trên không" (1972) ở miền Bắc.

C. Thắng lợi của cuộc Tiến công chiến lược (1972) ở miền Nam và trận "Điện Biên Phủ trên không" (1972) ở miền Bắc.

D. Thắng lợi của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân (1968) và trận "Điện Biên Phủ trên không" (1972).

Câu 150. Ý nghĩa nào dưới đây không phải là nguyên nhân khách quan làm nên thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước (1954 - 1975)?

A. Nhân dân ta nhận được sự đồng tình ủng hộ, giúp đỡ của các nước XHCN.

B. Miền Bắc được bảo vệ vững chắc, hoàn thành xuất sắc vai trò nghĩa vụ hậu phương.

C. Việt Nam nhận được sự ủng hộ, cổ vũ to lớn của các dân tộc yêu chuộng hòa bình thế giới.

D. Sự đoàn kết trong liên minh chiến đấu của nhân dân ba nước Đông Dương.

Câu 151. Điểm giống nhau của chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" với các chiến lược tranh trước đó của Mĩ là gì?

A. Tìm cách chia rẽ Việt Nam với các nước XHCN.

B. Gắn "Việt Nam hóa chiến tranh" với "Đông Dương hóa chiến tranh".

C. Được tiến hành bằng quân đội tay sai là chủ yếu, có sự phối hợp đáng kể của quân đội Mĩ.

D. Là loại hình chiến tranh xâm lược thực dân mới ở miền Nam, nằm trong "chiến lược toàn cầu" của Mĩ.

CHỦ ĐỀ 5: VIỆT NAM TỪ NĂM 1975 ĐẾN NĂM 2000

Câu 1. Ý nghĩa của thống nhất đất nước về mặt nhà nước là

A. đưa miền Nam đi lên CNXH.

B. đưa nước ta mở rộng quan hệ với các nước XHCN.

C. tạo điều kiện chính trị cơ bản cho nước ta phát huy sức mạnh toàn diện.

D. hoàn thành thống nhất trên các lĩnh vực: chính trị, văn hóa, kinh tế...

Câu 2. Kết quả lớn nhất của kì họp Quốc hội khóa VI (1976) nước VN thống nhất là

A. hoàn thành thống nhất về mặt lãnh thổ.

- B. hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước.
- C. hoàn thành việc bầu ra các cơ quan của Quốc hội.
- D. hoàn thành việc bầu ra ban dự thảo Hiến pháp.

Câu 3. Nhiệm vụ cách mạng Việt Nam sau 1975 là

- A. thực hiện kế hoạch 5 năm (1976 – 1980).
- B. khắc phục hậu quả chiến tranh ở miền Nam.
- C. khắc phục hậu quả chiến tranh ở miền Bắc.
- D. khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục phát triển kinh tế, xã hội, hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước.

Câu 4. Tại sao nước ta phải hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước ?

- A. Đảng ta cần có cơ quan quyền lực của cả nước.
- B. Dân ta mong muốn đất nước được thống nhất.
- C. Phù hợp với xu thế phát triển của lịch sử “ nước Việt Nam là một, dân tộc Việt Nam là một”.
- D. Do mỗi miền tồn tại hình thức tổ chức nhà nước khác nhau, để đáp ứng nguyện vọng của nhân dân.

Câu 5. Nội dung nào không phải là khó khăn của tình hình kinh tế, chính trị, xã hội của miền Nam sau năm 1975?

- A. Đội ngũ thất nghiệp lên tới hàng triệu người, số người mù chữ chiếm tỉ lệ cao
- B. Cuộc chiến tranh của Mỹ gây ra hậu quả nặng nề, nhiều làng mạc đồng ruộng bị tàn phá.
- C. Miền Nam có nền kinh tế trong khủng hoảng nhất định phát triển theo hướng tư bản chủ nghĩa.
- D. Chế độ thực dân mới của Mỹ, chính quyền Sài Gòn bị sụp đổ, nhưng cơ sở của chính quyền này ở địa phương vẫn còn tồn tại.

Câu 6. Trong hơn 20 năm từ 1954 - 1975 ta tiến hành xây dựng chủ nghĩa xã hội, miền Bắc đã đạt được những thành tựu gì?

- A. Xây dựng xong cơ sở vật chất của chủ nghĩa cộng sản.

- B. Xây dựng xong cơ sở vật chất - kĩ thuật của chủ nghĩa xã hội.
- C. Chuẩn bị xây dựng cơ sở vật chất của chủ nghĩa xã hội.
- D. Xây dựng được những cơ sở vật chất - kĩ thuật bước đầu của chủ nghĩa xã hội.

Câu 7. Những cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân, hải quân của Mĩ để lại hậu quả gì?

- A. Cản trở công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc.
- B. Nhiều công trình cơ sở vật chất bị phá hủy.
- C. Tàn phá nặng nề, gây hậu quả lâu dài đối với miền Bắc.
- D. Nhiều bom, mìn còn sót lại cần phải phá hủy.

Câu 8. Ngay sau khi giải phóng miền Nam, nền nông nghiệp gặp phải những khó khăn gì?

- A. Số người mù chữ chiếm tỉ lệ lớn trong dân cư.
- B. Đội ngũ thất nghiệp lên tới hàng triệu người.
- C. Các thế lực phản động vẫn còn hoạt động chống phá.
- D. Nhiều đồng ruộng bị tàn phá, nửa triệu ha ruộng đất bị bỏ hoang.

Câu 9. Sau khi giải phóng miền Nam, để ổn định hệ thống chính quyền và hệ thống chính trị, nhà nước ta đã làm gì?

- A. Thành lập chính quyền trung lập.
- B. Xóa bỏ chính quyền cũ.
- C. Giải tán các đảng phái tay sai thân Mỹ.
- D. Thành lập chính quyền cách mạng và các đoàn thể quần chúng các cấp.

Câu 10. Cho các sự kiện sau:

1. Quốc Hội khóa VI họp kì đầu tiên tại Hà Nội.
2. Hội nghị Hiệp thương chính thức được tổ chức tại Sài Gòn.
3. Cuộc tổng tuyển cử bầu Quốc hội chung khóa VI được tiến hành trong cả nước.
4. Hội nghị lần thứ 24 Ban chấp hành Trung ương Đảng đề ra nhiệm vụ hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước.

Hãy sắp xếp các sự kiện theo trình tự thời gian quá trình hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước.

- A. 1 - 2 - 3 - 4. B. 4 - 2 - 3 - 1.
C. 4 - 3 - 2 - 1. D. 4 - 2 - 1 - 3.

Câu 11. Hội nghị Hiệp thương chính trị thống nhất đất nước về mặt nhà nước được tổ chức tại Sài Gòn đã

- A. quyết định đặt tên nước là Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
B. nhất trí hoàn toàn các vấn đề về chủ trương, biện pháp nhằm thống nhất đất nước về mặt nhà nước.
C. bầu các cơ quan lãnh đạo cao nhất của nước Việt Nam thống nhất, bầu Ban dự thảo Hiến Pháp.
D. thông qua chính sách đối nội, đối ngoại của nước Việt Nam thống nhất.

Câu 12. Sự kiện nào đánh dấu công cuộc thống nhất đất nước về mặt nhà nước ở nước ta hoàn thành?

- A. Chiến dịch Hồ Chí Minh toàn thắng (30/4/1975).
B. Hội nghị Hiệp thương chính trị thống nhất đất nước họp tại Sài Gòn (11/1975).
C. Cả nước tiến hành cuộc bầu cử Quốc hội chung (4/1976).
D. Kỳ họp thứ nhất Quốc hội khóa VI (6,7/1976).

Câu 13. Nội dung của 3 chương trình kinh tế lớn năm 1986 là

- A. hàng hóa tiêu dùng, hàng xuất khẩu và máy móc.
B. lương thực – thực phẩm, hàng tiêu dùng và máy móc.
C. máy móc, lương thực thực phẩm và hàng xuất khẩu.
D. lương thực – thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu.

Câu 14. Thành tựu trong bước đầu thực hiện đường lối đổi mới của nước ta là

- A. giải quyết nạn thiếu ăn triền miên. B. hàng hóa trên thị trường đa dạng.
C. hàng hóa xuất khẩu tăng gấp 10 lần.

D. hàng hóa nhập khẩu ngày càng nhiều.

Câu 15. Đổi mới đất nước đi lên CNXH không phải là thay đổi thành tố nào dưới đây?

A. Lí tưởng CNXH.

B. Mục tiêu của CNXH

C. Con đường tiến lên CNXH
TBCN.

D. Chuyên hướng đi theo con đường

Câu 16. Nội dung nào sau đây không phải là chủ trương của đổi mới về kinh tế của Đảng?

A. Hình thành cơ chế thị trường.

B. Không mở rộng kinh tế đối ngoại.

C. Xóa bỏ cơ chế quản lý kinh tế tập trung quan liêu.

D. Xây dựng nền kinh tế quốc dân với cơ cấu nhiều ngành nghề

Câu 17. Đảng ta tiến hành đổi mới trong lĩnh vực nào là chủ yếu?

A. Kinh tế, chính trị.

B. Kinh tế, văn hóa.

C. Chính trị, văn hóa.

D. Văn hóa, tư tưởng.

Câu 18. Nhân tố quan trọng quyết định Đảng ta phải tiến hành đổi mới là

A. sự phát triển của cách mạng KHKT.

B. đất nước lâm vào khủng hoảng về kinh tế xã hội.

C. sự thay đổi của tình hình thế giới và quan hệ giữa các nước.

D. sự khủng hoảng toàn diện của Liên Xô và các nước Đông Âu.

Câu 19. Năm 1977, Việt Nam trở thành thành viên 149 của Liên Hợp Quốc nói lên điều gì?

A. Thể hiện đường lối đổi mới của Đảng ta.

B. Mở rộng quan hệ ngoại giao với các nước tư bản chủ nghĩa.

C. Chủ trương lớn của Đảng ta trong chính sách đối ngoại.

D. Đánh dấu bước đầu quan hệ “đa phương hoá” “đa dạng hoá” trong đường lối ngoại giao của Đảng ta.

Câu 20. Những thành tựu bước đầu của công cuộc đổi mới chúng ta

- A. đưa nước ta thoát khỏi khủng hoảng kinh tế, xã hội.
- B. kinh tế nước ta bước đầu chuyển dịch theo nền kinh tế thị trường.
- C. đường lối đổi mới của Đảng là đúng đắn, bước đi của công cuộc đổi mới là phù hợp.
- D. nước ta bước đầu thực hiện mục tiêu: dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Câu 21. Đảng ta thực hiện đường lối đổi mới nhằm

- A. đưa nước ta thành "con rồng" châu Á.
- B. tiến nhanh lên con đường XHCN.
- C. đưa đất nước hòa nhập vào nền kinh tế thế giới.
- D. khắc phục những sai lầm khuyết điểm đưa nước ta vượt qua khủng hoảng.

Câu 22. Thắng lợi lớn nhất của nền ngoại giao Việt Nam trong năm 2006 là

- A. trở thành thành viên 150 WTO.
- B. trở thành thành viên thứ 7 của ASEAN.
- C. trở thành thành viên thứ 149 của Liên hợp quốc.
- D. bình thường hóa quan hệ ngoại giao với Hoa Kỳ.

Câu 23. Đến hết năm 2000, thành tựu quan trọng trong lĩnh vực giáo dục của nước ta là

- A. hoàn thành chương trình phổ cập giáo dục trung học cơ sở.
- B. đáp ứng được nhu cầu sự nghiệp công nghiệp hóa – hiện đại hóa.
- C. các tỉnh, thành phố đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và xóa mù chữ.
- D. xây dựng hệ thống trường học, cấp học theo chuẩn của khu vực.

Câu 24. Đảng Cộng sản Việt Nam thực hiện đường lối đổi mới từ năm 1986 do

- A. sai lầm về chỉ đạo chiến lược và tổ chức thực hiện.
- B. nhân dân không đồng tình.

C. đất nước bị chiến tranh tàn phá nặng nề.

D. sự giúp đỡ của các Liên Xô.

Câu 25. Trong Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng (12/1986), ai được bầu là Tổng Bí thư?

A. Nguyễn Văn Linh. B. Lê Duẩn.

C. Đỗ Mười. D. Nguyễn Văn Cừ.

Câu 26. Năm 1995, thành công lớn nhất của ngoại giao Việt Nam là gia nhập

A. ASEAN. B. APEC. C. WTO. D. Liên hợp quốc.

Câu 27. Những thành tựu đạt được trong việc bước đầu thực hiện công cuộc đổi mới đã

A. đưa nước ta thoát khỏi cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội.

B. từng bước chuyển dịch cơ cấu các ngành kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

C. bước đầu thực hiện được mục tiêu: dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ và văn minh.

D. chứng tỏ đường lối đổi mới của Đảng là đúng, bước đi của công cuộc đổi mới là phù hợp.

Câu 28. Thành tựu đầu tiên trong bước đầu thực hiện đường lối đổi mới là

A. giải quyết được việc làm cho người lao động.

B. giải quyết được nạn thiếu ăn triền miên.

C. kim ngạch xuất khẩu tăng 3 lần, nhập khẩu giảm đáng kể.

D. kiểm chế được một bước đà lạm phát.

Câu 29. Đảng tiến hành đổi mới trong lĩnh vực nào là chủ yếu?

A. Kinh tế và chính trị. B. Kinh tế và văn hóa.

C. Chính trị và văn hóa. D. Văn hóa và tư tưởng.

Câu 30. Đường lối đổi mới được Đảng ta đề ra từ khi nào/ lần đầu tiên tại?

A. Đại hội lần thứ IV (12/1976).

- B. Đại hội lần thứ V (3/1982).
- C. Đại hội lần thứ VI (12/1986).
- D. Đại hội lần thứ VII (6/1991).

Câu 31. Đại hội đại biểu toàn quốc lần VI của Đảng Cộng sản Việt Nam họp từ

- A. ngày 12 đến ngày 20/8/1976.
- B. ngày 14 đến ngày 20/12/1976.
- C. ngày 27 đến ngày 31/3/1982.
- D. ngày 15 đến ngày 18/12/1986.

Câu 32. Xây dựng nền dân chủ XHCN, bảo đảm quyền lực thuộc về nhân dân được thể hiện trong lĩnh vực nào của đường lối đổi mới?

- A. Kinh tế.
- B. Chính trị.
- C. Văn hóa.
- D. Xã hội.

Câu 33. Năm 1995, thành công lớn của ngoại giao Việt Nam là gia nhập

- A. ASEAN.
- B. APEC.
- C. WTO.
- D. Liên hợp quốc.

Câu 34. Trong thời gian thực hiện hai kế hoạch Nhà nước 5 năm (1976 - 1985) nước ta lâm vào tình trạng

- A. suy thoái kinh tế.
- B. khủng hoảng kinh tế - xã hội.
- C. đất nước trong thời kì hoàn kim.
- D. nền kinh tế mất cân đối.

Câu 35. Tác động lớn nhất của tình hình thế giới đến công cuộc đổi mới của Đảng là

- A. CNTB trên thế giới đang lớn mạnh.
- B. chính sách diễn biến hòa bình của Hoa Kỳ.
- C. cuộc khủng hoảng toàn diện, trầm trọng của hệ thống XHCN.
- D. cuộc Chiến tranh lạnh chấm dứt.

Câu 36. Trọng tâm của công cuộc đổi mới của Đảng là đổi mới về

- A. kinh tế.
- B. chính trị.
- C. tư tưởng.
- D. văn hóa.

Câu 37. "Trong 5 năm (1986 - 1990) cần tập trung sức người, sức của thực hiện bằng được". Điền tiếp vào chỗ trống trên.

- A. nhiệm vụ, mục tiêu ba chương trình kinh tế lớn.
- B. đẩy mạnh công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.
- C. đẩy mạnh công cuộc công nghiệp hóa.
- D. đẩy mạnh cải tạo XHCN nền kinh tế quốc dân.

Câu 38. Mục tiêu ba chương trình kinh tế lớn: lương thực - thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu được đề ra trong Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ

- A. IV.
- B. V.
- C. VI.
- D. VII.

Câu 39. Chỉ số tăng giá bình quân hàng trên thị trường năm 1990 là bao nhiêu/ năm 1986

- A. 2,4%.
- B. 3,4%.
- C. 4,2%.
- D. 4,4%.

Câu 40. Thành tựu kinh tế đối ngoại trong những năm 1986 - 1990 là hàng xuất khẩu tăng gấp

- A. 2 lần.
- B. 3 lần.
- C. 4 lần.
- D. 5 lần.

Câu 41. Trong bước đầu thực hiện đường lối đổi mới, hạn chế lớn nhất mà nước ta vấp phải là

- A. lực lượng sản xuất còn nhỏ bé, cơ sở vật chất - kĩ thuật còn lạc hậu.
- B. tình trạng tham nhũng, lãng phí.
- C. trình độ khoa học - kĩ thuật chuyển biến chậm.
- D. đời sống của một bộ phận nhân dân còn khó khăn.

Câu 42. Chủ trương chiến lược lâu dài của Đảng trong công cuộc đổi mới là xây dựng

- A. nhà nước pháp quyền XHCN, nhà nước của dân, do dân và vì dân.
- B. nền kinh tế hành hóa nhiều thành phần theo định hướng XHCN.
- C. nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.
- D. khối đại đoàn kết dân tộc, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại.

Câu 43. Việt Nam trở thành ủy viên không thường trực của Hội đồng bảo an Liên hợp quốc vào năm nào?

A. 2005 - 2006. B. 2006 - 2007. C. 2007 - 2008. D. 2008 - 2009.

Câu 44. Nội dung nào sau đây không phải là chủ trương đổi mới kinh tế của Đảng?

A. Xóa bỏ cơ chế quản lí kinh tế tập trung, quan liêu bao cấp, hình thành cơ chế thị trường.

B. Xây dựng nền kinh tế quốc dân với cơ cấu nhiều ngành nghề, nhiều qui mô.

C. Phát triển nền kinh tế XHCN với hai thành phần: nhà nước và tập thể.

D. Mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại.

Câu 45. Việt Nam trở thành nước xuất khẩu gạo từ năm nào?

A. 1986. B. 1987. C. 1988. D. 1989.

Câu 46. Người nông dân đầu tiên ở thành phố Cần Thơ được phong tặng danh hiệu Anh hùng Lao động thời kì đổi mới là ai?

A. Trần Ngọc Hoàng. B. Võ Hoàng Nam.

C. Trần Thanh Mẫn. D. Lê Phước Thọ.

Câu 47. Mặt hàng có giá trị xuất khẩu lớn của nước ta giai đoạn đầu khi tiến hành công cuộc đổi mới là

A. gạo, dầu thô, cà phê. B. gạo, dầu thô, thủy sản.

C. gạo, dầu thô, than đá. D. gạo, cà phê, than đá.

Câu 48. Nguyên nhân quyết định thắng lợi bước đầu của công cuộc đổi mới hiện nay ở nước ta là

A. sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, với đường lối cách mạng đúng đắn, sáng tạo.

B. tinh thần đoàn kết, lòng yêu nước, lao động cần cù, sáng tạo của nhân dân Việt Nam.

C. hoàn cảnh quốc tế vô cùng thuận lợi, sự giúp đỡ to lớn của bạn bè thế giới.

D. tình đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau của nhân dân ba nước Đông Dương.

D. Là người chỉ đạo nhân dân và tích cực đấu tranh chống chế độ Apacthai.

Câu 7: Điểm khác biệt trong cuộc đấu tranh giành độc lập của Ấn Độ với các nước Đông Nam Á là

- A. khuynh hướng đấu tranh.
- B. tổ chức lãnh đạo.
- C. giai cấp lãnh đạo.
- D. hình thức đấu tranh.

Câu 8: "Chiêu bài" Mỹ sử dụng để can thiệp vào công việc nội bộ của các nước khác được đề ra trong "Chiến lược cam kết và mở rộng" là

- A. tự do tín ngưỡng.
- B. ủng hộ độc lập dân tộc.
- C. thúc đẩy dân chủ.
- D. chống chủ nghĩa khủng bố.

Câu 9: Từ những năm 80 của thế kỉ XX, Nhật Bản đã vươn lên thành siêu cường số một thế giới về

- A. dự trữ vàng.
- B. tài chính.
- C. ngoại tệ.
- D. ngoại tệ và chủ nợ lớn nhất thế giới.

Câu 10: Một trong những xu thế của quan hệ quốc tế sau chiến tranh lạnh mà Đảng Cộng sản Việt Nam đã vận dụng vào lĩnh vực kinh tế hiện nay là

- A. hợp tác và phát triển.
- B. hợp tác với các nước trong khu vực.
- C. hợp tác với các nước châu Âu.
- D. hợp tác với các nước đang phát triển.

Câu 11: Trong xu thế phát triển chung của thế giới hiện nay, Việt Nam có những thời cơ gì?

- A. Ứng dụng các thành tựu khoa học- kĩ thuật vào sản xuất.
- B. Nâng cao trình độ tập trung vốn và lao động.
- C. Có được thị trường lớn để tăng cường xuất khẩu hàng hóa.
- D. Hợp tác kinh tế, thu hút vốn đầu tư và ứng dụng khoa học- kĩ thuật.

Câu 12: Hiện nay, để đánh giá sức mạnh của một quốc gia người ta dựa vào tiêu chí nào?

- A. Các yếu tố nền sản xuất phồn vinh, nền tài chính vững chắc, nền công nghệ có trình độ cao, lực lượng quốc phòng hùng mạnh.
- B. Các yếu tố nền sản xuất phồn vinh, nền kinh tế vững chắc, nền công nghệ có trình độ cao, lực lượng quốc phòng hùng mạnh.
- C. Các yếu tố nền sản xuất phồn vinh, nền tài chính vững chắc, nền khoa học kĩ thuật phát triển, lực lượng quốc phòng hùng mạnh.

D. Các yếu tố nền sản xuất phồn vinh, nền tài chính vững chắc, nền khoa học kỹ thuật phát triển.

Câu 13: Cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam chống thực dân Pháp xâm lược (1858 - 1884) có đặc điểm gì?

A. Kết hợp chặt chẽ đấu tranh vũ trang với đấu tranh chính trị và ngoại giao.

B. Hình thành một mặt trận thống nhất do các văn thân, sĩ phu tiến bộ lãnh đạo.

C. Lan rộng từ Bắc vào Nam theo sự mở rộng địa bàn xâm lược của thực dân Pháp.

D. Từ chống ngoại xâm đến kết hợp chống ngoại xâm và phong kiến đầu hàng.

Câu 14: Năm 1858, thực dân Pháp chọn Đà Nẵng làm nơi mở đầu cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam nhằm

A. sử dụng Đà Nẵng làm bàn đạp tấn công Gia Định.

B. nhanh chóng mở rộng quy mô chiến tranh ra cả nước.

C. thực hiện kế hoạch "chinh phục từng gói nhỏ".

D. thực hiện kế hoạch "đánh nhanh thắng nhanh".

Câu 15: Bài học kinh nghiệm nào rút ra từ những cuộc khởi nghĩa tiêu biểu trong phong trào Cần vương chống thực dân Pháp xâm lược ở Việt Nam những năm cuối thế kỷ XIX là gì?

A. Sự tham gia đông đảo của nông dân.

B. Vận dụng tốt chiến thuật đánh du kích.

C. Dựa vào địa hình xây dựng căn cứ.

D. Đoàn kết với các dân tộc thiểu số.

Câu 16: Sự xuất hiện hai xu hướng bạo động và cải cách ở Việt Nam đầu thế kỷ XX chứng tỏ các sĩ phu tiến bộ

A. chịu ảnh hưởng của những hệ tư tưởng mới khác nhau.

B. có những nhận thức khác nhau về kẻ thù của dân tộc.

C. xuất phát từ những truyền thống cứu nước khác nhau.

D. chịu tác động của những bối cảnh thời đại khác nhau.

Câu 17: Sau chiến tranh thế giới thứ nhất, tổ chức nào hoạt động theo khung hướng cách mạng vô sản sớm nhất ở Việt Nam ?

A. Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên.

B. Đông Dương cộng sản đảng.

C. An Nam cộng sản đảng.

D. Đông dương cộng sản liên đoàn.

Câu 18: Đặc điểm của phong trào dân tộc dân chủ ở Việt Nam từ sau Chiến tranh thế giới thứ nhất đến đầu năm 1930 là

- A. khuynh hướng vô sản phát triển nhờ kinh nghiệm của khuynh hướng tư sản.
- B. cả hai khuynh hướng tư sản và vô sản đều sử dụng bạo lực để loại trừ nhau.
- C. sau thất bại của khuynh hướng tư sản, khuynh hướng vô sản phát triển mạnh.
- D. sự tồn tại song song của khuynh hướng dân chủ tư sản và khuynh hướng vô sản.

Câu 19: Việc ba tổ chức cộng sản có sự chia rẽ, sau đó được hợp nhất thành Đảng Cộng sản Việt Nam (đầu năm 1930) để lại kinh nghiệm gì cho cách mạng Việt Nam?

- A. Xây dựng khối liên minh công nông vững chắc.
- B. Xây dựng mặt trận thống nhất dân tộc rộng rãi.
- C. Kết hợp hài hòa vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp.
- D. Luôn chú trọng đấu tranh chống tư tưởng cục bộ.

Câu 20: Khởi nghĩa Yên Bái (9/02/1930) nổ ra trong bối cảnh

- A. bị động nhiều đảng viên của đảng bị thực dân Pháp bắt bớ, tù đày.
- B. tổ chức chưa có sự chuẩn bị chu đáo, thực dân Pháp còn mạnh.
- C. Hội Việt Nam cách mạng thanh niên đang chuẩn bị khởi nghĩa.
- D. Đảng Tân Việt đang gây ảnh hưởng lớn để lôi kéo phong trào cách mạng.

Câu 21: Cương lĩnh chính trị đầu tiên (2/1930) và Luận cương chính trị (10/1930) đều

- A. lực lượng của cách mạng tư sản dân quyền bao gồm của toàn dân tộc.
- B. tiến hành đồng thời hai nhiệm vụ độc lập dân tộc và cách mạng ruộng đất.
- C. nhiệm vụ cách mạng là xóa bỏ ách thống trị của chủ nghĩa đế quốc.
- D. Đảng cộng sản Đông Dương giữ vai trò lãnh đạo cách mạng.

Câu 22: Một trong những bài học kinh nghiệm rút ra từ thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945 có thể vận dụng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam hiện nay là

- A. Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân là nhiệm vụ hàng đầu.
- B. Tăng cường liên minh chiến đấu giữa ba nước Đông Dương.
- C. Kết hợp đấu tranh quân sự với đấu tranh chính trị, ngoại giao.
- D. Kết hợp sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại.

Câu 23: Phương pháp đấu tranh mà Hội nghị Ban Chấp hành Đảng cộng sản Đông Dương (11/1939) đề ra là

- A. đấu tranh bí mật, bất hợp pháp.
- B. đấu tranh hợp pháp, nửa hợp pháp.
- C. đấu tranh đòi tự do, dân sinh, dân chủ, cơm áo và hòa bình.
- D. đấu tranh nghị trường.

Câu 24: Trung ương Đảng và lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc quyết định chuyển hướng đấu tranh đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu trong thời kì 1939-1945 là do

A. chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ, nước Pháp bị phát xít Đức chiếm đóng, chính phủ Pháp đầu hàng phát xít Đức.

B. phát xít Nhật vào miền Bắc Việt Nam, quân Pháp đầu hàng phát xít Nhật, Nhật –Pháp câu kết với nhau bóc lột nhân dân ta.

C. mâu thuẫn giữa nhân dân ta với Pháp- Nhật trở nên gay gắt hơn bao giờ hết, vấn đề giải phóng các dân tộc Đông Dương trở nên bức thiết và quan trọng nhất.

D. Pháp- Nhật đẩy nhân dân ta tới chỗ cùng cực, cuối năm 1944 đầu năm 1945 có gần 2 triệu đồng bào ta chết đói, mâu thuẫn xã hội trở nên gay gắt.

Câu 25: “*Nếu không giải quyết được vấn đề dân tộc giải phóng, không đòi lại được độc lập tự do cho toàn thể dân tộc thì chẳng những quốc gia dân tộc còn chịu mãi kiếp ngựa trâu mà quyền lợi của bộ phận giai cấp đến vạn năm cũng không đòi lại được.*”

Nội dung trên được trích trong văn kiện hội nghị nào dưới đây?

A. Hội nghị thành lập Đảng .

B. Hội nghị BCH TW ĐCS ĐD 11/1939.

C. Hội nghị BCH TW ĐCS ĐD 11/1940.

D. Hội nghị BCH TW ĐCS ĐD 5/1941.

Câu 26: Thời cơ "ngàn năm có một" trong cách mạng tháng Tám 1945 được xác định vào thời điểm lịch sử

A. Phát xít Đức đầu hàng quân đồng minh, Liên Xô tuyên bố chiến tranh với Nhật.

B. Nhật đầu hàng đồng minh, quân đồng minh chưa vào Đông Dương .

C. Nhật đảo chính Pháp, Pháp đầu hàng Nhật.

D. Mỹ ném bom nguyên tử xuống Nhật Bản, Nhật tuyên bố đầu hàng đồng minh

Câu 27: Tại sao phong trào dân chủ 1936 – 1939 thu hút được sự hưởng ứng đông đảo của các tầng lớp nhân dân?

A. Sự xuất hiện của chủ nghĩa phát xít và nguy cơ chiến tranh.

B. Quần chúng đã được tuyên truyền và giác ngộ cao về chính trị.

C. Chính phủ Mặt trận nhân dân Pháp nói lỏng một số chính sách tiên bộ.

D. Đảng đã có mục tiêu, phương pháp và khẩu hiệu đấu tranh phù hợp.

Câu 28: Lực lượng nào đã dọn đường tiếp tay cho thực dân Pháp quay trở lại xâm lược nước ta?

A. Đế quốc Mỹ.

B. Phát xít Nhật.

C. Thực dân Anh.

D. Quân Trung Hoa Dân quốc.

Câu 29: Bài học cơ bản nào cho công cuộc bảo vệ chủ quyền biển đảo Việt Nam được rút ra từ quá trình đàm phán kí kết Hiệp định Sơ bộ (6/3/1946)?

- A. Tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế.
- B. Đa phương hóa các mối quan hệ.
- C. Kiên trì trong đấu tranh ngoại giao.
- D. Giải quyết tranh chấp bằng hòa bình.

Câu 30: Điểm chung về hoạt động quân sự của quân dân Việt Nam trong các chiến dịch Việt Bắc năm 1947, Biên giới năm 1950 và Điện Biên Phủ năm 1954 là có sự kết hợp giữa

- A. bao vây, đánh lấn và đánh công kiên.
- B. chiến trường chính và vùng sau lưng địch.
- C. tiến công quân sự và nổi dậy của nhân dân.
- D. đánh điểm, diệt viện, đánh vận động.

Câu 31: Nội dung nào **không** phản ánh đúng âm mưu của Mỹ ở Đông Dương trong những năm 1951-1954?

- A. Ngăn chặn ảnh hưởng của chủ nghĩa xã hội.
- B. Đưa quân đội tham chiến trực tiếp.
- C. Từng bước thay chân Pháp.
- D. Quốc tế hóa cuộc chiến tranh Đông Dương.

Câu 32: Ngày 20/12/1960 là ngày thành lập

- A. quân giải phóng miền Nam Việt Nam.
- B. Chính phủ cách mạng lâm thời cộng hòa miền Nam Việt Nam.
- C. Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam.
- D. Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân.

Câu 33: Chiến thắng nào của ta đã mở đầu cho cao trào “tìm Mỹ mà đánh, lùng ngụy mà diệt” ?

- A. Chiến thắng Bình Giã.
- B. Chiến thắng Vạn Tường.
- C. Chiến thắng Ba Gia .
- D. Chiến thắng Ấp Bắc.

Câu 34: Âm mưu của Mỹ đối với miền Nam Việt Nam sau hiệp định Giơnevơ 1954 là

- A. biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới.
- B. biến nước ta thành thị trường tiêu thụ hàng hoá của Mỹ.
- C. bura quân đội Mỹ vào miền Nam.
- D. phá hoại các cơ sở kinh tế của ta.

Câu 35: Cuộc tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân năm 1968 của quân dân Việt Nam không tác động đến việc

- A. Mỹ bị lung lay ý chí xâm lược.
- B. Mỹ chấp nhận đàm phán bàn về chấm dứt chiến tranh Việt Nam.
- C. Mỹ phải tuyên bố “Mỹ hóa” trở lại chiến tranh xâm lược Việt Nam.
- D. Mỹ phải tuyên bố ngừng ném bom phá hoại miền Bắc.

Câu 36: Điểm mới của “chiến tranh cục bộ” so với “chiến tranh đặc biệt” như thế nào?

- A. Có sự tham gia của quân đội Mỹ và quân đồng minh Mỹ.
- B. Sự tham gia quân đội Sài Gòn với viện trợ Mỹ.
- C. Phạm vi chiến tranh lan rộng khắp Đông Dương.
- D. Mức độ chiến tranh ngang nhau, chưa ác liệt.

Câu 37: Chiến dịch Hồ Chí Minh (1975) và chiến dịch Điện Biên Phủ (1954) đều

- A. có sự điều chỉnh phương châm tác chiến.
- B. tiêu diệt mọi lực lượng đối phương.
- C. là những trận quyết chiến chiến lược .
- D. có sự kết hợp nổi dậy của quần chúng.

Câu 38: Nét nổi bật về nghệ thuật chỉ đạo chiến tranh cách mạng của Đảng Lao động Việt Nam trong cuộc Tiến công và nổi dậy Xuân 1975 là

- A. lựa chọn đúng địa bàn và chủ động tạo thời cơ tấn công.
- B. kết hợp tiến công và khởi nghĩa của lực lượng vũ trang.
- C. đi từ khởi nghĩa từng phần tiến lên chiến tranh cách mạng.
- D. kết hợp đánh thẳng nhanh và đánh chắc, tiến chắc.

Câu 39: Quá trình kết thúc cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954) và cuộc kháng chiến chống Mỹ (1945-1975) của nhân dân Việt Nam có gì khác nhau?

- A. Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại.
- B. Huy động mọi nguồn lực để tạo nên sức mạnh giành thắng lợi.
- C. Lấy đấu tranh quân sự làm yếu tố quyết định thắng lợi trong chiến tranh.
- D. Cách thức kết hợp đấu tranh quân sự với đấu tranh ngoại giao.

Câu 40: Sau đại thắng mùa Xuân 1975, tại sao nước ta phải hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước?

- A. Chống lại âm mưu chống phá của các thế lực thù địch.
- B. Do mỗi miền tồn tại hình thức tổ chức nhà nước khác nhau.
- C. Đảng cần có cơ quan quyền lực chung cho nhân dân cả nước.
- D. Nhân dân hai miền mong muốn có một chính phủ thống nhất.

.....**HẾT**.....

- A. Mâu thuẫn giữa nông dân với địa chủ.
- B. Mâu thuẫn giữa công nhân với tư sản.
- C. Mâu thuẫn giữa nhân dân Đông Dương với thực dân Pháp.
- D. Mâu thuẫn giữa nông dân, công nhân Đông Dương với Pháp.

Câu 10. Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương (7-1936) đã chủ trương thành lập

- A. Mặt trận Việt Nam độc lập Đồng minh.
- B. Mặt trận thống nhất dân chủ Đông Dương.
- C. Mặt trận thống nhất nhân dân phản đế Đông Dương.
- D. Mặt trận thống nhất dân tộc phản đế Đông Dương.

Câu 11. Ba trung tâm kinh tế tài chính lớn của thế giới hình thành vào thập niên 70 của thế kỉ XX là

- A. Mĩ - Anh - Pháp.
- B. Mĩ - Đức - Nhật Bản.
- C. Mĩ - Tây Âu - Nhật Bản.
- D. Mĩ - Liên Xô - Nhật Bản.

Câu 12. Sự kiện lịch sử nào dưới đây ở giai đoạn (1939-1945), đã mở ra kỷ nguyên mới trong lịch sử cách mạng Việt Nam?

- A. Thắng lợi trong phong trào cách mạng 1930-1931.
- B. Thắng lợi trong phong trào dân chủ 1936-1939.
- C. Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945.
- D. Sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam tháng năm 1930.

Câu 13. Ai là người đã soạn thảo cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng?

- A. Trần Phú
- B. Nguyễn Ái Quốc
- C. Tôn Đức Thắng.
- D. Lê Hồng Phong.

Câu 14. Bộ Chính trị Trung ương Đảng quyết định mở chiến dịch Điện Biên Phủ nhằm

- A. tiêu diệt sinh lực địch, tạo điều kiện giải phóng Bắc Lào.
- B. tiêu diệt sinh lực địch, giải phóng vùng Tây Bắc, tạo điều kiện giải phóng Hạ Lào.
- C. tiêu diệt sinh lực địch, giải phóng vùng Tây Bắc, tạo điều kiện giải phóng Bắc Lào.
- D. tiêu diệt sinh lực địch, giải phóng vùng Tây Bắc, tạo điều kiện giải phóng Thượng Lào.

Câu 15. Từ năm 1945 đến nay, tổ chức nào đã trở thành diễn đàn quốc tế vừa hợp tác vừa đấu tranh nhằm duy trì hòa bình và an ninh thế giới?

- A. Liên hợp quốc (UN).
- B. Diễn đàn hợp tác Á – Âu (ASEM)
- C. Liên minh châu Âu (EU)..
- D. Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN).

Câu 16. Sự kiện lịch sử diễn ra lúc 1h30 phút ngày 30 – 04 – 1975 là gì?

- A. Quân ta nổ súng bắt đầu mở chiến dịch Hồ Chí Minh.
- B. Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu tuyên bố từ chức.
- C. Xe tăng và bộ binh của ta tiến vào Dinh Độc Lập.
- D. Lá cờ cách mạng tung bay trên nóc Dinh Độc Lập.

Câu 17. Tên nước, Quốc kỳ, Quốc huy, Thủ đô được chính thức thông qua tại sự kiện chính trị nào dưới đây?

- A. Cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội chung (4-1976).

- B. Hội nghị lần thứ 24 Ban Chấp hành Trung ương (9-1975).
- C. Hội nghị Hiệp thương chính trị thống nhất đất nước (11-1975).
- D. Kỳ họp thứ I Quốc hội khóa VI nước Việt Nam thống nhất (7-1976).

Câu 18. Sự kiện nào sau đây được đánh giá là lá cờ đầu trong phong trào giải phóng dân tộc ở Mỹ La tinh từ sau chiến tranh thế giới thứ hai?

- A. Thắng lợi của cách mạng Pê ru.
- B. Thắng lợi của cách mạng CuBa.
- C. Thắng lợi của cách mạng Ê-cu-a-đo.
- D. Thắng lợi của cách mạng Mê-hi-cô.

Câu 19. Việc kí kết Hiệp định về những cơ sở của quan hệ giữa Đông và Tây Đức (1972) và Định ước Henxinki (1975) đều có tác động nào sau đây?

- A. Làm xuất hiện xu thế liên kết khu vực ở châu Âu.
- B. Tạo điều kiện giải quyết hòa bình các tranh chấp ở châu Âu.
- C. Chấm dứt tình trạng cạnh tranh giữa các cường quốc ở châu Âu.
- D. Dẫn đến sự ra đời của Cộng đồng châu Âu (EC).

Câu 20. Đặc điểm lớn nhất của cuộc cách mạng khoa học công nghệ là gì?

- A. Khoa học trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp
- B. Mọi phát minh về kỹ thuật đều bắt nguồn từ thực tiễn.
- C. Mọi phát minh về kỹ thuật đều bắt nguồn từ nghiên cứu khoa học.
- D. Mọi phát minh về kỹ thuật đều bắt nguồn từ một số lĩnh vực quan trọng.

Câu 21. Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam và Cách mạng tháng Mười năm 1917 ở Nga có điểm chung nào sau đây?

- A. Diễn ra đồng thời ở cả nông thôn và thành thị.
- B. Đối tượng đấu tranh chủ yếu là giai cấp tư sản.
- C. Giành chính quyền ở đô thị quyết định thắng lợi.
- D. Nhiệm vụ chủ yếu là chống chủ nghĩa thực dân.

Câu 22. Chính sách kinh tế mới (1921) ở nước Nga Xô Viết để lại bài học gì cho công cuộc đổi mới đất nước của ta hiện nay?

- A. Chú trọng phát triển một số ngành công nghiệp nặng.
- B. Quan tâm đến lợi ích của các tập đoàn, tổng công ty lớn.
- C. Chỉ tập trung phát triển một số ngành công nghiệp mũi nhọn.
- D. Thực hiện nền kinh tế nhiều thành phần có sự kiểm soát của Nhà nước.

Câu 23. Một trong những xu thế trong quan hệ quốc tế sau "chiến tranh lạnh" mà Đảng Cộng sản Việt Nam đã vận dụng để giải quyết vấn đề Biển Đông là gì?

- A. Giải quyết các tranh chấp bằng biện pháp quân sự.
- B. Giải quyết các tranh chấp bằng biện pháp hòa bình.
- C. Giải quyết các tranh chấp bằng biện pháp phát triển kinh tế.
- D. Giải quyết các tranh chấp bằng biện pháp liên minh chính trị với các nước.

Câu 24. Nhận xét nào sau đây là đúng về đấu tranh ngoại giao trong 30 năm chiến tranh cách mạng Việt Nam (1945-1975)?

- A. Đấu tranh ngoại giao luôn phụ thuộc vào quan hệ và sự dàn xếp giữa các cường quốc.
- B. Đấu tranh ngoại giao có tính độc lập tương đối trong quan hệ với đấu tranh quân sự và chính trị.
- C. Kết quả của đấu tranh ngoại giao không phụ thuộc vào tương quan lực lượng trên chiến trường.

D. Đấu tranh ngoại giao chỉ là sự phản ánh kết quả của đấu tranh chính trị và quân sự.

Câu 25. Nhận xét nào là đúng về cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân ta vào năm 1858?

- A. Nhân dân ta đầu hàng Pháp.
- B. Nhân dân ta chân chừ, do dự.
- C. Nhân dân ta đánh Pháp nhưng thiếu kiên quyết.
- D. Nhân dân ta anh dũng chống trả quân xâm lược.

Câu 26. Công lao to lớn đầu tiên của Nguyễn Ái Quốc đối với cách mạng Việt Nam trong những năm 1911 – 1930 là gì?

- A. Hợp nhất các tổ chức cộng sản năm 1930.
- B. Thành lập Hội Việt Nam cách mạng thanh niên.
- C. Tìm ra con đường cứu nước đúng đắn cho cách mạng Việt Nam
- D. Khởi thảo Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Câu 27. Nhận xét nào dưới đây là **đúng** với tác động của chủ trương “vô sản hóa” của Hội Việt Nam cách mạng thanh niên đối với phong trào công nhân?

- A. Phong trào công nhân chuyển từ tự phát sang tự giác.
- B. Phong trào công nhân đã chuyển biến mạnh mẽ về chất.
- C. Phong trào công nhân có bước tiến mới tăng nhanh về số lượng.
- D. Phong trào công nhân có bước chuyển biến mạnh mẽ, liên kết chặt chẽ hơn.

Câu 28. Ý nghĩa quan trọng nhất của chiến thắng Việt Bắc thu - đông năm 1947 là

- A. chứng tỏ sự trưởng thành vượt bậc của quân đội ta.
- B. cuộc phản công lớn đầu tiên của quân dân ta đã giành thắng lợi.
- C. buộc Pháp phải chuyển từ “đánh nhanh thắng nhanh” sang đánh lâu dài với ta.
- D. chứng tỏ khả năng quân và dân ta có thể đẩy lùi những cuộc tấn công của Pháp.

Câu 29. Điểm giống nhau cơ bản giữa các chiến lược chiến tranh Mỹ tiến hành ở Việt Nam (1961 – 1973) là

- A. chiến tranh xâm lược thực dân mới, mở rộng chiến tranh ra toàn Đông Dương.
- B. chiến tranh xâm lược thực dân kiểu mới, nằm trong chiến lược toàn cầu của Mỹ.
- C. chiến tranh xâm lược thực dân kiểu mới, sử dụng quân đội Sài Gòn là chủ yếu.
- D. chiến tranh xâm lược thực dân kiểu mới, sử dụng quân đội Mỹ là chủ yếu.

Câu 30. Điểm giống nhau giữa chiến dịch Điện Biên Phủ (1954) và chiến dịch Hồ Chí Minh (1975) là

- A. cuộc tiến công của lực lượng vũ trang.
- B. đập ta hoàn toàn đầu não và sào huyệt cuối cùng của địch.
- C. cuộc tiến công của lực lượng vũ trang và nổi dậy của quần chúng.
- D. những thắng lợi có ý nghĩa quyết định kết thúc cuộc kháng chiến.

Câu 31. Nguyên nhân chủ quan cơ bản nhất dẫn đến thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước là gì?

- A. Có hậu phương miền Bắc không ngừng lớn mạnh.
- B. Truyền thống yêu nước, đoàn kết của nhân dân ta.
- C. Tinh thần chiến đấu dũng cảm của quân dân hai miền Nam – Bắc.
- D. Sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Câu 32. Thất bại của các phong trào yêu nước từ đầu thế kỉ XX đến hết Chiến tranh thế giới thứ nhất để lại bài học kinh nghiệm nào sau đây cho cách mạng Việt Nam?

- A. Sự giúp đỡ từ bên ngoài là điều kiện tiên quyết để đấu tranh giành độc lập.
- B. Tiến hành đồng thời cách mạng giải phóng dân tộc và cách mạng ruộng đất.
- C. Giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa hai nhiệm vụ dân tộc và dân chủ.
- D. Chỉ khi lực lượng vũ trang lớn mạnh mới phát động quần chúng đấu tranh.

Câu 33. Một trong những điểm mới của cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai (1919-1929) so với cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất (1897-1914) của thực dân Pháp ở Đông Dương là

- A. cướp đoạt ruộng đất lập đồn điền trồng cao su.
- B. tăng cường vốn đầu tư vào tất cả các ngành kinh tế.
- C. hạn chế phát triển ngành, công nghiệp nhất là công nghiệp nặng.
- D. đầu tư vốn qui mô lớn, tốc độ nhanh, xã hội bị phân hóa sâu sắc.

Câu 34. Ý nghĩa chủ yếu của phong trào cách mạng năm 1930-1931 là gì?

- A. Tạo điều kiện cho Mặt trận dân tộc thống nhất ra đời.
- B. Khẳng định đường lối lãnh đạo đúng đắn của Đảng.
- C. Đã để lại cho Đảng ta nhiều bài học kinh nghiệm quý báu.
- D. Như cuộc tập dượt đầu tiên cho Tổng khởi nghĩa tháng Tám sau này.

Câu 35. Thời cơ “ngàn năm có một” của Cách mạng tháng Tám năm 1945 tồn tại trong khoảng thời gian nào dưới đây?

- A. Từ sau khi Nhật đầu hàng Đồng minh đến khi quân Đồng minh vào Đông Dương.
- B. Từ khi Nhật đầu hàng Đồng minh đến trước khi quân Đồng minh vào Đông Dương.
- C. Từ sau khi Nhật đầu hàng Đồng minh đến trước khi quân Đồng minh vào Đông Dương.
- D. Từ trước khi Nhật đầu hàng Đồng minh đến sau khi quân Đồng minh vào Đông Dương.

Câu 36. Điểm chung về hoạt động quân sự của quân dân Việt Nam trong các chiến dịch Việt Bắc thu - đông (1947), chiến dịch Biên giới (1950), chiến dịch Điện Biên Phủ (1954) là có sự kết hợp giữa

- A. đánh điểm, diệt viện và đánh vận động
- B. chiến trường chính và vùng sau lưng địch.
- C. tiến công quân sự và nổi dậy của nhân dân.
- D. bao vây, đánh lấn và đánh công kiên.

Câu 37. Bài học kinh nghiệm nào được rút ra từ việc kí kết Hiệp định Sơ bộ (6-3-1946) cho cách mạng Việt Nam hiện nay?

- A. Đa phương hóa trong quan hệ quốc tế.
- B. Mềm dẻo trong chính sách đối ngoại.
- C. Kết hợp đấu tranh quân sự với ngoại giao.
- D. Triệt để lợi dụng mâu thuẫn giữa các nước.

Câu 38. Nhận xét nào sau đây là đúng về đấu tranh ngoại giao trong 30 năm chiến tranh cách mạng Việt Nam (1945-1975)?

- A. Đấu tranh ngoại giao luôn phụ thuộc vào quan hệ và sự dàn xếp giữa các cường quốc.

B. Đấu tranh ngoại giao có tính độc lập tương đối trong quan hệ với đấu tranh quân sự và chính trị.

C. Kết quả của đấu tranh ngoại giao không phụ thuộc vào tương quan lực lượng trên chiến trường.

D. Đấu tranh ngoại giao chỉ là sự phản ánh kết quả của đấu tranh chính trị và quân sự.

Câu 39. Bài học cơ bản được rút ra từ việc thực hiện cải cách ruộng đất (1954-1956) cho công cuộc xây dựng đất nước hiện nay là gì?

A. Dựa vào giai cấp công nhân.
chiến.

B. Dựa vào địa chủ kháng

C. Dựa vào sức mạnh của toàn dân.
dân.

D. Dựa vào sức mạnh giai cấp nông

Câu 40. Nét tương đồng về nghệ thuật quân sự của chiến dịch Điện Biên Phủ (1954) và chiến dịch Hồ Chí Minh (1975) là gì?

A. Đánh từng bước, tiêu diệt từng cứ điểm của địch.

B. Chia cắt địch, từng bước đánh chiếm các cơ quan đầu não của chúng.

C. Bao vây, chia cắt, tổng công kích đánh chiếm các cơ quan đầu não của địch.

D. Thọc sâu vào trung tâm thành phố đánh chiếm các cơ quan đầu não của địch.

ĐỀ SỐ 3

Câu 1: Văn kiện “*Luận cương tháng tư*” của Lê-nin đã xác định mục tiêu và đường lối của cách mạng Nga năm 1917 là:

A. chuyển từ cách mạng tư sản sang cách mạng vô sản.

B. chuyển từ cách mạng ruộng đất sang cách mạng xã hội chủ nghĩa.

C. chuyển từ cách mạng dân chủ tư sản sang cách mạng xã hội chủ nghĩa.

D. chuyển từ cách mạng tư sản dân quyền sang cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Câu 2: Đặc trưng lớn nhất của trật tự thế giới được hình thành sau Chiến tranh thế giới thứ hai là gì?

A. Thế giới bị chia thành hai cực, hai phe

B. Hệ thống chủ nghĩa xã hội được hình thành

C. Mĩ vươn lên trở thành siêu cường duy nhất

D. Phong trào giải phóng dân tộc phát triển mạnh mẽ

Câu 3: Đến đầu những năm 70 của thế kỉ XX, Liên Xô đã đi đầu trong lĩnh vực:

- A. công nghiệp nhẹ B. công nghiệp nặng C. công nghiệp vũ trụ
D. sản xuất nông nghiệp

Câu 4: Phát triển kinh tế và văn hoá dựa trên sự nỗ lực hợp tác giữa các nước thành viên là mục tiêu của tổ chức nào?

- A. Liên hợp quốc (UN) B. Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN)
C. Liên minh châu Âu (EU) D. Liên minh châu Phi (AU)

Câu 5: Việc Việt Nam gia nhập vào tổ chức ASEAN được xem là biểu hiện của xu thế nào trong quan hệ quốc tế cuối thế kỉ XX?

- A. Xu thế toàn cầu hoá
B. Mĩ thiết lập trật tự thế giới đơn cực
C. Xu thế hoà bình, hợp tác, đối thoại của các quốc gia trên thế giới
D. Sự điều chỉnh chiến lược phát triển đất nước của các nước sau chiến tranh lạnh

Câu 6: Quốc gia nào được đánh giá là “lá cờ đầu trong phong trào giải phóng dân tộc” ở Mĩ Latinh:

- A. Chile B. Cuba C. Áchentina D. Nicaragua

Câu 7: Ngày 1/10/1949 Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa ra đời là kết quả của:

- A. quá trình đấu tranh giải phóng dân tộc.
B. quá trình nổi dậy của nhân dân Trung Quốc.
C. quá trình đàm phán giữa Mĩ và Liên Xô.
D. cuộc nội chiến 1946 - 1949 giữa Quốc Dân đảng và Đảng Cộng sản.

Câu 8: Mục tiêu nào không nằm trong Chiến lược toàn cầu của Mĩ giai đoạn 1945 - 1973?

- A. Thành lập các khối quân sự nhiều nơi trên thế giới
B. Ngăn chặn, tiến tới xoá bỏ chủ nghĩa xã hội trên thế giới
C. Khống chế, chi phối các nước tư bản đồng minh
D. Đàn áp phong trào cách mạng thế giới

Câu 9: Sau chiến tranh, Nhật Bản có khó khăn gì mà các nước tư bản Đồng minh chống phát xít không có?

- A. Sự tàn phá nặng nề của chiến tranh
B. Là nước bại trận, mất hết thuộc địa
C. Thiếu thốn lương thực, thực phẩm
D. Phải dựa vào viện trợ của Mĩ dưới hình thức vay nợ

Câu 10: Đảng ta nhận định như thế nào về tác động của xu hướng toàn cầu hóa đối với Việt Nam:

- A. là cơ hội đồng thời là một thách thức lớn đối với sự phát triển của dân tộc.
- B. là một thách thức lớn đối với các nước kém phát triển trong đó có Việt Nam.
- C. là một cơ hội lớn để Việt Nam vươn lên, hiện đại hoá đất nước.
- D. không có ảnh hưởng gì đối với công cuộc xây dựng chủ nghĩa.

Câu 11: Để thích nghi với xu thế toàn cầu hóa, Việt Nam cần phải:

- A. nắm bắt thời cơ, vượt qua thách thức
- B. ứng dụng các thành tựu khoa học - kĩ thuật
- C. đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa
- D. tận dụng nguồn vốn và kĩ thuật bên ngoài

Câu 12: Chiến tranh lạnh KHÔNG tạo ra:

- A. những xung đột quyết liệt trên lĩnh vực chính trị giữa Liên Xô và Tây Âu.
- B. những đối lập, mâu thuẫn giữa các nước thuộc phe XHCN và TBCN trên lĩnh vực văn hoá.
- C. những cuộc xung đột trực tiếp bằng quân sự giữa Liên Xô và Mĩ.
- D. những mâu thuẫn sâu sắc trên lĩnh vực kinh tế giữa Liên Xô và Tây Âu.

Câu 13: Vì sao quân đội triều đình nhanh chóng thất thủ tại thành Hà Nội năm 1873 và năm 1882?

- A. Triều đình đã đầu hàng
- B. Lực lượng quân Pháp đông và vũ khí hiện đại
- C. Chiến thuật phòng thủ, dựa vào thành đợi giặc, chưa kết hợp với nhân dân
- D. Triều đình chỉ đối phó với phong trào đấu tranh của nhân dân

Câu 14: Nguyên nhân chính khiến Việt Nam rơi vào tay thực dân Pháp là gì?

- A. Tiềm lực kinh tế, quân sự yếu hơn nhiều so với tư bản Pháp
- B. Nhà Nguyễn thực hiện chính sách đối nội, đối ngoại sai lầm, thiếu đường lối chỉ đạo đúng đắn và thiếu ý chí quyết tâm đánh giặc
- C. Nhà Nguyễn không nhận được sự ủng hộ của nhân dân
- D. Ngọn cờ phong kiến đã lỗi thời, không đủ sức hiệu triệu nhân dân chống Pháp

Câu 15: Điểm khác của khởi nghĩa Yên Thế so với các cuộc khởi nghĩa trong phong trào Cần vương là:

- A. mục tiêu chống thực dân Pháp giúp vua
- B. mục tiêu chống thực dân Pháp, chống triều đình nhà Nguyễn
- C. phong trào nông dân chống cướp bóc và bình định của thực dân Pháp
- D. phong trào đấu tranh trước thái độ đầu hàng thực dân Pháp của triều đình

Câu 16: Vì sao Nguyễn Tất Thành quyết định sang phương Tây tìm đường cứu nước?

- A. Vì Pháp là kẻ thù trực tiếp của nhân dân ta
- B. Nơi đặt trụ sở của Quốc tế Cộng sản – tổ chức ủng hộ phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc
- C. Để tìm hiểu xem nước Pháp và các nước khác làm thế nào, rồi trở về giúp đồng bào mình
- D. Nơi diễn ra các cuộc cách mạng tư sản nổi tiếng

Câu 17: Tờ báo xuất bản năm 1922 tại Pari do Nguyễn Ái Quốc làm chủ nhiệm kiêm chủ bút là:

- A. báo Thanh niên. B. báo Người cùng khổ C. báo Nhân đạo D. báo Đời sống công nhân

Câu 18: Sự kiện nào đánh dấu Nguyễn Ái Quốc đã tìm ra con đường cứu nước đúng đắn cho dân tộc Việt Nam?

- A. Nguyễn Ái Quốc gửi *Bản yêu sách của nhân dân An Nam* đến Hội nghị Vecxai (1919)
- B. Nguyễn Ái Quốc đọc bản Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa của Lê - nin (1920)
- C. Nguyễn Ái Quốc tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp (1920)
- D. Nguyễn Ái Quốc tham gia sáng lập *Hội Liên hiệp thuộc địa* ở Pari (1921)

Câu 19: Sự kiện nào dưới đây đánh dấu khuynh hướng cách mạng vô sản giành quyền lãnh đạo duy nhất đối với cách mạng Việt Nam?

- A. Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên ra đời
- B. Tân Việt Cách mạng đảng bị phân hoá
- C. Sự ra đời của ba tổ chức cộng sản
- D. Đảng Cộng sản Việt Nam được thành lập

Câu 20: Chọn từ ngữ đúng nhất điền vào chỗ trống của câu nói sau: “Đường lối chiến lược cách mạng của Đảng ta là tiến hành tư sản dân quyền cách mạng và ... cách mạng để đi tới xã hội ...”

- A. vô sản, cộng sản B. thổ địa, chủ nghĩa C. thổ địa, cộng sản D. vô sản, chủ nghĩa

Câu 21: Tư tưởng cốt lõi của *Cương lĩnh chính trị đầu tiên* của Nguyễn Ái Quốc soạn thảo là:

- A. độc lập, tự do B. tự do, hòa bình C. hòa bình, độc lập D. độc lập

Câu 22: Phong trào cách mạng 1936 - 1939 có gì khác so với phong trào cách mạng 1930 - 1931?

- A. Phong trào tập trung đấu tranh đòi giảm tô, giảm tức, xoá nợ cho nông dân
- B. Phong trào tập trung vào nhiệm vụ phản đế

- C. Phong trào tập trung đấu tranh đòi cải thiện đời sống, tự do dân chủ, hòa bình
- D. Phong trào tập trung đấu tranh đòi Đông Dương tự trị

Câu 23: Sự khác biệt giữa phong trào nông dân Nghệ - Tĩnh với phong trào đấu tranh cả nước trong năm 1930?

- A. Những cuộc biểu tình của nông dân chỉ đặt ra mục tiêu cải thiện đời sống
- B. Nông dân đấu tranh chưa có khẩu hiệu cụ thể
- C. Nông dân đấu tranh bằng lực lượng chính trị
- D. Những cuộc đấu tranh của nông dân có vũ trang tự vệ

Câu 24: So với Hội nghị BCH Trung ương Đảng tháng 11/1939, Hội nghị BCH Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương tháng 5/1941 hoàn chỉnh hơn ở điểm nào về cách thức giành chính quyền?

- A. Thành lập mặt trận thống nhất dân tộc rộng rãi
- B. Xác định hình thái của cuộc khởi nghĩa là đi từ khởi nghĩa từng phần tiến lên tổng khởi nghĩa
- C. Tạm gác khẩu hiệu cách mạng ruộng đất, thực hiện giảm tô, giảm tức
- D. Xác định nhiệm vụ chủ yếu, trước mắt là đánh đế quốc tay sai, giải phóng dân tộc

Câu 25: Chỉ thị “*Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta*” (12/3/1945) được Ban Thường vụ Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương đề ra ngay sau khi:

- A. Nhật đảo chính Pháp ở Đông Dương
- B. Nhật tiến vào chiếm đóng Đông Dương
- C. Nhật đầu hàng Đồng minh không điều kiện
- D. chiến tranh Thái Bình Dương bùng nổ

Câu 26: Ngày 30/8/1945, vua Bảo Đại tuyên bố thoái vị là sự kiện đánh dấu:

- A. nhiệm vụ dân tộc của cách mạng hoàn thành
- B. nhiệm vụ dân chủ của cách mạng hoàn thành
- C. chế độ phong kiến Việt Nam sụp đổ
- D. Tổng khởi nghĩa thắng lợi trên cả nước

Câu 27: Yếu tố quan trọng nhất đưa đến thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945 là:

- A. điều kiện khách quan thuận lợi
- B. truyền thống yêu nước của nhân dân
- C. công tác chuẩn bị của Đảng ta chu đáo
- D. đường lối lãnh đạo đúng đắn, sáng suốt của Đảng

Câu 28: Quá trình đấu tranh chống chủ nghĩa phát xít của nhân dân Việt Nam gắn liền với những phong trào cách mạng nào?

- A. Phong trào cách mạng 1930 – 1931 và phong trào dân chủ 1936 - 1939

B. Phong trào dân chủ 1936 – 1939 và phong trào giải phóng dân tộc 1939 – 1945

C. Phong trào cách mạng 1930 – 1931 và phong trào giải phóng dân tộc 1939 – 1945

D. Phong trào dân tộc dân chủ 1919 – 1925 và phong trào giải phóng dân tộc 1939 – 1945

Câu 29: Từ sau ngày 2/9/1945 đến trước ngày 6/3/1946, Đảng ta chủ trương hòa hoãn với quân Trung Hoa Dân quốc vì:

A. quân Trung Hoa Dân quốc có thiện chí với ta

B. ta cần thời gian chuẩn bị tổng tuyển cử

C. ta cần tránh xung đột với nhiều kẻ thù, phải tập trung lực lượng đánh Pháp ở Nam Bộ

D. quân Trung Hoa Dân quốc tìm cách chống phá ta

Câu 30: Ý nào sau đây KHÔNG phải là ý nghĩa của cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội ngày 6/1/1946 ở nước ta sau cách mạng tháng Tám năm 1945?

A. Phá tan xiềng xích nô lệ của thực dân, phát xít

B. Giáng một đòn mạnh vào âm mưu lật đổ, chia rẽ của kẻ thù

C. Thể hiện sức mạnh đoàn kết dân tộc

D. Nâng cao uy tín của Đảng và Nhà nước ta trên trường quốc tế

Câu 31: Chiến dịch Biên giới Thu - Đông năm 1950 có điểm gì khác so với chiến dịch Việt Bắc thu-đông năm 1947?

A. Là chiến dịch có sự phối hợp giữa chiến trường chính và các chiến trường cả nước

B. Là chiến dịch phòng thủ có quy mô của quân đội ta

C. Là chiến dịch có quy mô lớn đầu tiên của quân đội ta

D. Là chiến dịch có quy mô lớn đầu tiên do quân ta chủ động mở

Câu 32: Mục tiêu chung của cách mạng hai miền sau Hiệp định Giơ-ne-vơ là gì?

A. Kháng chiến chống Mỹ, giải phóng hoàn toàn miền Nam

B. Hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong phạm vi cả nước, thực hiện hòa bình, thống nhất đất nước

C. Kháng chiến chống Mỹ ở miền Nam, xây dựng CNXH ở miền Bắc

D. Kháng chiến chống Mỹ ở miền Nam, thực hiện cách mạng ruộng đất ở miền Bắc

Câu 33: Ý nghĩa của những thắng lợi trên mặt trận quân sự trong Đông - Xuân 1964 - 1965 là:

A. thắng lợi lớn, đánh dấu sự sụp đổ hoàn toàn của chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”.

- B. thắng lợi lớn, mở đầu sự sụp đổ của chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”.
- C. chứng tỏ quân dân miền Nam có thể đánh bại chiến lược chiến tranh xâm lược thực dân mới của Mĩ.
- D. thắng lợi quân sự lớn đánh dấu sự sụp đổ hoàn toàn của quốc sách “áp chiến lược” của địch.

Câu 34: "Chiến tranh cục bộ" khác "Chiến tranh đặc biệt" ở điểm nào?

- A. "Chiến tranh cục bộ" là hình thức chiến tranh của chủ nghĩa thực dân mới
- B. "Chiến tranh cục bộ" được tiến hành dưới sự chỉ đạo của hệ thống cố vấn Mĩ, bằng phương tiện chiến tranh hiện đại của Mĩ
- C. "Chiến tranh cục bộ" được tiến hành bằng cả quân chủ lực Mĩ, quân chư hầu và cả quân ngụy
- D. "Chiến tranh cục bộ" là hình thức chủ nghĩa thực dân mới gồm quân ngụy, phương tiện hiện đại của Mĩ

Câu 35: Chiến dịch nào đã kết thúc thắng lợi cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975 ở miền Nam Việt Nam?

- A. Huế - Đà Nẵng
- B. Đường 14 - Phước Long
- C. Hồ Chí Minh
- D. Tây Nguyên.

Câu 36: Nội dung nào thể hiện sự linh hoạt, sáng tạo của Bộ Chính trị Trung ương Đảng trong việc đề ra kế hoạch giải phóng hoàn toàn miền Nam trong hai năm 1975 và 1976?

- A. Tổng tiến công và nổi dậy ở Tây Nguyên, Huế - Đà Nẵng rồi tiến về Sài Gòn
- B. Chủ trương đánh nhanh thắng nhanh và tránh chỗ mạnh, đánh chỗ yếu
- C. Nếu thời cơ đến vào đầu hoặc cuối năm 1975 thì lập tức giải phóng trong năm 1975
- D. Tiến công vào những hướng quan trọng về chiến lược mà địch tương đối yếu

Câu 37: Cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước (1954 - 1975) của nhân dân Việt Nam thắng lợi là một sự kiện có tầm quan trọng quốc tế to lớn và tính thời đại sâu sắc vì đã:

- A. dẫn đến cuộc khủng hoảng kinh tế - chính trị trầm trọng ở Mĩ.
- B. tạo ra tác động cơ bản làm sụp đổ trật tự thế giới hai cực Ianta.
- C. tạo nên cuộc khủng hoảng tâm lý sâu sắc đối với các binh lính Mĩ.
- D. góp phần chứng minh cho sự sụp đổ của chủ nghĩa thực dân mới là điều không tránh khỏi.

Câu 38: Điểm chung của Cách mạng tháng Tám năm 1945, kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954) và kháng chiến chống Mĩ (1954 - 1975) ở Việt Nam là có sự kết hợp:

- A. đấu tranh chính trị, quân sự và ngoại giao
- B. lực lượng chính trị với lực lượng vũ trang

C. chiến trường chính và vùng sau lưng địch
D. của lực lượng vũ trang ba thứ quân

Câu 39: Vì sao nói cuộc kháng chiến chống Mĩ của nhân dân ta là một cuộc đụng đầu lịch sử?

A. Vì đây là cuộc đấu tranh của một dân tộc nhược tiểu chống lại một đế quốc số 1 thế giới

B. Vì đây là một cuộc chiến tranh xâm lược, phi nghĩa đứng về phía Mĩ - một đại diện cho chủ nghĩa đế quốc

C. Vì đây là một cuộc chiến phản ánh tập trung những mâu thuẫn cơ bản của thời đại

D. Vì đây là một cuộc chiến tranh chống chủ nghĩa thực dân mới của Mĩ, thực hiện giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước đầu tiên giành thắng lợi

Câu 40: Bài hát *Như có Bác Hồ trong ngày vui đại thắng* (sáng tác: Phạm Tuyên) phản ánh sự kiện lịch sử nào?

A. Mĩ ký Hiệp định Pari 1973 rút quân hoàn toàn về nước

B. Đại thắng mùa xuân năm 1975, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước

C. Hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước 1976

D. Mở đầu công cuộc đổi mới đất nước 12/1986

.....**HẾT**.....

ĐỀ SỐ 4

Câu 1: Phương pháp cách mạng được V.I.Lê-nin đề ra trong bản “Luận cương tháng tư” là

A. đấu tranh hòa bình nhằm tập hợp lực lượng cách mạng.

B. chuyển từ đấu tranh hòa bình sang khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền.

C. kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh ngoại giao.

D. tuyên truyền, thuyết phục và nêu gương.

Câu 2: Những quyết định của Hội nghị Ianta đã ảnh hưởng như thế nào đến quan hệ quốc tế sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

A. Hình thành khuôn khổ của một trật tự thế giới mới: trật tự hai cực Ianta.

B. Thế giới đã phân chia thành hai phe xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa đối lập với nhau về hệ tư tưởng, chế độ xã hội, kinh tế, chính sách đối ngoại.

C. Dẫn đến cuộc “Chiến tranh lạnh” sau Chiến tranh thế giới thứ hai giữa Liên Xô và Mĩ đến cuối những năm 80 của thế kỉ XX.

D. Quan hệ quốc tế đều xoay quanh những vấn đề liên quan đến quyết định của Hội nghị Ianta.

Câu 3: Nhà lãnh đạo nào của nước Nga đã đưa nước Nga vượt qua khủng hoảng kinh tế, chính trị và trở thành “đối chọi” với Mĩ và phương Tây sau Chiến tranh lạnh?

A. Góocbachốp. B. Mevedev. C. Putin. D. Enxin.

Câu 4: Sau khi cuộc kháng chiến chống Mỹ kết thúc thắng lợi, nhân dân Campuchia đã tiến hành nhiệm vụ gì?

- A. Liên kết, hợp tác với lực lượng Pôn-pốt.
- B. Bước đầu tiến lên xây dựng chế độ xã hội mới.
- C. Tiếp tục đấu tranh chống lại tập đoàn Khơ me đỏ phản động.
- D. Tiếp tục hoàn thành nhiệm vụ cách mạng giải phóng dân tộc.

Câu 5: Sau chiến tranh thế giới thứ hai, các nước Đông Nam Á có biến đổi gì quan trọng nhất?

- A. Kinh tế các nước Đông Nam Á đều phát triển.
- B. Các nước Đông Nam Á đều tham gia ASEAN.
- C. Hầu hết các nước Đông Nam Á đều giành được độc lập.
- D. Các nước Đông Nam Á đều tham gia tổ chức Liên hợp quốc.

Câu 6: Bản chất của mối quan hệ ASEAN với ba nước Đông Dương trong giai đoạn từ năm 1967 đến năm 1979 là

- A. đối đầu căng thẳng.
- B. chuyển từ chính sách đối đầu sang đối thoại.
- C. hợp tác trên các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, khoa học.
- D. giúp đỡ nhân dân ba nước Đông Dương trong cuộc chiến tranh chống Pháp và Mỹ.

Câu 7: Thành tựu nổi bật nhất của các nước Đông Nam Á từ giữa thế kỷ XX đến nay là

- A. trở thành một khu vực hòa bình, hợp tác, hữu nghị.
- B. trở thành khu vực năng động và phát triển nhất trên thế giới.
- C. có nhiều thành tựu to lớn trong công cuộc xây dựng đất nước và phát triển kinh tế.
- D. trở thành các nước độc lập, thoát khỏi ách thuộc địa và phụ thuộc vào các thế lực đế quốc.

Câu 8: Nhân tố quyết định đưa Nhật Bản vươn lên thành siêu cường kinh tế là?

- A. Vai trò lãnh đạo, quản lí có hiệu quả của nhà nước.
- B. Chi phí cho quốc phòng thấp.
- C. Con người (nguồn nhân lực có chất lượng, đạo đức lao động tốt, tiết kiệm, kỉ luật).
- D. Áp dụng thành tựu KH-KT.

Câu 9 : Sự kiện nào đánh dấu mối quan hệ đồng minh chống phát xít giữa Mỹ và Liên Xô tan vỡ?

- A. Sự phân chia đóng quân giữa Mỹ và Liên Xô tại Hội nghị Ianta (02/1945).
- B. Sự ra đời của học thuyết Truman và Chiến tranh lạnh (3/1947).
- C. Việc Liên Xô và các nước Đông Âu thành lập Tổ chức Hiệp ước Vácava (5/1955).
- D. Sự ra đời của khối quân sự NATO (4/1949).

Câu 10: Sau chiến tranh thế giới thứ hai, Mỹ dựa vào đâu cho mình có quyền lãnh đạo thế giới?

- A. Là nước tư bản giàu mạnh.
- B. Nắm độc quyền bom nguyên tử.

- C. Khởi đầu cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật hiện đại.
- D. Là nước tư bản giàu mạnh nhất và nắm độc quyền bom nguyên tử.

Câu 11: Cuộc chiến tranh lạnh do Mỹ phát động hiểu theo nghĩa đầy đủ nhất là gì?

- A. Chuẩn bị gây chiến tranh thế giới
- B. Dùng sức mạnh quân sự để đe dọa đối phương
- C. Xây dựng nhiều căn cứ quân sự bao vây Liên Xô và các nước XHCN
- D. Là cuộc chạy đua vũ trang, chuẩn bị chiến tranh, làm cho nhân loại thấy “luôn luôn ở trong tình trạng căng thẳng” nhưng không xung đột trực tiếp bằng quân sự.

Câu 12: Nhân tố chi phối các quan hệ quốc tế trong hơn bốn thập kỉ sau chiến tranh thế giới thứ hai/nửa sau thế kỉ XX là

- A. xu thế toàn cầu hóa.
- B. cuộc Chiến tranh lạnh.
- C. chủ nghĩa xã hội trở thành hệ thống thế giới.
- D. thành tựu của khoa học – công nghệ hiện đại.

Câu 13: Nguyên nhân sâu sa của việc thực dân Pháp xâm lược Việt Nam vào nửa cuối thế kỉ XIX là do

- A. triều đình nhà Nguyễn cấm thương nhân người Pháp đến buôn bán.
- B. nhu cầu ngày càng cao của tư bản Pháp về vốn, nhân công và thị trường.
- C. chính sách “cấm đạo” và “bế quan tỏa cảng” của triều đình nhà Nguyễn.
- D. nhà Nguyễn cự tuyệt yêu cầu được tự do buôn bán và truyền đạo tại Việt Nam của thực dân Pháp.

Câu 14: Cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam chống thực dân Pháp xâm lược (1858-1884) có đặc điểm gì?

- A. Kết hợp chặt chẽ giữa đấu tranh chính trị với đấu tranh ngoại giao.
- B. Từ chống ngoại xâm đến kết hợp chống ngoại xâm và phong kiến đầu hàng.
- C. Là các cuộc đấu tranh theo khuynh hướng dân tộc, dân chủ.
- D. Hình thành một mặt trận thống nhất do các văn thân, sĩ phu tiến bộ lãnh đạo.

Câu 15: Điểm khác biệt căn bản về tinh thần chống Pháp xâm lược của nhân dân Việt Nam so với vua quan triều đình nhà Nguyễn (1858-1884) là gì?

- A. Đánh Pháp theo sự chỉ đạo của quan quân triều đình.
- B. Kiên quyết đánh Pháp đến cùng, không chịu sự chi phối của triều đình.
- C. Thái độ chống Pháp không kiên quyết, dễ dàng thỏa hiệp, ngừng đấu tranh.
- D. Nhân dân e sợ sức mạnh quân sự của Pháp nên tinh thần chiến đấu giảm sút.

Câu 16: “Phong trào Cần Vương mặc dù gây cho thực dân Pháp nhiều thiệt hại, nhưng không có đóng góp cho phong trào giải phóng dân tộc Việt Nam”. Đây là nhận định

- A. sai, vì phong trào đã làm chậm quá trình khai thác thuộc địa của thực dân Pháp.
- B. sai, vì đây là phong trào mang tính dân tộc, để lại nhiều bài học kinh nghiệm quý báu.
- C. đúng, vì phong trào cuối cùng bị thất bại, không thể giành lại độc lập cho Việt Nam.
- D. đúng, vì phong trào không thể ngăn cản được quá trình bình định Việt Nam của Pháp.

Câu 17: Văn kiện được coi là Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng cộng sản Việt Nam là

- A. Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt. B. Luận cương chính trị.
C. Chính cương, Sách lược. D. Tuyên ngôn Điều lệ của Đảng.

Câu 18: Phong trào “Vô sản hóa” năm 1928 có tác dụng

- A. tăng cường số lượng công nhân làm việc trong các nhà máy, hầm mỏ, đồn điền.
B. chuẩn bị trực tiếp về tổ chức cho sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam.
C. thúc đẩy các cuộc đấu tranh của nông dân, tiểu thương, tiểu chủ, học sinh, sinh viên.
D. nâng cao ý thức chính trị của giai cấp công nhân, thúc đẩy phong trào công nhân phát triển mạnh.

Câu 19: Điểm giống nhau giữa Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng do Nguyễn Ái Quốc khởi thảo và Luận cương chính trị do Trần Phú soạn thảo là

- A. cách mạng Việt Nam trải qua hai giai đoạn cách mạng tư sản dân quyền và cách mạng XHCN.
B. nhân tố quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam là Đảng cộng sản Đông Dương lãnh đạo.
C. nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam là đánh đổ đế quốc trước, đánh phong kiến sau.
D. xác định lực lượng cách mạng là liên minh công – nông.

Câu 20: Sự kết hợp của những nhân tố nào đã thúc đẩy Đảng cộng sản Việt Nam ra đời?

- A. Chủ nghĩa Mác - Lê Nin với phong trào công nhân.
B. Chủ nghĩa Mác – Lê Nin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước.
C. Chủ nghĩa Mác – Lê Nin với phong trào công nhân và phong trào tư sản yêu nước
D. Chủ nghĩa Mác Lê Nin với phong trào công nhân, phong trào tư sản và phong trào nông dân.

Câu 21: Hình thức và phương pháp đấu tranh trong thời kì 1936 - 1939 diễn ra như thế nào?

- A. Đấu tranh trên lĩnh vực nghị trường là chủ yếu.
B. Kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang.
C. Hợp pháp và nửa hợp pháp, công khai và nửa công khai.
D. Lợi dụng tình hình thế giới và trong nước đấu tranh công khai đối mặt với kẻ thù.

Câu 22: Đỉnh cao của phong trào cách mạng 1930- 1931 là

- A. ngày 22/2/1930, cờ đỏ búa liềm được treo ở một số đường phố tại Hà Nội.
B. cuộc đấu tranh của nhân dân Nghệ Tĩnh trong tháng 9 và tháng 10/ 1930 dẫn đến sự ra đời của các Xô viết.
C. cuộc đấu tranh của công nhân Vinh- Bến Thủy hưởng ứng ngày quốc tế chống chiến tranh 1/8/1930.
D. cuộc đấu tranh nhân ngày Quốc tế Lao động 1/5/1930 diễn ra trên phạm vi cả nước, thể hiện rõ tinh thần quốc tế vô sản.

Câu 23: Bài học nào sau đây *không* phải là bài học kinh nghiệm của phong trào cách mạng 1930-1931?

- A. Bài học về công tác tư tưởng.
- B. Bài học về tổ chức, lãnh đạo quần chúng đấu tranh.
- C. Bài học về lãnh đạo quần chúng đấu tranh công khai, hợp pháp.
- D. Bài học về xây dựng khối liên minh công nông và mặt trận dân tộc thống nhất.

Câu 24: Tác động nào trở thành nguyên nhân chính dẫn đến phong trào cách mạng 1930-1931?

- A. Đảng cộng sản Việt Nam ra đời.
- B. Đời sống người dân khó khăn.
- C. Pháp tăng cường đàn áp cách mạng.
- D. Khủng hoảng kinh tế thế giới 1929-1933.

Câu 25: Điểm mới của Hội nghị tháng 5-1941 so với Hội nghị tháng 11-1939 BCHTW Đảng Cộng sản Đông Dương là gì?

- A. Thành lập Mặt trận thống nhất dân tộc rộng rãi chống đế quốc
- B. Đề cao nhiệm vụ giải phóng dân tộc, chống đế quốc, phong kiến
- C. Giải quyết vấn đề dân tộc trong khuôn khổ từng nước ở Đông Dương
- D. Tạm gác khẩu hiệu cách mạng ruộng đất, thực hiện giảm tô, giảm tức

Câu 26: Một trong những bài học kinh nghiệm rút ra từ thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945 có thể vận dụng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam hiện nay là

- A. xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân là nhiệm vụ hàng đầu.
- B. tăng cường liên minh chiến đấu giữa ba nước Đông Dương.
- C. kết hợp đấu tranh quân sự với đấu tranh chính trị, ngoại giao.
- D. kết hợp sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại.

Câu 27: Nhiệm vụ hàng đầu của cách mạng Việt Nam thời kì 1930-1945 là

- A. đánh đuổi đế quốc xâm lược giành độc lập dân tộc.
- B. đánh đổ các giai cấp bóc lột giành quyền tự do dân chủ.
- C. lật đổ chế độ phong kiến giành ruộng đất cho dân cày.
- D. lật đổ chế độ phản động thuộc địa, cải thiện dân sinh.

Câu 28: Sự kiện nào đánh dấu liên minh chiến đấu Việt-Miên-Lào được củng cố và tăng cường trong kháng chiến chống thực dân Pháp?

- A. Cùng nhau đấu tranh chống kẻ thù chung là thực dân Pháp xâm lược.
- B. Mặt trận Liên Việt, mặt trận Lào Ixara và mặt trận Khome Ixarac đã tiến hành đại hội (2-1951).
- C. Nhân dân ba nước đã sát cánh bên nhau, quân tình nguyện Việt Nam sang chiến đấu giúp hai nước Lào và Campuchia.
- D. Giành nhiều thắng lợi to lớn, buộc Pháp phải kí hiệp định Giơ-ne-vơ tháng 7-1954 về chấm dứt chiến tranh lập lại hòa bình ở Đông Dương.

Câu 29: Trong năm đầu sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đứng trước những khó khăn, thách thức nào?

- A. Nạn đói, nạn dốt, khó khăn về tài chính, giặc ngoại xâm và nội phản.
- B. Khối đoàn kết dân tộc bị chia rẽ sâu sắc, lực lượng chính trị suy yếu.
- C. Các đảng phái trong nước đều cấu kết với quân Trung Hoa Dân Quốc.
- D. Quân Pháp trở lại Đông Dương theo quy định của Hội nghị Póttxđam.

Câu 30: Nguyên nhân quyết định nhất đối với thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của Việt Nam là

- A. toàn quân toàn dân đoàn kết dũng cảm chiến đấu.
- B. sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng.
- C. tinh thần đoàn kết chiến đấu của ba dân tộc Đông Dương.
- D. sự ủng hộ giúp đỡ của Trung Quốc, Liên Xô.

Câu 31: Bài học kinh nghiệm nào trong kháng chiến chống Pháp (1945 - 1954) được Đảng tiếp tục vận dụng trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975)?

- A. Tăng cường đoàn kết trong nước và quốc tế.
- B. Tranh thủ sự đồng tình và ủng hộ của quốc tế.
- C. Kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang và binh vận.
- D. Kết hợp sức mạnh của dân tộc và sức mạnh của thời đại, sức mạnh trong nước với sức mạnh quốc tế.

Câu 32: Xương sống của Chiến tranh đặc biệt của Mỹ ở miền Nam là

- A. áp chiến lược
- B. lực lượng quân đội Sài Gòn.
- C. lực lượng cố vấn Mỹ.
- D. áp chiến lược và quân đội Sài Gòn.

Câu 33: Để chống lại chiến tranh du kích của Việt Nam, trong chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” Mỹ đã sử dụng chiến thuật quân sự

- A. bao vây, phóng lao.
- B. “tìm diệt” và “bình định”.
- C. dồn dân lập “ấp chiến lược”.
- D. “trục thẳng vận”, “thiết xa vận”.

Câu 34: Để ép Việt Nam nhân nhượng, kí một hiệp định do Mỹ đặt ra Níchxon đã cho máy bay B52 đánh vào đâu trong 12 ngày đêm năm 1972?

- A. Hà Nội, Nam Định.
- B. Hà Nội, Hải Phòng.
- C. Hà Nội, Thanh Hóa.
- D. Nghệ An, Hà Tĩnh.

Câu 35: Thách thức về văn hóa truyền thống của dân tộc Việt Nam khi gia nhập tổ chức ASEAN là gì?

- A. Truyền thống văn hóa của dân tộc Việt Nam bị mai một.
- B. Nguy cơ đánh mất bản sắc văn hóa truyền thống của dân tộc, hòa nhập dễ hòa tan.
- C. Nếu không tận dụng cơ hội để phát triển nước ta sẽ có nguy cơ tụt hậu so với các nước trong khu vực và thế giới.
- D. Sự cạnh tranh quyết liệt giữa các nước trong khu vực với nước ta do có nhiều điểm tương đồng về kinh tế, văn hóa, xã hội.

Câu 36: Việt Nam có thể rút ra bài học gì từ công cuộc xây dựng đất nước của Ấn Độ và cải cách mở cửa của Trung Quốc trong quá trình đổi mới đất nước?

- A. Ứng dụng thành tựu khoa học-kỹ thuật trong xây dựng đất nước.
- B. Đẩy mạnh cuộc “cách mạng xanh” trong nông nghiệp để xuất khẩu lúa gạo.
- C. Đẩy mạnh cuộc “cách mạng chất xám” để trở thành nước xuất khẩu phần mềm.
- D. Nâng cao trình độ dân trí cho nhân dân để khai thác hợp lí các nguồn tài nguyên.

Câu 37: Thắng lợi quân sự nào của quân và dân ta tác động trực tiếp buộc Mỹ phải ngồi vào bàn đàm phán và kí Hiệp định Pari 1973 về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam?

- A. Thắng lợi của nhân dân miền Bắc chống chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ nhất (1969) và lần thứ hai (1972) của Mỹ.

B. Thắng lợi Vạn Tường (1965) ở miền Nam và trận "Điện Biên Phủ trên không" (1972) ở miền Bắc.

C. Thắng lợi của cuộc Tiến công chiến lược (1972) ở miền Nam và trận "Điện Biên Phủ trên không" (1972) ở miền Bắc.

D. Thắng lợi của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân (1968) và trận "Điện Biên Phủ trên không" (1972).

Câu 38: Sau Hiệp định Pari năm 1973 về Việt Nam, nhiệm vụ của cách mạng miền Nam là

A. cùng với miền Bắc tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội.

B. tổng tiến công giành chính quyền về tay nhân dân, thống nhất đất nước.

C. tập trung đẩy mạnh khôi phục kinh tế, làm nghĩa vụ hậu phương đối với Lào và Campuchia.

D. đấu tranh chống "bình định - lấn chiếm", tạo thế và lực tiến công giải phóng hoàn toàn miền Nam.

Câu 39: Thắng lợi nào của dân tộc Việt Nam trong thế kỉ XX góp phần xóa bỏ chủ nghĩa thực dân trên thế giới?

A. Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975.

B. Cách mạng tháng Tám 1945 và kháng chiến chống Mĩ (1954 - 1975).

C. Cách mạng tháng Tám 1945 và chiến thắng Điện Biên Phủ 1954.

D. Kháng chiến chống Pháp (1945 - 1954) và kháng chiến chống Mĩ (1954 - 1975).

Câu 40: Sự kiện nào quan trọng nhất trong quá trình thống nhất đất nước về mặt nhà nước ở Việt Nam sau năm 1975?

A. Hội nghị Hiệp thương của đại biểu hai miền Nam-Bắc tại Sài Gòn (11/1975).

B. Quốc hội khóa VI của nước Việt Nam thống nhất họp kì đầu tiên (24/6 đến 3/7/1976).

C. Đại hội thống nhất Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

D. Tổng tuyển cử bầu Quốc hội chung trong cả nước (25/4/1976).

===== HẾT
=====

ĐỀ SỐ 5

Câu 1. Nội dung nào **không** phải là ý nghĩa của cách mạng tháng Mười năm 1917 đối với nước Nga?

- A. Mở ra kỉ nguyên mới đối với nước Nga.
- B. Giải phóng các dân tộc thuộc địa trên thế giới.
- C. Đưa nhân dân lao động đứng lên làm chủ đất nước.
- D. Giải phóng nhân dân lao động khỏi mọi áp bức, bóc lột.

Câu 2: Một trong những vấn đề cấp bách đòi hỏi các nước lớn phải giải quyết khi Chiến tranh thế giới thứ hai bước vào giai đoạn kết thúc là

- A. thành lập tổ chức Liên Hợp Quốc nhằm duy trì hòa bình và an ninh thế giới.
- B. thỏa thuận về việc đóng quân tại các nước nhằm giải giáp phát xít.
- C. phân chia thành quả chiến thắng giữa các nước thắng trận.
- D. Liên Xô sẽ tham chiến chống phát xít Nhật ở châu Á.

Câu 3: Chính sách đối ngoại của Liên Xô thực hiện từ năm 1950 đến nửa đầu những năm 70 của thế kỷ XX nhằm

- A. bảo vệ hoà bình thế giới.
- B. đối đầu với các nước Tây Âu.
- C. muốn làm bạn với tất cả các nước.
- D. quan hệ chặt chẽ với các nước XHCN.

Câu 4: Sự kiện nào sau đây **không** thuộc những biến đổi cơ bản của các nước Đông Bắc Á sau năm 1945?

- A. Từ các nước thuộc địa trở thành các nước độc lập.
- B. Sự ra đời của hai nhà nước trên bán đảo Triều Tiên.
- C. Sự thành lập nước Cộng hòa Nhân Dân Trung Hoa.
- D. Một số nước đạt nhiều thành tựu quan trọng trong công cuộc xây dựng đất nước.

Câu 5: CuBa từ sau cách mạng được mệnh danh là:

- A. lá cờ đầu trong phong trào đấu tranh ở khu vực Mỹ latin.
- B. lá cờ đầu trong phong trào giải phóng dân tộc ở Châu Mỹ.
- C. lá cờ đầu trong phong trào giải phóng dân tộc Mỹ latin.

D. lá cờ đầu trong phong trào chống chủ nghĩa thực dân Mĩ latin.

Câu 6: Điều kiện khách quan thuận lợi đối với cuộc đấu tranh giành độc lập ở các nước Đông Nam Á vào giữa tháng 8-1945 là gì?

A. Phát xít Nhật đầu hàng Đồng minh.

B. Quân Đồng minh đánh thắng phát xít Đức.

C. Chiến tranh thế giới thứ hai bước vào giai đoạn kết thúc.

D. Quân Đồng minh tiến công mạnh mẽ vào các vị trí của quân đội Nhật.

Câu 7: Nhận xét nào dưới đây phản ánh đúng mức độ giành độc lập trong phong trào giải phóng dân tộc ở châu Phi sau chiến tranh thế giới thứ hai?

A. Đồng nhau.

B. Giống nhau

C. Không đồng đều.

D. Mức độ độc lập của các nước sau độc lập không đều nhau.

Câu 8: Quan hệ Việt Nam - EU (thiết lập 1990) diễn ra trên lĩnh vực nào sau đây?

A. Trên tất cả các lĩnh vực theo chiều sâu.

B. Trên lĩnh vực công nghiệp và thủy sản.

C. Trên lĩnh vực công nghệ và giáo dục.

D. Trên lĩnh vực nông nghiệp và dầu khí.

Câu 9: Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến sự suy yếu của nền kinh tế Mĩ trong giai đoạn 1973-1991 là gì?

A. Do theo đuổi tham vọng bá chủ thế giới.

B. Sự vươn lên cạnh tranh của Tây Âu và Nhật Bản

C. Sự chênh lệch giàu nghèo quá cao trong các tầng lớp xã hội.

D. Kinh tế Mĩ không ổn định vấp phải nhiều cuộc suy thoái, khủng hoảng.

Câu 10: Mục tiêu cơ bản trong chính sách đối ngoại của Mĩ sau chiến tranh lạnh kết thúc là gì?

A. Thúc đẩy dân chủ trên thế giới.

B. Can thiệp vào công việc nội bộ của các nước khác.

C. Vươn lên chi phối, thiết lập trật tự thế giới đơn cực.

D. Đơn phương sắp đặt và chi phối trật tự thế giới mới.

Câu 11: Định ước Henxinki là biểu hiện xu thế hòa hoãn giữa các nước tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa vì lí do nào dưới đây?

- A. Tạo cơ chế giải quyết các vấn đề liên quan đến hòa bình, an ninh ở châu Âu.
- B. Tạo cơ chế giải quyết các vấn đề liên quan đến hòa bình, an ninh thế giới.
- C. Giải quyết các vấn đề liên quan đến hòa bình, an ninh châu Á.
- D. Giải quyết các vấn đề liên quan đến kinh tế, chính trị châu Âu.

Câu 12: Tình hình thế giới sau Chiến tranh lạnh đã đặt các quốc gia trong tình thế nào dưới đây?

- A. Phải nắm bắt thời cơ.
- B. Hạn chế thách thức và vươn lên.
- C. Phải nắm bắt thời cơ, đẩy lùi thách thức.
- D. Phải tiến hành chiến tranh để xác lập vị thế của mình.

Câu 13: Hãy sắp xếp các sự kiện sau đây cho phù hợp với diễn biến chính của phong trào Cần Vương?

1. Vua Hàm Nghi bị bắt và lưu đày ở An-giê-ri.
2. Chiếu Cần Vương được ban bố lần đầu tại Sơn Phòng Tân Sở.
3. Cuộc tấn công quân Pháp của phái chủ chiến tại kinh thành Huế.
4. Tiếng súng kháng chiến đã im lặng trên núi Vụ Quang.

A. 2 – 1 – 3 – 4. B. 3 – 2 – 1 – 4. C. 2 – 3 – 4 – 1. D. 3 – 4 – 1 – 2.

Câu 14: Nguyên nhân cơ bản nhất dẫn đến sự thất bại của phong trào yêu nước đầu thế kỷ XX là

- A. chưa có sự ủng hộ của đông đảo quần chúng nhân dân.
- B. chưa xác định đúng kẻ thù của dân tộc.
- C. chính quyền thực dân phong kiến còn quá mạnh.
- D. chưa có tổ chức lãnh đạo và phương pháp cách mạng.

Câu 15: Một nhận thức rất quan trọng của Nguyễn Tất Thành được hình thành trong giai đoạn 1911 – 1918 là

- A. không thể trông chờ vào sự giúp đỡ từ bên ngoài mà tự ta phải giải phóng cho ta.

- B. không thể dựa vào đế quốc để chống đế quốc.
- C. chỉ có một con đường cứu nước duy nhất là con đường cách mạng vô sản.
- D. ở đâu bọn đế quốc cũng tàn bạo, độc ác; người lao động ở đâu cũng bị áp bức bóc lột dã man.

Câu 16: Điểm khác biệt của phong trào công nhân Việt Nam trong những năm chiến tranh thế giới thứ nhất so với trước chiến tranh là gì?

- A. Kết hợp đấu tranh kinh tế với bạo động vũ trang.
- B. Kết hợp đấu tranh kinh tế với đấu tranh chính trị.
- C. Kết hợp đấu tranh kinh tế với bãi công biểu tình.
- D. Kết hợp đấu tranh chính trị với bạo động vũ trang.

Câu 17: Vì sao Nguyễn Ái Quốc bỏ phiếu tán thành gia nhập Quốc tế III?

- A. Quốc tế này giúp nhân dân ta đấu tranh chống Pháp.
- B. Quốc tế này đề ra đường lối cho Cách mạng Việt Nam.
- C. Quốc tế này bênh vực cho quyền lợi các nước thuộc địa.
- D. Quốc tế này chủ trương thành lập mặt trận giải phóng dân tộc Việt Nam.

Câu 18: Chương trình hành động của Việt Nam Quốc dân đảng được công bố năm 1929 đã xác định tư tưởng cốt lõi của tổ chức là

- A. Độc lập và tự do.
- B. Độc lập và dân chủ.
- C. Tự do, bình đẳng, bác ái.
- D. Thiết lập xã hội bình đẳng, bác ái.

Câu 19: Nội dung nào dưới đây **không** phản ánh đúng ý nghĩa của việc thành lập Đảng đầu năm 1930?

- A. Là kết quả của cuộc đấu tranh dân tộc và giai cấp của nhân dân Việt Nam.
- B. Hình thành nên khối liên minh công - nông, trở thành nòng cốt cách mạng.
- C. Là sự sàng lọc nghiêm khắc của lịch sử trên con đường giải phóng dân tộc.
- D. Là sản phẩm kết hợp giữa chủ nghĩa Mác-Lênin và phong trào yêu nước.

Câu 20: Tác phẩm nào dưới đây của Nguyễn Ái Quốc được xuất bản trong nửa đầu những năm 20 của thế kỉ XX?

- A. Đường Kách Mệnh
- B. Bản yêu sách 8 điểm.
- C. Báo Đòi sống công nhân.
- D. Bản án chế độ thực dân Pháp.

Câu 21: Mục đích chủ yếu của Đảng khi tổ chức phong trào đón phái viên G. Gôđa vào đầu năm 1937 là gì?

- A. Tập dợt lực lượng cách mạng.
- B. Thức tỉnh quần chúng đấu tranh.
- C. Biểu dương sức mạnh quần chúng.
- D. Đưa ra những yêu sách dân sinh, dân chủ.

Câu 22: Đoạn cuối bản Tuyên ngôn Độc lập, Hồ Chí Minh khẳng định “Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã thành một nước

- A. tự do, dân chủ”.
- B. độc lập, tự do”.
- C. tự do, độc lập”.
- D. độc lập, tự do”.

Câu 23: Nội dung nào dưới đây **không** phải là ý nghĩa của cách mạng tháng Tám 1945?

- A. Góp phần vào chiến thắng chống phát xít của phe Đồng minh.
- B. Mở ra một kỉ nguyên mới: độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.
- C. Buộc Pháp công nhận độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ.
- D. Phá tan xiềng xích của Pháp-Nhật và phong kiến, đưa nhân dân nắm chính quyền.

Câu 24: Chủ trương giải quyết vấn đề dân tộc của Đảng Cộng sản Đông Dương tại Hội nghị tháng 5-1941 có điểm gì khác so với Hội nghị tháng 11-1939?

- A. Giương cao ngọn cờ giải phóng dân tộc.
- B. Đặt vấn đề giải phóng dân tộc trong phạm vi từng nước.
- C. Đặt vấn đề giải phóng dân tộc là mục tiêu số một của cách mạng.
- D. Đẩy mạnh đấu tranh vũ trang, tiến tới khởi nghĩa giành chính quyền.

Câu 25: “ Nếu không giải quyết vấn đề được dân tộc giải phóng, không đòi được độc lập tự do cho toàn thể dân tộc, thì chẳng những toàn thể quốc gia dân tộc còn chịu mãi kiếp trâu ngựa, mà quyền lợi của bộ phận giai cấp đến vạn năm cũng không đòi được” là nội dung của văn kiện Hội nghị nào dưới đây?

- A. Nghị quyết Đại hội lần thứ nhất của Đảng.
- B. Nghị quyết Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 6.
- C. Nghị quyết Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 7.
- D. Nghị quyết Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 8.

Câu 26: So với phong trào 1930 – 1931, điểm khác cơ bản về phương pháp đấu tranh của thời kì 1936 – 1939 là kết hợp đấu tranh

- A. chính trị và vũ trang.
- B. công khai và bí mật.
- C. nghị trường và đấu tranh báo chí.
- D. ngoại giao với vận động quần chúng.

Câu 27: Điểm nổi bật nhất của phong trào cách mạng 1930-1931 là gì?

- A. Vai trò lãnh đạo của Đảng và liên minh công - nông.
- B. Đảng được tập dượt trong thực tiễn lãnh đạo đấu tranh.
- C. Thành lập được đội quân chính trị đông đảo của quần chúng.
- D. Quần chúng được tập dượt đấu tranh dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Câu 28: Nội dung nào dưới đây phản ánh đúng ý nghĩa chủ yếu của cuộc Tổng tuyển cử ngày 6-1-1946?

- A. Nâng cao uy tín của nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa.
- B. Đưa đất nước thoát khỏi tình thế “ngàn cân treo sợi tóc”.
- C. Khơi dậy tinh thần yêu nước, làm chủ đất nước của nhân dân.
- D. Giáng một đòn vào âm mưu xuyên tạc, chia rẽ của kẻ thù đối với chế độ mới.

Câu 29: Bài học cơ bản nào cho công cuộc bảo vệ chủ quyền biển đảo Việt Nam được rút ra từ quá trình đàm phán kí kết Hiệp định Sơ bộ (6-3-1946)?

- A. Tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế.
- B. Đa phương hóa các mối quan hệ.
- C. Kiên trì trong đấu tranh ngoại giao.

D. Giải quyết tranh chấp bằng hòa bình.

Câu 30: Hãy sắp xếp các sự kiện sau đây theo đúng trình tự thời gian:

1. Ta tiêu diệt hoàn toàn cụm cứ điểm Đông Khê.
2. Quân ta chặn đánh địch làm cho hai cánh quân không gặp được nhau.
3. Quân ta nổ súng đánh vào Đông Khê.
4. Đường số 4 được giải phóng.

A. 1,2,3,4.

B. 3,1,2,4.

C. 2,3,4,1.

D. 4,3,2,1

Câu 31: Ngày 8 - 5 - 1954, phái đoàn Chính phủ ta do Phó thủ tướng, kiêm Bộ trưởng Ngoại giao Phạm Văn Đồng dẫn đầu đến Hội nghị Giơnevơ với tư cách

- A. đại diện cho một dân tộc chiến thắng.
- B. đại diện cho các lực lượng yêu chuộng hòa bình.
- C. đại diện cho ba dân tộc Việt Nam, Lào, Campuchia.
- D. đại diện cho các nước thuộc địa của thực dân Pháp.

Câu 32: Nội dung “bình định miền Nam trong 2 năm”, là kế hoạch quân sự nào sau đây của Mỹ?

- A. Kế hoạch Xtalây Taylo.
- B. Kế hoạch định mới của Mỹ.
- C. Kế hoạch Giônxon Mac-Namara.
- D. Kế hoạch Đờ-Lát Đờ-tát-Xi-nhi.

Câu 33: Kết quả lớn nhất của phong trào “Đồng khởi” năm 1960 ở miền Nam là gì?

- A. Phá vỡ từng mảng lớn bộ máy cai trị của địch.
- B. Lực lượng vũ trang được hình thành và phát triển.
- C. Tịch thu ruộng đất của bọn địa chủ chia cho dân cày nghèo.
- D. Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam ra đời (20 – 12 – 1960).

Câu 34: Mục tiêu của Mỹ trong các cuộc phản công chiến lược hai mùa khô (1965 -1966 và 1966 – 1967) là gì?

- A. Đánh bại chủ lực Quân giải phóng.
- B. Đánh phá (đất thánh Việt Cộng).
- C. Tiêu hao lực lượng của ta.
- D. Bình định miền Nam.

Câu 35: Ý nào dưới đây **không** phải là âm mưu của Mĩ trong cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ nhất?

- A. Cứu nguy cho chiến lược “Chiến tranh cục bộ” ở miền Nam.
- B. Uy hiếp tinh thần, làm lung lay quyết tâm chống Mĩ của nhân dân ta.
- C. Phá tiềm lực kinh tế và công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc.
- D. Ngăn chặn nguồn chi viện từ bên ngoài vào miền Bắc và từ Bắc vào Nam.

Câu 36: Được 23 nước công nhận, trong đó có 21 nước đặt quan hệ ngoại giao khi mới ra đời. Đó là

- A. chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam.
- B. chính phủ nước Cộng Hòa xã Hội chủ Nghĩa Việt Nam.
- C. chính phủ nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa.
- D. Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam.

Câu 37: Mĩ đã dùng thủ đoạn nào dưới đây nhằm phá vỡ khối liên minh đoàn kết chiến đấu của ba dân tộc Đông Dương?

- A. Đảo chính lật đổ Chính phủ N.Xihanúc.
- B. Sử dụng quân Campuchia tấn công Lào.
- C. Viện trợ cho Chính phủ N. Xihanúc.
- D. Hợp tác với quân dân Lào.

Câu 38: Cầu Mĩ Thuận ở Đồng bằng sông Cửu Long do một Đồng minh của Mĩ từng tham chiến tại miền Nam (1965-1968) xây dựng là quốc gia nào dưới đây?

- A. Hàn Quốc.
- B. Thái Lan.
- C. Philippin.

D. Ôxtrâylia.

Câu 39: Loại hình “Việt Nam hóa chiến tranh” nằm trong chiến lược nào dưới đây của Mỹ?

- A. Chiến lược toàn cầu.
- B. Chiến lược dẫn đê thực tế.
- C. Chiến lược phản ứng linh hoạt.
- D. Chiến lược cam kết và mở rộng.

Câu 40: Tên nước là Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được thông qua tại sự kiện chính trị nào dưới đây?

- A. Cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội chung (4-1976).
- B. Hội nghị Hiệp thương chính trị thống nhất đất nước (11-1975).
- C. Hội nghị lần thứ 24 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (9-1975).
- D. Kì họp thứ nhất Quốc hội khóa VI nước Việt Nam thống nhất (7-1976).

.....HẾT.....

